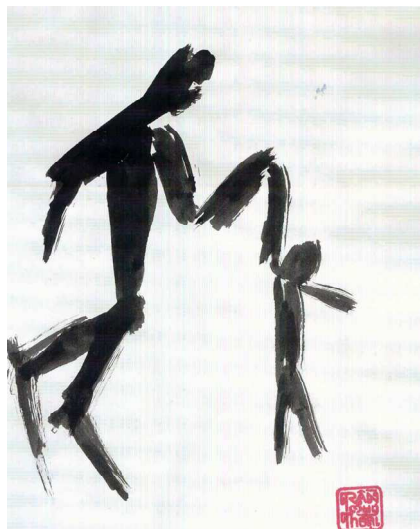


THƯ' QUÁN BẢN THẢO



Mang Viên Long * Nguyễn Vy Khanh * Nguyễn Phan Thịnh *
Nguyễn Lệ Uyên * Từ Thế Mộng* Hải Phương * Nguyễn Nhung
* Vĩnh Hảo * Trần Hoài Thư * Ý Yên * Phạm văn Nhân *
Hoàng Xuân Sơn * Lữ Kiều * Nguyễn Đức Bạtngàn* Cao Vị
Khanh * Ng~ thị Tường Vy* Trần Bang Thạch * Hồ Thủy Giủ *
Vĩnh Liêm * Trần Ngươn Phiêu * Lê Nguyên Ngử * Tô Duy
Thạch * Nguyễn Nam An * Đỗ Hồng Ngọc * Nguyễn Thị Hoàng
* Lê văn Trung * Phan Xuân Sinh * Ng. Lu...

TẬP **TÁM** THÁNG 11 - 2002

Thư Quán Bản Thảo

Tuyển tập văn học nghệ thuật

TẬP TÁM, THÁNG MƯỜI MỘT NĂM 2002

Độc trong số này:

Viết chung 5 • Nguyễn Thị Hoàng : *thơ* 30 • Lê Nguyên
Ngữ : *thơ* 32 • Nguyễn Vy Khanh: *Hiện tượng người viết
trẻ trước 1975* 34 • Mang Viên Long : *Bên trời mơ ước* 44
• Ý Yên : *thơ* 59 • Trần Hoài Thư : *Khi mùa hoa cà phê
nở* 60 • Lê Văn Trung : *thơ* 67 • Phan Xuân Sinh : *viết về
Lê Văn Trung* 69 • Nguyễn Lệ Uyên : *Buổi sáng mát mẻ*
71 • Nguyễn Phan Thịnh : *thơ* 84 • Trần Huiễn Ân :
Sương mai 87 • Hải Phương : *thơ* 94 • Tô Duy Thạch :
thơ 96 • Phạm Văn Nhân : *Một chút ngậm ngùi* 98 •
Nguyễn Nam An : *thơ* 105 • Hồ Thủy Giữ : *Mùa xuân
trên đỉnh cây* 106 • Nguyễn Đức Bạtngàn : *Giữa triền hạn
reo* 119 • Trần Ngươn Phiêu: *Mùa vu lan nhớ ngoại* 128 •
Từ Thế Mộng : *Sao buổi chiều đó trời lại cao như thế* 143
• Đỗ Hồng Ngọc : *thơ* 147 • Hoàng Xuân Sơn : *thơ* 149 •
Vĩnh Hảo : *Vốn liếng* 151 • Nguyên Nhung : *Bằng với cấp*
160 • Trần Bang Thạch : *Độc tuyển truyện Nguyên Nhung*
165 • Cao Vị Khanh : *Từ lục bát dễ em đến lục bát sa
môn và lục bát hoàng phái* 173 • Lữ Kiều : *Nơi đảo xa (*
kịch) 189 • Đính chánh bài thơ của Ng~ thị Tường Vy 199
•

Tranh bìa: Trần Quý Thoại.

-Mọi sự sao, trích, đăng lại xin vui lòng ghi rõ xuất xứ “

Trích từ Thư Quán Bản Thảo tập.... ”

***-Tập Chín sẽ phát hành vào tháng một năm 2003. Xin gửi
bài về trước 20 tháng 12 năm 2002 và xin dùng email để gửi
về nhanvanpham@yahoo.com.***

Viết chung

Những trang viết từ Houston: Trên đất Chí Phủ, quê hương của Ngài.

Trần Bang Thạch

Những ngày còn thật nhỏ, sống trong ngôi nhà từ đường thật to của ông nội tại làng quê, tôi đã biết Ngài. Ông nội tôi vốn là một nghĩa sĩ trong cánh quân kháng Pháp của con trai Cụ Phan Thanh Giản là Phan Liêm. Sau lần thất trận cuối cùng trong vùng núi Sập, cánh quân tan rã, mỗi người tự tìm nơi ẩn náu. Ông nội tôi về ẩn cư nơi làng Xẻo Môn, một vùng chưa được khai phá hết, cách thành phố Cần Thơ chừng một ngày rưỡi đi ghe chèo. Thuở đó trong vùng chỉ mới có vài chục nóc gia. Bằng sức trai trẻ, ông nội tôi lần hồi tạo nên nhà cửa, vườn tược. Để tránh bị khó khăn với nhà nước, ông nội tôi, với chút ít chữ nho nên nhận chức hương sư trong ban hội tề của làng. Có lẽ vì vậy mà ngôi nhà của nội tôi có vẻ rất là học thức. Trên các cây cột gỗ thau lau lên nước, to bằng một vòng ôm có các câu liễn bằng gỗ mun sơn đen khắc các đại tự vàng óng; còn các bức hoành phi bằng nhung cũng có các đại tự dát ngọc, tất cả là chữ nho mà tôi hiểu một cách rất mơ hồ. Những câu gọi là “*Khổng Tử viết*” treo nơi đại sảnh, đơn giản và dễ nhìn mặt chữ như “Tam nhân đồng hành tắc hữu ngã sư” thì tôi có thể hiểu được; còn như các câu “Kỷ sở bất dục vật thi ư nhân” hay “Tiên trị kỳ gia hậu trị kỳ quốc”... tôi thấy mỗi ngày mấy chục lần mà có biết gì đâu, tuy có được ông nội dạy chút ít. Đặc biệt có bức chân dung của Ngài vẽ trên vải, treo nơi thư phòng nội tôi. Bức vẽ đã cũ, khá to, với những chấm phá bằng nét mực tàu. Đó là chân dung của một người già trán cao, mũi thẳng, có ba chòm râu thông tới vai áo, đầu đội mũ ni

có cái chóp quạp về phía sau, ngồi phe phẩy quạt ba tiêu trên chiếc xe cây do mấy đệ tử đẩy. Ông nội tôi bảo đó là Đức Vạn thế sư biểu, và dạy tôi phải ăn ở theo khuôn phép của Ngài nếu muốn nên người hữu dụng sau này. Có lẽ vì vậy mà khi có chút suy nghĩ, mỗi lần vòng tay ngang ngực trước mặt một người lớn tuổi, hay mỗi lần mở miệng là thưa kính, dạ vâng... tôi có cảm tưởng như bóng hình Ngài lẩn khuất đâu đó.

Sau này vào trường học, cửa Khổng sân Trình càng ngày càng thênh thang, tuy không học chữ nho và khi làm thầy giáo cũng không dạy chữ nho, vậy mà tôi vẫn thấy Ngài quanh quẩn bên mình. Cái lễ phép và lòng tôn kính của mình đối với người trên kẻ trước, thượng bất chính hạ tắc loạn, hay đối với thầy cô giáo, hay về sau học trò đối với mình, nhất tợ vì sư bán tợ vì sư, phải chăng bắt nguồn từ những gì gọi là “Khổng Tử viết”? Điều này thì tôi không chắc, nhưng tôi biết chắc có một người bạn cùng đi trong nhóm, buổi sáng hôm ấy trước khi viếng lăng Ngài, đã tắm rửa sạch sẽ, mặc cái áo trắng tinh ủi hồ, cái quần thẳng nếp, đầu chải thẳng thơm, nói là cần phải ăn mặc tươm tất để trình trọng đi gặp người đã dạy mình biết ăn ở lễ phép.

Đi gặp Ngài? Có phải là thật không? Đứng trên đất của Ngài mà tôi vẫn thấy mình đang mơ. Thời gian thì hơn 2500 năm (Ngài sanh ngày 27 tháng 8 năm 551 BC, mất 18 tháng 2 năm 479 BC). Khoảng cách thì 15 giờ bay phản lực vượt Thái Bình Dương, cộng với 11 giờ trên xe lửa tốc hành chạy suốt đêm trong nội địa. Thời gian và không gian đã quá to rộng, quá mênh mông, vậy mà cảm tưởng của tôi khi đứng trên đất Ngài thì có lẽ mênh mông hơn nhiều. Chắc chắn là không phải vì cái quận lỵ Chí Phủ to rộng, cách Tây An, tỉnh Sơn Đông 100 km với hơn nửa triệu cư dân, trong đó có hơn 60% là người họ Khổng,

đi ra đường là gặp cháu chắt của Ngài. Cũng không phải vì cái diện tích bao la hơn 210 mẫu đất vuông của 3 thắng tích: Khổng Miếu, Khổng Phủ và Khổng Lâm. Và chắc chắn cũng chẳng phải vì toàn thể có tới 966 phòng ốc và giảng đường, 2320 bia đá dựng trên các rùa đá to bằng hai tấm ngựa gỗ và vô số cổ thụ, bút tích, tranh ảnh, bản khắc, ...Tôi cảm thấy cái mệnh mông trong tâm tưởng mình chính là nhà lập thuyết và là nhà đại giáo dục Khổng Tử, tên là Khâu, tự Trọng Ni, và chính đạo Nho của Ngài. Tư tưởng của Khổng Phu Tử có ảnh hưởng sâu đậm chẳng những toàn cõi Trung Hoa mà còn lan rộng ngoài nước, nhất là vùng Đông Nam Châu Á. Những cấu trúc văn hóa, chính trị, kinh tế, quân sự,...các đặc tính tâm lý và đạo đức luân lý... đều mang cái tinh túy của Nho giáo. Tôi cũng thấy cái mệnh mông trên một vuông đất nhỏ vừa bằng chiếc chiếu, nằm phía sau điện Đại Thành, gọi là Hạnh Đàn, nơi mà những Nhan Hối, Tăng Sâm, Tử Hạ, Tử Lộ, Tử Cống...ngồi học với Thầy. Quanh đây không còn người cũ, nhưng còn thật nhiều cây hạnh, đặc biệt là cây tùng cổ, gốc to, sần sùi, trên ngọn còn loe hoe mấy nhánh lá xanh, tục truyền là do Đức Khổng Tử đã trồng cách đây 25 thế kỷ! Nhìn cây mà nhớ Người! Cũng như nhìn bức tường thành (Lỗ Bích), phía sau Khổng Trạch Cổ Tỉnh (Giếng cổ nhà họ Khổng), mà nhớ những bút tích, sách vở của Ngài và môn đệ đã được con cháu cất giấu nơi đây để tránh chính sách khanh nho phần thư của nhà Tần. Đến thời Đại Cách mạng Văn hóa Trung hoa cuối thập niên 60, lãnh tụ đã dạy rằng: tư tưởng không bằng cục phân, nên dù hàng triệu triệu vệ binh đỏ có tìm kiếm để tiêu diệt thì đã quá muộn: Tư tưởng Nho Giáo đã vào tận xương tủy của hàng tỉ người rồi! Đức Khổng Phu Tử vẫn đứng sừng sững trên đất nước Trung hoa dù đang trắng hay đỏ hay hồng. Nho giáo vẫn bám cứng trên từng nhánh cây thước đất dù đất nước Trung hoa có bao lần thay da đổi thịt từ gần 2500 năm nay.

Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín còn trong nhân gian thì Nho học không lỗi thời.

Cuối cùng thì tôi thấy mình thật nhỏ nhoi khi đứng trước ngôi mộ của Ngài, dù ngôi mộ không lớn. Ngôi mộ thật đơn sơ, thật bình thường như những ngôi mộ bình thường trong dân gian, diện tích chừng hơn hai trăm thước vuông, có vòng rào bằng đá, mấy lớp cỏ đuôi chó che phủ núp mộ bằng đất nung. Mộ nằm ở trung tâm khu rừng nhân tạo to nhất thế giới, rộng 200 mẫu tây gọi là Khổng Lâm, nơi có hơn 20 ngàn cây cổ thụ đủ loại được trồng bởi những người yêu mến Ngài từ khắp nơi, nhiều cây có cả ngàn tuổi. Khổng Lâm từ trước đến nay vẫn được coi là nơi chôn cất của những người mang họ Khổng, dù người ấy mất trong nước hay ngoài nước; hiện nay đã có trên ngàn ngôi mộ với bia đá đặt trên lưng rùa hay nghê. Mộ Ngài nằm trên thế đất yên ngựa, trước mộ là tấm bia nhỏ với 9 chữ nho: Đại Thánh Chí Thánh Văn Tuyên Vương Chi Mộ. Bên phải mộ Ngài là mộ của con trai Khổng Lý, phía trước là mộ cháu nội Khổng Cập; phải chăng người xưa muốn nói rằng “sống sau lừa sống trước” ?

Đã học đòi theo lời dạy của Ngài từ khi còn nhỏ nơi trường, rồi nơi Sân Trình Cửa Khổng, bây giờ tóc đã bạc gần hết, tuổi đời cũng gần hết mà khi nghĩ đến Ngài, sao thấy vô cùng tủi hổ! Muốn làm một ngọn cỏ đuôi chó nhỏ nhoi bò trên mộ Ngài chắc cũng chẳng ai cho !

Trung tuần tháng Mười, 2002

Cà kê với bạn bè

Ng~ Lu

Hơn ba mươi năm về trước, nhà văn A. Camus, trong bài

diễn văn nhận giải Nobel tại Oslo, có nói đại ý rằng: đầu là bậc thánh thì ít nhất một lần trong đời chúng ta không thể tránh khỏi những lầm lẫn. Vâng. Lầm lẫn quả là tai hại khôn lường. Trong tình cảnh ấy chỉ còn biết than thở với chính mình; quá lắm thì với bạn thân thiết. Tôi không phải, càng không thể là thánh, nên suốt cuộc đời đã phạm phải không ít lầm lẫn tai hại, nhưng không lần nào đau cho bằng lần này, khi nổi máu yên hùng, cả gan ngoáy cái truyện ngắn đem dự thi, rồi thì nghe thông báo đạt giải nhất! Tai họa đổ ập xuống đầu: tiếng xì xèo to nhỏ lan ra như con sóng dữ. Rằng tại sao lại đi phát giải nhất cho tên sĩ quan ngu? Rằng quan điểm, rằng lập trường. Nghe mà tim muốn rụng, mặt mày tái xanh tái xám như thể bị phạm tội tày đình, bị phạm hủ. Nghĩ lại thấy mình ngu. Gần sáu mươi vẫn còn mong muội, u mê đùa giỡn với văn chương chữ nghĩa không dành cho mình. Cái tội lỗi đình đám thò cẳng ngồi chung chiếu với hương hào, lý trưởng, lại còn nghênh ngang bông phèng múa bút thì quả đáng đóng gông, cùm chặt hai tay lại. Nói có mồ ma cụ Trần Dần, chữ đã bị bẻ bút rồi thì không còn hứng khí để mà “cầm dao viết văn trên đá” như cụ . Kính thưa cụ, con tởn tới già rồi cụ ạ! Cụ có chê con là thứ đồ đồ gì đi chẳng nữa, con chịu, chữ thiệt tình con không dám đem cái ngu đam mê nghiệp chương oan nghiệt kia để giỡn cợt nữa. Nhưng mà, cái sự đời, khi nói đi phải nói lại: Mình không thò mặt ra múa nơi sân đình thì về nhà đóng cửa múa cho vợ con, bạn bè xem cũng được chứ sao? Mà lỡ vợ con bạn bè có đem bán đứng như mụ Kiều thơm tho múi mít bán đứng Từ Hải thì cũng phải ề cổ ra cho người ta nắn bóp chứ kêu ai?

Ui chao là buồn nên phải mượn cái ông @ than thở với ông Nhân, ông Thư để chia sẻ cái ngu cho người khác. Làm như thể hai ông bạn cố tri xúi tôi đi ngu vậy.

Hèn gì, sau đó khi nhận TQBT 7, tôi gọi điện cho ĐTT và MVL nói để copy vào đĩa mềm cho các ông đọc, thì đầu

dây bên kia có tiếng la ùi ùi: “ *Tậu* quá ông ơi, đừng có mà chếp chiếc gì ráo trọi. Nói vậy là biết là mừng rồi. Nghe ông nói, tui coi như đã đọc rồi. Chớ có chếp ra nghe. Phiền lắm?” . Hóa ra hai ông bạn quý của tôi thường đọc *Thiền*, hay lên chùa tụng kinh *Bát Nhã*, *Lăng Nghiêm*... nên ngộ sớm hơn tôi, cái thằng u mê ám chướng này. Mà cơ khổ tôi không có duyên sao đó, bởi cũng thường gần gũi hầu hạ thánh thần, nhưng chỉ có ma quỷ độ trì. Lại thiệt?

Được cái là bà vợ già thương cảm, bèn dúm cho ba trăm với lời dặn: thôi thì về trông một chuyến thăm nhà, thăm bạn bè và học trò xưa. Đến khi ngồi trên ghế xúp xe đồ lắc lư dẫn xóc gần sáu trăm cây số tôi mới nhớ, mới cảm được những chuyến đi của *Vũ Hữu Định* ngày trước. Những cái lắc lư, dẫn xóc ấy đã làm bật những bài thơ gan ruột của anh, để cống hiến cho độc giả: “... Anh khách lạ đi lên đi xuống. May mà có em đời còn để thương...” . *Định* mất từ lâu. Nhưng em của *Định* vẫn còn lẫm đẫm khói sương, vương vít hồn người.

Mấy ngày Nam du ngắn ngủi, thấy lòng bớt trống trải. Học trò vẫn nhớ, trân trọng thầy cũ. Mặc dù ông thầy bây giờ có bắc thang cũng không với tới chỗ đứng của chúng. Lắm đứa làm quan to thấy tình cảnh của thầy bèn rủ nhau lấy tờ nhật trình gói lại, lén lén nhét vào túi xách thầy. Ông thầy khốn khổ biết tất, nhưng không phản ứng, chỉ có lời đề nghị là chiều mai mời tất cả ra cái quán sát bờ sông uống một bữa chia tay. Chúng đến đủ cả: quan to, quan nhỏ chỉ đến nông dân, buôn thúng bán bưng, chạy xe thô. Mùi mồ hôi, bùn phèn và mùi máy lạnh, nước hoa trộn lẫn khắp quán. Tất cả đều ngồi vây tròn trên chiếc đệm to, nhắc chuyện học hành năm xưa hồn nhiên, vô tư y chang như khi chúng còn là học sinh trong trường, làm ông thầy muốn khóc được. Tiệc mãn, chúng im lặng để thầy trả tiền, trước khi bắt tay, ôm nhau chia tay và hẹn gặp, ồn ào và rưng rưng. Một ngày vui vẻ. Một đêm

không mộng寐, ma quái. Nhưng hồi ơi, khi sắp xuống bến xe Chợ Lớn, lục túi xách trả tiền vé lại thấy cái gói nhật trình khác nằm đó tự hồi nào. Ông thầy già lại phạm phải một sai lầm lớn nữa, lại mắc nợ chuyện tình cảm với đám học trò cũ mà không biết bao giờ mới trả xong?

Trong một tháng phạm phải hai lỗi lầm to bự tổ chẳng, khiến lòng tôi cứ bồn chồn nao nao, không yên bụng. Đêm trần trọc, lăn trở khiến bà vợ phải lên tiếng an ủi: nếu phải bỏ lên cân tiểu ly thì tôi chắc vụng sau nhẹ hơn vụng trước nhiều. Cả hai đều xuất phát từ ý thức, nhưng chuyện sau là tình cảm ruột thịt, là nghĩa tình “Quốc văn giáo khoa thư”. Còn chuyện tháng trước là nợ nần ân oán vay trả của nghiệp chướng, của đám đông, không thể cãi lại được. Cái lý của kẻ thắng là sức mạnh. Nghe vợ nói, tôi chửi thề trong miệng: tổ cha thằng Gobel (bộ trưởng thông tin thời Hitler). Rồi vợ tôi dỗ dành, ru tôi như ru đứa cháu ngoại bằng mấy câu thơ của Việt Phương:

*Nửa chừng xuân lại nửa chừng đông
Đường đi tưởng thẳng hóa ra vòng
Mưa phùn bụi quá không thành giọt
Có có, không không, không có không.*

Sáng dậy câu nói nịnh đầu tiên với vợ là: bà vợ già yêu quý muôn năm, rồi hun đánh chụt lên má trước sự chứng kiến của mấy cây mần cầu, cây mận và hàng cây kiểng lều quèo trước sân. Chúng vẫy vẫy mấy cành lá như khuyến khích tôi.

Vậy là tôi nhảy xô vào phòng, mở máy và gõ cái truyện Vợ chồng Già, trước để tặng nịnh vợ, sau tặng bạn bè thân thiết phương xa đọc cho vui, không đại gửi đi chen lấn thử thời vận văn chương nữa. Bởi kể từ đó vợ thường nhắc nhở, sợ tôi hứng chí bất tử rằng: đăng lên, có ba đồng nhuận bút, cà phê cà pháo cũng tốt thôi. Nhưng sự đời biết đâu mà lường. Chi bằng mình cứ hái hột táo non phơi khô, đem rang, giã nhỏ làm cà phê giả mà uống vậy, yên bụng hơn, mà trị được lãi dừa, lãi kim. Tôi khen liền

miệng: bà nói chí phải, bà sáng suốt lắm lắm.

Nói thêm: từ chữ đầu tới chữ cuối trong mấy trang này, tôi đem nói lại cho anh Ân và Long nghe. Câu trả lời của hai ông bạn thân khốn khổ khốn nạn của tôi là : Đụ mẹ, ông thấy chưa?

Lại nói thêm: Kính thưa, kính gửi bốn phương tám hướng, em đã sáng mắt rồi ạ.

(Chốn quê mùa, tháng 9/02)

Nói chuyện với người bạn cũ, Ng~ Lu

Phạm Văn Nhân

1/

Tôi chép bài thơ này cho bạn đọc. Bài thơ của người bạn mà đã lâu bạn chưa gặp lại:

Cảm tạ em mỗi ngày tôi vẫn còn giấc mơ

Khi mỗi ngày tôi đẩy đời tôi đi buồn bã

Khi mỗi ngày tôi đi qua trăm ngàn đèn xanh đèn đỏ

Tất chớp liên miên giữa cõi chợ người

Cảm tạ mỗi ngày em vẫn cho tôi

Niềm vui khua giòn trên bàn máy gõ

Những niềm vui mỗi ngày mọc lên nho nhỏ

Cứ xanh hoài trên khung cửa hồn tôi

(cảm tạ đời - trần hoài thư)

Có còn xanh như thuở nào không? Cái thuở mà bạn nói: *tuổi trẻ vô tâm, tuổi trẻ khổ đau, tuổi trẻ của đạn bom, tuổi trẻ của đầy dọ dần vật một thời khói lửa...* “ cùng vô vàn những tuổi trẻ khác lướt thướt bay qua cuộc đời chúng ta. Tưởng đã mất, vậy mà giờ này bỗng hiện về, gần gũi mà có lúc cầu nguyện phép mầu của những bà tiên nhân từ cũng không thể tìm thấy được ”.

Đúng, bạn ạ. Hôm nay tôi gặp lại những người bạn mà tưởng rằng sẽ không bao giờ gặp lại khi tôi ở trên xứ

người, còn các bạn thì vẫn còn trên quê nhà, cách biệt. Khó mà gặp nhau, nhưng hôm nay lại gặp nhau trên TQBT. Bạn có ngờ không, trong một thoáng suy nghĩ của những người bạn còn một chút “ tâm huyết “ nghĩ về anh em bên nhà như Nguyễn Cát Đông, Cao Vị Khanh, và Trần Hoài Thư là làm sao tụi mình có một tờ báo để anh em “ gặp nhau ” như thời thập niên 60. Cái thời còn rất trẻ. Cái thời của những người trẻ đam mê “ gừng, nghệ ” để đi lại những bài của anh em còn trong nước trước 1975. Ý nghĩ thì dễ, mà đi vào thực tế thật khó. Phải nói là thật khó khi anh em lại giao trách nhiệm cho tôi. Và, trong một giây phút “ bốc đồng ” rất thích thú đó, TQBT được ra đời, với những “ nỗ lực ” của từng người. Ai rồi cũng phải chịu hy sinh một chút, chịu ngồi lại một chút để hoàn thành cái tâm nguyện của mình. Cũng nhờ có Nguyễn Cát Đông liên lạc được với anh em trong nhóm Khai Phá cũ. Và tôi với Trần Hoài Thư liên lạc được với anh em trong nhóm Ý Thức cũ, và một số anh em cầm bút cũ ở miền Trung (Tuy Hòa, Nha Trang). Sau lần liên lạc được với bạn bè cũ, TQBT tiếp tục đi mãi, đi mãi cho đến hôm nay, hai tháng một số. Vì thật sự nhíp cầu đã bắt lại được rồi. Phải không bạn.

Nhíp cầu nối lại được, cho nên, từ một nơi hẻo lánh, nơi bạn đang ở cũng như Võ Tấn Khanh đang ở, mà anh bạn “ nhà quê ” của tụi mình. Chữ của Võ Tấn Khanh, ở tận nơi “ Thuôn “ Phan Rang cũng nghe thấy và đã đọc được TQBT do Nguyên Minh mang đến (từ tập 1 đến tập 6), và gửi bài ra cho anh em. Nhìn trên dấu bưu điện ghi giá cước phí :15 ngàn đồng VN đâu phải là nhỏ đối với Khanh?! Tôi nghĩ: mất hết năm buổi ăn sáng của anh là ít, nếu Khanh còn phong lưu như trước 1975. Trong bao thư tôi nhận được chỉ vỏn vẹn có bài thơ và lá thư thăm hỏi mừng anh em mà Khanh viết trên tờ pelure thật mỏng. Kế đến là anh Nguyễn Phan Thịnh, dù đối với tôi chưa có duyên gặp anh ấy vào thời gian anh cũng ở Phan Rang,

cũng về Thuôn thăm vườn cây ăn trái của Võ Tấn Khanh. Và sau này, anh vào Thủ Đức (khóa 25) ra trường đổi về Dục Mỹ. Tôi cũng ở nơi Huấn Khu đó cho đến ngày tan đàn, gãy gánh, thế mà vẫn chưa có duyên để gặp . Nay thì gặp nhau trong cái tình “ văn nghệ, văn gừng ” trên TQBT. Để thấy cái tuổi đời của tôi, của bạn, và của bạn bè mình, vui một chút ở tuổi về già. Cái tuổi mà Thư nói hôm nay: *đang đẩy đời tôi đi buồn bã* đó. Thật vậy, nhìn về tương lai ở cái tuổi sáu mươi này, chẳng có gì để vui. Bóng hoàng hôn đang dề dề, dề dề xuống đôi vai mà tuổi đời đã gánh nhiều nỗi oan khiên. Nay gặp lại nhau, vui thật, tựa như vào tuổi 20 năm nào xa lắc đó. Nhưng rồi cũng có nỗi buồn khi đọc những dòng thơ của bạn:

Xoay bên này là chùm gai bàn chải

Nghiêng bên kia một bụi xương rồng

Ngửa mặt nhìn trời thấy chiếc chổi giơ cao

Cúi mặt xuống dễ hoá thành sâu bọ

Bạn bè còn lại trong nước như thế sao? Nhất là những người bạn cầm bút trước 1975. Như VTK nói với tôi trong lá thư gửi : *Tôi bây giờ lạc hậu lắm, chẳng biết email là gì, vì ở quê. May còn có chút ánh sáng của ngọn đèn điện để soi rõ đêm hôm. Một chút văn minh còn sót lại nơi thôn dã.* Còn anh NPT, gần 20 năm sống ở Sài Gòn, vẫn chưa tìm ra cái hộ khẩu để sinh hoạt với bà con chòm xóm trong khu phố. Anh vẫn xem như: sống lậu trên quê hương. Và còn nhiều nữa, trong đó có bạn. Cái bụi gỗ mà bạn đứng hằng bao nhiêu năm, để thấy bụi phấn bay trên vai áo đó, đã bị người ta lấy mất đi rồi. Nay phải chuyển nghề khác để “ mưu sinh ”. Và, cũng vì máu “ văn nghệ, văn gừng ” trỗi dậy khi gặp lại anh em, bạn bè nên nửa đêm ngủ không được lấy bút lấy nghiên mài mực ngồi viết. Viết rồi lại đem dấu dưới đáy thùng cạp tông chờ có người bạn nào thật tâm huyết mới lấy cho xem. Mà phải ngó trước dòm sau. Xem vách có tai hay không rồi mới

dám cho bạn bè đọc.

Hỏi ra thì “cụ” nào cũng như nhau. Ngứa ngứa tay chân khi đầu óc muốn làm việc “gừng, nghệ”. Đầu mất rồi cái thời, mà đi tới đâu, bạn bè cũng chia ngọt sẻ bùi, chẳng sợ ai phải ngó trước nhìn sau. Còn nếu không gặp bạn bè tâm huyết thì phải dấu kỹ bài mình viết, không thì lụy vào thân.

Nhưng hôm nay bạn bè gặp lại, ngồi gõ trên bàn phím thấy vui lắm chứ. Không phải sợ: *Ngửa mặt nhìn trời thấy chiếc chổi giơ cao.*

Thầy kệ. Nói như bạn nói tôi đã thấy vui rồi: *Cầm những tập Bản Thảo trên tay mà cứ ngỡ như trong giấc mơ trẻ thơ. Đọc những câu viết quen thuộc ngày nào bỗng thấy mình trẻ lại tuổi hai mươi. Không còn nghi ngờ điều gì nữa. Văn chương của những cảm xúc chân thật tuôn trào chứ không hề lên gân đánh bóng, không sơn phết, tô vẽ như những mặt nạ người. Đọc mà cứ sướng run cả người.* Như thế tôi phải cảm ơn tên Thư này. Hấn viết: *Cảm tạ mỗi ngày em vẫn cho tôi. Niềm vui khua giong trên bàn máy gõ*. Nhờ có niềm vui khua giong trên bàn máy gõ đó mà bạn bè gặp lại, không thiếu ai, gần như đủ của cái thời: không hề lên gân đánh bóng, không hề sơn phết, tô vẽ như những mặt nạ người hôm nay. Qua TQBT. Tôi gặp lại Nguyên Minh, Lữ Kiều, Lê Ký Thương, Võ tấn Khanh, Trần Nhật Tân, Ngô Nguyên Nghiễm, Lưu Nhữ Thụy. Gặp lại Từ Thế Mộng, Nguyễn Bắc Sơn, Lê Nguyên Ngữ, Đài Nguyên Vu, Gặp lại Nguyễn Lê Uyên, Mang Viên Long, Đặng Tấn Tới, Phạm Ngọc Lữ, Lê Văn Thiện, Trần Huân An. Gặp lại Nguyễn Phan Thịnh, Hạc Thành Hoa, Hoài Khanh, Trần Tuấn Kiệt. Chỉ thiếu Lê Văn Trung (*) là tôi chưa gặp. Tội nghiệp, không biết lang thang phương trời nào, sau khi ra khỏi tù? Rồi Nguyễn Phương Loan nữa, chết trận sớm quá trên miền cao, ở cái tuổi còn rất trẻ. Với bảy tập TQBT đến tay anh em, tôi nói thật với bạn, phải *cảm tạ mỗi ngày em vẫn cho*

tôi. Vì sao? Tôi muốn nói đến vợ của những người bạn ở quê nhà: chịu nắng, chịu mưa trên nương dưới rẫy như vợ bạn. Ngày thì lam lũ dưới ruộng sâu: bùn lầy, đĩa dói nơi quê nhà, mà vẫn chắc chiu để cho bạn có được cái “vi tính” để tối tối ngồi gõ trên bàn phím để nói “văn chương chữ nghĩa” với anh em, bạn bè. Tôi phải cảm tạ nhiều lắm. Cảm tạ “mấy bà” có những ông chồng “nửa diên, nửa khùng” bỏ tiền ra mua mực, mua giấy, còn đem nó ra bưu điện gửi đi khắp nơi, mỗi lần TQBT phát hành. Vì đâu vậy. Vì bạn bè cũ cả, bạn ạ. Chúng mình vui. Các bà cũng vui lây.

2/

Bạn Ng~ Lu ơi! Bạn lại quên câu nói của các cụ ngày xưa rồi: ăn coi nổi, ngồi coi hưởng. Bạn quên, cũng vì cái máu: gừng, nghệ trong người bạn. Đâu phải chiếc chiếu nào bạn cũng ghé dít ngồi vào được. Mà cho dù bạn có ghé dít vào ngồi ở hưởng nào, thì dưới cặp mắt của những “cái loa rách thời đánh Tây” đó cũng vẫn còn nặng nề đối với bọn mình. Cũng vì hai chữ: yêu và ghét. Yêu cái gì. Ghét cái gì. Rõ ràng. Họ vẫn còn thành kiến. Bạn nên nhớ, với “cái loa rách thời đánh Tây” đó, dai lắm. Khó sửa.

Tôi hỏi bạn: Yêu cứ nói là yêu. Ghét cứ nói là ghét. Làm sao đổi ghét thành yêu, đổi yêu thành ghét (ý thơ của cụ Phùng Quán) phải không? Thế mà người ta lại đổi ghét thành yêu đó bạn . Đổi một cách lẹ làng không ngưng ngập. Nhiều lắm ở bên tôi đây. Nói theo kiểu miền Trung của mình: nhiều như rươi là bạn biết rồi. Cái ghét ngày trước, cái yêu bây giờ. Cái yêu ngày trước, cái ghét bây giờ. Tôi không biết đó có phải là cái “mốt thời trang” hay không. Chắc cụ Phùng Quán mà sống lại cụ buồn ghê gớm và chán ngấy cho đám đàn em đàn út của mình chưa thấu triệt: lời mẹ dặn.

Ý tôi muốn nói với bạn là: bên này thường hay đổi ngược lại như thế. Còn bạn trong nước thì sao? Cũng vì cái

nghiệp “ văn chương chữ nghĩa ” mà bạn không bỏ được. Ngày lao động dưới ruộng trên nương. Tối về lên giường nằm ngủ, phải chân đánh bạch một cái cho sạch đất bùn giống hết anh nông dân 100% . Đánh thót một cái ngủ cho tới sáng, gà gáy, thức dậy ăn qua quýt một ít cơm nguội rồi dẫn trâu ra đồng, nhều ngao: ai bảo chăn trâu là khổ. Chăn trâu sướng lắm chứ....Trần trọc làm chi ngủ không được. Thức dậy ngồi gõ máy “viết truyện ”. Nghiệp văn chương không bỏ, không chữa. Ở đời, có cái nghiệp làm cho người ta vinh. Nhưng cũng có cái nghiệp làm cho người ta mệt vận, góc đầu không nổi. May mà có quới nhưn phù hộ bạn, chứ không thì: *ngửa mặt nhìn trời thấy chiếc chổi giơ cao*, rồi đó.

Mà lạ, tôi nghĩ hoài không ra, một cái truyện ngắn của bạn khi viết ra có hay hay dở, chứ làm gì có ghét có yêu. Phải là “ cách mạng ” mới viết truyện được (gọi là yêu). Còn những người “ ngụ ” như bạn thì không viết truyện được (gọi là ghét) ? Truyện của bạn viết ra hay thì nói là hay, còn dở thì nói là dở. Cũng như yêu ai thì nói là yên. Ghét ai cứ nói là ghét chứ. Mà đã trao giải thưởng rồi thì phải nói là hay mới đoạt được giải chứ. Sao lại nói là: *trao giải cho thằng sĩ quan ngụ làm gì?* Thật chết người được. Rõ ràng cái yêu, cái ghét nó vẫn còn hiện hữu trên đất nước của mình sau 27 năm. “ Ngụ ” không viết văn được sao? Nhân bản lắm đấy cụ ạ.

Đã còn phân biệt “ Ngụ ” hôm nay, thì đừng nói giao lưu văn hoá ở trong, ở ngoài. Bạn còn nhớ những câu trong quốc văn giáo khoa thư mà thuở nhỏ bọn mình ai cũng học thuộc lòng không? Tôi nghĩ bây giờ bạn đã thuộc bài: *văn chương phú lục chẳng hay, trở về làng cũ học cày cho xong*. Sau năm 1975, bạn đâu còn làm nghề thầy giáo nữa. Bút bạn đã bể gãy rồi. Phấn bạn đã vắt đi rồi. Bạn đã trở về làng cũ học cày học bừa qua 27 năm rồi, tôi nghĩ, bạn đã trở thành một bác nông dân trăm phần trăm. Thế mà nghiệp văn gừng, văn nghệ cũ lại làm cho bạn

suýt ngã. Tội đáng chết: là không nghe lời dặn trong quốc văn giáo khoa thư, mà bạn lại là một ông thầy cũ. Bởi vì: nghiệp chướng vẫn còn mang nặng phải không. Cũng vì nghiệp còn nặng cho nên mới ngứa ngáy tay chân. Chiếc chiếu đó không phải trải ra cho bạn “ ghé đít ” vào ngồi đâu . Nhớ nhé, bạn. Chỉ có bạn mình.

(*) Tôi mới nhận được tin của Lê Văn Trung, do Trần Hoài Thư chuyển trực tiếp email của anh Phan Xuân Sinh đến, sau khi viết bài này xong, cùng với 22 bài thơ của Lê Văn Trung từ trong nước gửi ra.

Ý nghĩ rời trong buổi sáng thứ ba: Văn học ngứa ngáy

Trần Hoài Thư

1)

Hãy thử làm một cuộc "khảo sát" tương đối để xem lòng ưu ái ngưỡng mộ hay tưởng nhớ của người đọc (qua Internet) dành cho nhà văn nhà thơ cũ của miền Nam bằng cách *search* " tho+ Mu+o+`ng Ma'n", nhà thơ trẻ rất quen thuộc của miền Nam trước 75. Chỉ có một bài, hay một tài liệu đáp ứng. Trong khi "tho+ Nguyẽ~n Duy", một nhà thơ miền Bắc, hiện ở trong nước mà hải ngoại lại biết nhiều, với tất cả là 40 bài hay tài liệu đáp ứng. Đó là chỉ giới hạn với nhu liệu chữ "VIQR". Còn có nhiều dạng khác như VISCII, VNI, VPS, Unicode v.v...thì chắc chắn nhân vật Nguyễn Duy sẽ " thắng lớn." Riêng Đỗ Trung Quân thì khỏi kể. Nơi nào, chỗ nào cũng "*Quê hương là chùm khế ngọt. Cho con trèo hái mỗi ngày...*". Ít ai nhắc nhở đến những cây viết cũ, mà một thời ưỡn ngực vừa hứng đạn, vừa làm thơ, đã góp máu mình, mồ hôi và

lệ mình vào chữ nghĩa, để tạo thành một thời kỳ văn chương thời chiến lấy lòng cực thịnh...

Có phải là bạn bè chúng ta đã bắt lực với chữ nghĩa ? Có phải họ im lặng bởi vì không còn "lửa" để sáng tác. Có phải nền văn học miền Nam "nối dài" ở hải ngoại này, đã bị cắt ngang, bị gãy khúc đứt lìa ở trong nước và bị đồng hoá hay bị xâm thực bởi văn học xa lạ là văn học miền Bắc?.

Không đâu. Không phải là giòong văn học a dua hay đã rẫy chết đâu... Quý bạn thử bắt đầu từ TQBT tập một đến tập tám này, để tìm ra một chữ lai căng vay mượn trên các sáng tác mới nhất của những người viết cũ (trong nước), chắc là quý bạn sẽ tìm không ra, dù ba mươi năm trôi qua. Phạm Thiên Thư, Trần Tuấn Kiệt, Hoài Khanh, Cao Thoại Châu, Nguyễn Bắc Sơn, Lê Nguyên Ngữ, Lê văn Trung, Đặng tấn Tới, Ngô Nguyên Nghiễm, Nguyễn Phan Thịnh, Từ Thế Mộng, Trần Dạ Lữ v.v... vẫn tiếp tục làm thơ. Ai dám bảo thơ họ xuống dốc ? Ai dám nói thơ họ không xứng đáng giữ ngôi vị trong giòong văn học Việt Nam hiện nay.

2)

Biển không phải lặng để mà trở thành biển chết. Mà là biển động.

Văn chương cũng vậy. Một người bạn thơ trong nước cho biết sau những năm dài trong bóng tối, một nền *văn học tự phát* đang rầm rộ xuất hiện. Không cần đăng trên báo, không cần ra mắt đình đám, anh em cầm bút cũ đã đến với nhau khi họ có cơ hội. Một buổi triển lãm tranh chẳng hạn. Một cuộc họp mặt bỏ túi chẳng hạn. Và thơ và văn và những chữ nghĩa miền Nam tiếp tục chảy, tiếp tục luân lưu, tiếp tục dâng hiến cho đời, cho bạn bè tứ xứ, cho chúng tôi, cho những tập Thư Quán Bản Thảo ngày một dư dật, phong phú, để chứng tỏ văn học miền Nam vẫn tiếp tục sống, mãi mãi sống...

3) Có phải vì hai chữ *ngứa ngứa* như Ng. Lu đã kể trong chuyện Cà Kê trong phần Viết Chung tập 7: ?

Cái sống mà đã khó đến vậy thì nói chi chuyện đùa giỡn với chữ nghĩa? Nhưng khổ thay những động mạch, tĩnh mạch...chỉ đến những vì ti huyết quản đã dấu sẵn con vi trùng gùng nghệ ốt tởi dấm chanh nên chẳng đứng. Chân tay bị cái đầu điều khiển làm ngứa ngứa. Tưởng là dị ứng của riêng mình, hỏi ra mấy ông bạn vong niên một thời gùng nghệ nửa đêm cũng ngứa ngứa, bèn trỗi dậy, lôi giấy ra cào sột soạt rồi cất vôi dưới đáy thùng carton. Hứng chí thì xỏ ra, mà phải dòm trước ngó sau, coi thiệt kỹ mặt mũi thằng người ngồi đối diện.

Cuộc vinh danh của chữ nghĩa lâm than

Cao Vĩ Khanh

Trong bài tựa Truyện Kiều viết đầu năm Minh Mạng, Mộng Liên Đường chủ nhân đã có lúc phóng bút dựng nên một hình tượng tuyệt kỹ. Ông thấy đầu mà như máu cứ chảy ra từ đầu ngọn bút khi Nguyễn Du làm thơ kể chuyện đời Kiều, đến nỗi còn rây rớt lại trên mấy ngàn câu lục bát (*)

Dĩ nhiên đó chỉ là cường điệu. Nhưng cường điệu nào không có một phần sự thật. Không phải sao. Đã có lúc, Nguyễn Du mới ba mươi tuổi đầu đã bạc, trong cảnh bể dâu của thời Lê mạt Nguyễn sơ, một bước sẩy chân, cố gia sa đoạ, tử đệ lang thang, thân cùng khốn đến nỗi bệnh tật không có thuốc uống, thân thể đau ốm gầy gò, khi nằm phải lấy bó sách mà kê cho khỏi đau xương, mặt mày xanh xao phải nhờ có chén rượu mới có sắc máu... (**)

đem chuyện mình một phen thay đổi sơn hà kể chuyện thanh y mấy lượt thanh lâu mấy lần thì làm sao

mà tránh khỏi cái việc máu chảy ròng ròng trên đầu ngọn bút.

Vậy đó, sáng tác là một hành động tuyệt tận, nặn óc vắt tim...

Vậy đó, màu vàng nóng hực của Van Gogh là cơn điên loạn. Và màu lục lạnh ngắt là thế giới tan hoang của lần hồi tỉnh...

Vậy đó, Requiem của Mozart là ruột gan rút ra phân khúc để tạ lỗi cùng cha...

Sáng tác là vắt óc có khi đến khô kiệt, là chích máu làm mực có khi đến hôn phách tiêu vong.

Trong một cuốn phim gần đây về Hầu tước Sade, có mấy ai không lặng người khi coi tới cảnh người văn sĩ bị tước quyền sáng tác đã viết bằng máu mình lên quần áo khi bị tịch thu hết bút mực...

Phùng Quán.

Bút giấy tôi ai cướp giật đi

Tôi sẽ dùng dao viết văn lên đá.

Ờ vậy đó, sáng tạo có khi là một hành động tự hủy. Nhưng cũng là sự lựa chọn tự do nhất của con vật người dưới hằng hăng hệ lụy. Và cũng chính bằng sự sáng tạo, nó biến mình cho sự hiện hữu của mình khác với cỏ cây, cầm thú..., cho sự tự chủ của mình dấu tù đày, nô lệ... Hiểu như vậy, sáng tạo là sự thăng hoa của linh hồn trong ràng buộc của thể xác, là sự giải thoát của thân phận trong ép uổng của định mạng, là lời trung thực giữa vây khốn của láo khoét, là cuộc vinh danh của chữ nghĩa, dấu còn đó lấm than...

Đọc trong TQBT số 7 có mấy dòng được gởi đi từ trong nước mà làm bồn thần ngày qua tháng lại... *Cái sống đã khó đến vậy thì nói chi chuyện đùa giỡn với chữ nghĩa? Nhưng khổ thay những động mạch, tĩnh mạch... chỉ đến những vì ti huyết quản đã giấu sẵn con vì trùng gờng nghê*

ớt tỏi dấm chanh nên chẳng dặng dưng. Chân tay bị cái đầu điều khiển làm ngửa ngáy. Tưởng là dị ứng của riêng mình, hỏi ra mấy ông bạn vong niên một thời gùng nghề nửa đêm cũng ngửa ngáy, bèn trỗi dậy, lôi giấy ra cào sột soạt rồi cất vôi dưới đáy thùng carton. (Ng~ Lu)

Cái chuyện nửa đêm ngửa ngáy là chuyện thường, còn cái chuyện cất vôi dưới đáy thùng carton mới làm bần thần cả dạ. Đút nhét dưới đáy thùng carton, thùng đựng đồ nghề sửa xe đạp, thùng chứa mớ quần áo cũ lấm lem, thùng đựng mấy lít gạo-chạy-ăn-từng-bữa-toát-mồ-hôi... mà thùng gì đi nữa cũng cứ thấy ngậm ngùi...

Bạn bè ta đó, kẻ tình nhân hệ lụy của văn chương, mấy mươi năm rồi, vẫn tiếp tục hệ lụy với chữ nghĩa, ở một nơi không có chỗ cho văn chương chữ nghĩa, ở một nơi tìm óc bị coi là xa xỉ, và đức tính trung thực bị coi là thứ thừa thải nhất của con người. Vậy mà sao cứ viết lén viết lút, viết hồi tối lửa tắt đèn, viết khi sấm chớp vần vũ, viết bụng đói, viết tay run, viết trốn lánh giữa hai hàng chữ, viết lấp liếm đằng sau ẩn dụ... Viết như vậy làm sao đầu ngọn bút không bật máu?

Viết trong sự căm đoán, khinh bạc, phủ nhận. Viết với lưỡi gươm Damoclès treo lủng lẳng trên đầu. Viết với xiềng xích chõn vờn trước mặt.

Viết như một thì thầm với chính mình. Hay khá hơn cũng chỉ để tâm sự với bóng mình trên vách. Viết trong sự cô đơn cùng cực vì viết đưa ai, ai biết mà đưa.

10, 15, 20, 25 năm... bao nhiêu trang tờ đã bị xếp giấu ám bụi mỗi một đục khoét... Bao nhiêu giòng chữ không kịp thành hình... Bao nhiêu ý tứ thất lạc vì sự bội phản của trí nhớ... Đành đoạn những nụ mầm non sẩy. Đành đoạn những tài hoa yếu tử. Lửa phần thư đâu chỉ cháy bùng thành ngọn. Lửa phần thư còn âm ỉ đốt tận những lòng kẻ

sĩ.

*Thi sĩ Bắc Nam đều chết rập
Ba trăm năm lịch sử làm thình
(Tô Thùy Yên)*

Vậy thì tại sao, tại sao cứ tiếp tục viết, làm thơ khi chung quanh là cạm bẫy, là rình rập, là chỉ điểm, là ngục tù, là hàm thiếc, là dây cương... Tại sao không vấn điều thuốc rê, ngồi tréo nguẩy dựa bờ đê, phe phẩy cái nón rách cho khuây khỏa giữa hai luống cày thay trâu kéo mà quên phức chuyện đời. Sao cứ lựa mấy chốn đoạn trường mà đi vậy! Sao không nốc ực xì rượu thuốc rồi lăn quay ra ngủ sau một ngày vật vã với cơm thừa cá cặn, sá làm chi cái thứ phù phiếm lãng nhãng. Sao cứ chui đầu vào cái vòng oan nghiệt mà thất cổ vậy!

Viết làm chi rồi đút giấu dưới đáy thùng carton, rồi cuộn nhét giữa phen tre vách lá, rồi xé nát thả tung cho gió, rồi nhai rồi nuốt để phi tang...

Câu hỏi thật ra chỉ là lời tán thán về tình trạng mâu thuẫn đến quái gở của một xứ sở kỳ hoặc. Tim óc của người ta mà cứ muốn đóng khung cho đồng bộ. Thành ra cái thứ xé lẻ rồi phải đem nhốt dưới đáy thùng carton. Gió nội mây ngàn cứ lùng bùng trong chỗ hẩm hiu quên lãng. Còn lại rất thứ gió một chiều, thổi riu riu như giục cơn buồn ngủ.

Ở bên này biển lớn, cứ tưởng cũng thôi đành...

Vậy mà rồi khi không nhận được mấy giòng chữ quen từ ở đó bay sang, y nguyên một nét tài hoa cũ bỗng đâu làm nhớ đến những giọt máu của Nguyễn Du đã có lần rây rớt trên mấy trang Kiều...

*ngay cả những ngôi sao sáng nhất
cũng mất tích trong đêm tăm tối*

*có hề gì một vì sao nhỏ bé xa xăm
tự thấp sáng tự mình cứu rồi
(Nguyễn Phan Thịnh)*

Mỗi nét chữ gấp lại, rưng rưng như một cánh huyết hoa nở muộn từ những giọt máu oan khiên đã chảy trong rẻ rúng, xua đuổi, trừ ẻo... Những cánh hoa hàm tiếu trong nhẩn nhục và mãn khai như một niềm kiêu hãnh thâm lặng, dậy lên từ những bãi đời vô vọng...

Xin cảm ơn người bạn không quen hay chưa quen. Cảm ơn anh đã mặc kệ khùng bố trắng khùng bố đen khùng bố xám... đã cắn răng tươm máu mà viết, đã ngậm bồ hòn mà viết, đã tiếp tục cuộc chơi khinh bạc... mặc dầu.

(*) “... Lời văn tả ra hình như máu chảy ở đầu ngọn bút, nước mắt thấm trên tờ giấy, khiến ai đọc đến cũng phải thấm thía ngậm ngùi... “ Mộng Liên Đường Chủ Nhân - 1820

(**) theo Đào Duy Anh

**Phù sa Sông Cửu sau những cuộc
thăng trầm dâu bể**
(tản mạn về những văn thi hữu)
Vĩnh Liêm

Sáng nay bạn hiền Trần Hoài Thư xuống thăm và đãi hai món ăn tinh thần rất bổ, đó là “Thư Quán Bản Thảo” (TQBT) tập 7 và “Lèo Đèo Một Phương Qùy” thơ của Từ Thế Mộng. Trong TQBT, tôi đã bắt gặp hai khuôn mặt rất quen thuộc: Sa Giang Trần Tuấn Kiệt và Hạc Thành Hoa, cả hai đều ở Sa Đéc.

Bài thơ “Đêm” (trang 60-61), có lẽ là bài thơ mới nhất của Trần Tuấn Kiệt (đêm 31/5/2002), là một bài thơ rất

chan chứa “tình người”, rất “hiện thực”, lột tả được hết bộ mặt trái của cái xã hội nhớp nhúa, què quặt, và bệnh hoạn. Ngôn ngữ của thơ Trần Tuấn Kiệt rất thực, rất sống, chứa đựng cả họa (màu sắc) và nhạc (âm thanh) ở trong ấy. Đọc lên thấy xao xuyến trong hồn, nghe từng tức ở trong lồng ngực, nghe quặn thắt ở ruột gan. Bạn thử đọc xem:

*Đêm lang thang lữ xì ke ma túy
Đời cũng buồn bụi bặm kém chi người
Đêm đơn độc vượt nanh chìa nhọn hoắt
Trăng xa xăm đầu bạc phếu bên trời.*

*Đêm dĩ thỏa ở trong lòng khát vọng
Đêm điểm đèn gió tạt lạnh mưa rơi
Đêm đỏ thắm tối tăm màu máu lệ
Đêm đi hoài đi mãi đi quên thôi.*

*Đêm ngồi lại giữa lộ buồn thăm thẳm
Ngã ba đường ôi lối rẽ quê hương
Đêm chó má. Đêm đái đường ướt đẫm
Đêm tụng kinh ma quỷ để xa đời.*

Nhà thơ Trần Tuấn Kiệt còn là một họa sĩ tài hoa, vẽ rất sống động một xã hội dĩ thỏa, điểm đèn, xì ke ma túy... Bạn nên tìm đọc trọn vẹn bài thơ mới thấy thấm thía, uất nghẹn, đốn đau... Trần Tuấn Kiệt kết:

*Đêm Thượng đế ngồi chơi sòng bạc mới
Thả rừng mây trên chiếu bạc lầm than
Đêm quỷ vương vẫn kêu gào địa ngục
Đêm nhà thờ kiếng lạnh bóng ngân vang.*

Nhà thơ Trần Tuấn Kiệt nhắc tôi nhớ tới nhà thơ (quá cố) Phan Minh Hồng (Hải Quân). Một người quê ở Sa Đéc (Trần Tuấn Kiệt) còn một người quê ở Thừa Thiên (Phan Minh Hồng), thế mà họ lại gặp nhau ở Sài-Gòn và chơi với nhau rất thân. Năm 1958, hai người in chung một tập

thơ có nhan đề là “Bằng Tình Thương”. Phan Minh Hồng có ký tặng tôi tập thơ ấy. Thuở tôi còn ở Sài-Gòn, thỉnh thoảng nhà thơ Trần Tuấn Kiệt tạt qua Bộ Tư Lệnh Hải Quân ở Bến Bạch Đằng để tìm Phan Minh Hồng, rồi hai người kè nhau đi tìm Tường Linh để qua Bà Chiểu, Gia Định “hạ cờ tây”. Bây giờ Phan Minh Hồng đã ra người thiên cổ. Phan Minh Hồng chết vào khoảng năm 1980, 1981 ở Minnesota. Xin báo tin buồn ấy tới nhà thơ Sa Giang Trần Tuấn Kiệt, người đã *đầu bạc phếu bên trời* lận đận. Hy vọng tôi còn giữ được một số ít bài thơ của Phan Minh Hồng làm sau năm 1975 (không chắc lắm vì sau 10 lần dời chỗ ở, không nhớ đã để nó ở đâu).

Tôi không rõ bài thơ “Tình cầu lạnh” của Hạc Thành Hoa làm lúc nào, nhưng có lẽ là bài thơ mới nhất của anh. Nhà thơ tề đại nhớ thương người yêu vắng số:

*Em đi tắt lửa đời mệnh bạc
Đêm trắng hoa cười lạnh buốt xương
Trời nặng vô biên hôn kinh động
Đất rộng mù khơi biết về đâu
Thần phách ngả nghiêng ta cười ngất
Một vết thương em vạ cổ sâu.*

Hạc Thành Hoa nhắc tôi nhớ tới các văn thi hữu ở Vĩnh Long và Cần Thơ. Khi tôi đổi về Cần Thơ năm 1971, lúc đó Hạc Thành Hoa đang dạy học tại Sa-Đéc và anh thường sinh hoạt văn nghệ với các anh em ở Tây Đô và Vĩnh Long. Tôi về thăm Vĩnh Long thì được nhà thơ Việt Chung Tử rủ rê làm tờ Tham Dự, trong đó có sự tham dự của nhà thơ Hạc Thành Hoa. Bước qua bên kia sông Bassac thì gặp ngay Chu Tấn dụ khị mở quán cà-phê Góp Gió rồi ra báo văn nghệ Vượt Thoát. Chẳng những báo bị lỗ vốn phải đình bản mà quán cà phê văn nghệ cũng sập tiệm luôn! Thế là anh em kéo quân qua “đầu tư” bên quán Thăng Cuội, vừa mới mở để trám chỗ trống của Góp

Gió.

Quán Góp Gió, tờ Vượt Thoát và quán Thăng Cuội qui tụ khá đông những khuôn mặt quen thuộc ở Tây Đô và các tỉnh phụ cận như: Họa sĩ Ngý Cao Nguyên (SĐ4/KQ), nhà thơ Duy Năng (QĐIV), nhà thơ Diên Nghị (QĐIV), nhà văn Trần Hoài Thư (Báo Chí/QĐIV), nhà thơ Bùi Đức Long (SĐ4/KQ), nhà thơ Phạm Tường Bá (SĐ9/BB?), ký giả Hải Bằng (SĐ21/BB), họa sĩ Lê Triều Điển (SĐ4/KQ), nhà thơ Nguyễn Bá Thế (nhà giáo về hưu), nhà thơ Trần Kiên Thảo (Quân Cự), nhà thơ Trần Kiều Bạt (Quân Cảnh), nhà thơ Lộc Vũ (SĐ21/BB), nhà thơ Ngũ Yên (SĐ21/BB?), nhà thơ Phạm Kim (Hải Quân), nhà báo Chu Sinh (Hải Quân), nhà thơ Lưu Nhữ Thụy (Châu Đốc) cùng một số khuôn mặt trong nhóm Phù Sa và các thi văn đoàn ở Tây Đô mà tôi không nhớ hết tên.

Khi quán Thăng Cuội mở ra thì các buổi sinh hoạt văn nghệ thường xuyên hơn và nổi đình nổi đám hơn. Có lúc Ban Tổ Chức mời cả Viên Linh và Cung Trầm Tưởng bay từ Sài-Gòn xuống sinh hoạt với anh em. Các nhà văn, nhà thơ đua nhau in và ra mắt tác phẩm tại quán Thăng Cuội. Vui ới là vui! Tiếc là cái quán khá hẹp nên không chứa được đông người và cũng không có đủ chỗ đậu xe (Dân nhà binh mà, có khi một mình một con tuấn mã kèn kàng chiếm mất chỗ của người khác).

Tây Đô cũng còn là nơi thăm viếng của các nghệ sĩ từ phương xa tới. Tôi còn nhớ có một hôm Trần Kiều Bạt điện thoại liên miên mời gọi anh chị em văn nghệ sĩ tới tham dự đêm sinh hoạt bỏ túi với Vũ Hữu Định mới vừa từ Sài-Gòn xuống. Buổi văn nghệ bỏ túi được tổ chức tại nhà của Trần Kiều Bạt ở Bình Thủy. Bùi Đức Long, Chu Sinh và tôi từ Trà-Nóc xuống. Lộc Vũ và Hải Bằng từ phi trường 31 lên. Lưu Nhữ Thụy từ Châu Đốc xuống... Tổng cộng khoảng 20 người. Buổi sinh hoạt ngoài trời với các

món dưa cay như cá lóc hấp cuốn bánh tráng, tôm khô củ kiệu, khô mực, bánh phồng tôm, gỏi gà... Nước mát thấm giọng gồm có “nước mắt quê hương” pha với xá-xị. Ai không thấm giọng được thì xơi bia con cộp. Sau phần bốn món ăn chơi là tới màn văn nghệ. Vũ Hữu Định được mời ra sân khấu trước. Vũ Hữu Định vừa đệm đàn vừa hát bản nhạc ruột của anh do Phạm Duy phổ nhạc. Anh hát rất hay và có hồn, hay hơn cả ca sĩ chuyên nghiệp. Rồi Vũ Hữu Định ngâm thơ, hẳn nhiên là bài thơ ruột của anh. Giọng ngâm thơ của anh cũng tuyệt vời, không thua gì Tô Kiều Ngân hay Quang Minh. Buổi văn nghệ bỏ túi với Vũ Hữu Định được chấm dứt vào lúc nửa đêm vì sáng mai anh em phải vào nhiệm sở. Đó là lần sinh hoạt đầu tiên và cũng là lần cuối với nhà thơ Vũ Hữu Định.

Những khuôn mặt văn nghệ ở Tây Đô hiện giờ ra sao? Họa sĩ Ngy Cao Nguyên bây giờ dạy hội họa ở Maryland. Nhà thơ Duy Năng và Diên Nghị đã qua Mỹ, và Duy Năng cũng vừa mới qua đời. Trần Hoài Thư thì đang chủ trương Thư Ấn Quán và Thư Quán Bản Thảo ở Hoa Kỳ. Tôi được biết gần đây Bùi Đức Long có in một tập thơ ở Việt Nam (Sài-Gòn?) và hiện sống ở cao nguyên (?). Lê Triều Điển hiện sống bằng nghề vẽ ở Vĩnh Long. Trần Kiên Thảo về quê ở Rạch Giá, không rõ sống bằng nghề gì. Trần Kiều Bạt mới qua Mỹ gần đây, dường như đang ở tại Seattle, Washington state (?). Phạm Kim mở nhà in và làm báo tại Seattle, WA. Còn những khuôn mặt còn lại hiện giờ ra sao, tôi không rõ vì không có tin tức!

Cám ơn nhà thơ Trần Tuấn Kiệt và nhà thơ Hạc Thành Hoa đã nhắc tôi nhớ lại những kỷ niệm buồn vui ở quê nhà, nhất là hai tỉnh Vĩnh Long và Cần Thơ. Cũng nhớ Cần Thơ mà tôi đã vượt thoát được cái xã hội, nói theo Trần Tuấn Kiệt, “đĩ thỏa, điểm đàn, xì ke ma túy”

(Đức Phổ, 01/09/2002)

Nguyễn Thị Hoàng

Mùa đông thứ mười bảy.

Cơn bão nào thổi bay rừng ta đi
để bầy chim mất hướng tìm về
giọt lệ nào rơi tan vào trong ly
cho lòng đau uống hết lời thề
cuộc đời nào buông trôi giòng sông mê
nên tình thiêng đắm thắm phải chia lìa

Chiều một mình đi qua thành phố xưa
thương bàn chân dốc đá rêu mờ
chiều một mình đi qua đồi núi xưa
yêu vầng mây tóc trắng bờ phờ
chiều một mình đi thăm người đã xa
thấy mình quen như chiếc bóng quê nhà
chiều rồi chiều ta đi tìm bóng ta
môi hoàng hôn khói thuốc bao giờ

Có một người đi rất xa từ đây
qua đời ta tầng địa ngục lưu đầy
có một người còn về đâu quanh đây
trong hồn ta ấp ủ đáng hao gầy

Có một người mãi mãi là men say
trong lòng ta từng giọt rượu chiều nay □

Nguyễn Thị Hoàng, nhà văn, nổi tiếng trước 1975. Tác phẩm nổi tiếng : Vòng tay Học Trò. Lúc đó chị lấy bút

hiệu Hoàng Đông Phương. Bài thơ: Mùa Đông Thứ Mười Bảy của chị do Nguyễn Lê Uyên gửi qua cho TQBT . Chúng tôi nhận được vào lúc: 18:28 ngày thứ hai 23 tháng 9 năm 2002. Trong email Uyên viết: *bài thơ này chị làm khoảng 10 năm về trước. Khi ấy chị đang bán quần áo cũ tại chợ Tân Định. Tôi (NLU), Phạm Chu Sa và Nguyễn Hữu ghé thăm anh Trần Phong Giao bị lâm bệnh (tại biển). Khi về ghé lại chỗ ăn phở bò và viên, nhìn qua bên kia đường thấy chị Hoàng. Bọn tôi chạy qua hỏi chuyện mới biết có sự. Ngồi nói chuyện cũ, chị đọc cho nghe bài thơ . Thấy hay, chép lại để dành làm kỷ niệm. Nay ngồi lục lại đống giấy tờ cũ, thấy bài thơ, nên chép gửi qua cho bạn.* Chép xong một bài thơ, NLU cất kỹ 10 năm qua. Nay lấy ra, chép lại và gửi qua cho chúng tôi, ngày giờ như nói ở trên. Trong email NLU còn nói: lúc đó cuộc sống của chị rất lao đao. Một bài thơ . Sau 10 năm đọc lại vẫn thấy hay. Thật đáng trân quý. (PVN)

Lê Nguyên Ngũ

Đêm ngủ rừng

Đêm nằm ủ súng thơm hơi đất
Sáng dậy trời xanh màu lá non
Buồn bỗng dài ra theo râu tóc
Nhớ nhà quanh từng lũng truông mòn

Truông mòn Tây Bắc khu Tam Giác
Chiều xa rừng cháy khói vàng bay
Di quân hàng dọc xuyên cây thấp
Nhớ nhà cắn nhẹ lá rừng cay

Rừng cây xanh mướt lên rừng lính
Đêm lại dừng quân trên đồi cao
Mất nghiêng đom đóm lưng triền núi
Nhìn sao ta đếm nhớ thương nhau

Thương nhau khắp nẻo đường chinh chiến
Cây lá rừng đan kín nẻo về
Ta mãi còn sâu trong đất lạ
Còn quanh quẩn mãi lối nhiều khe

Nhiều khe, chân mỗi trong giầy trận
Đêm ngủ vùi mình chiếu lá khô
Gối đầu tay súng ta nghe mát
Như cánh tay em gái giang hồ .

Xuân về đơn vị

Ba lô rượu đế trông chừng núi
Bạn bè bợm nhậu ngóng chờ ta
Mai rừng thấy rượu run trong gió
Xa núi một hôm đá chột già □

Nguyễn Vy Khanh

Hiện tượng người viết trẻ trước 1975

Trong một tổng quan về một số hiện tượng và thể loại của văn học Việt Nam thế kỷ XX biên soạn thời gian gần đây và hy vọng sẽ xuất bản trong năm nay, dù muốn nhưng cuối cùng chúng tôi cũng đã không khai triển được hai hiện tượng ấn phẩm xám và những người viết trẻ thời cuối của giai đoạn văn học 1954-1975 ở miền Nam. Dù đã có một số ý tưởng và nhận xét nhưng không đủ thì giờ và tài liệu đã khiến chúng tôi tạm gác vì chúng tôi vẫn chủ trương viết phê bình hay văn học sử đều phải căn cứ trên văn bản tác phẩm! Thư viện trường đại học Cornell ở Ithaca, NY là nơi lưu trữ được nhiều ấn phẩm của miền Nam, từ những tài liệu tâm lý chiến, diễn văn các tổng thống, cho đến báo chí và giai phẩm các trường học, ở thủ đô như Đồi Mười của trường Võ Trường Toản, Mê Linh của Trưng Vương cũng như ở cả các tỉnh nhỏ như Hoa Tím Sao Rừng của trường trung học Kiến Phong, Ngưỡng Vọng của trường Bồ Đề Phan Rang, v.v. cũng như nhiều báo chí và tác phẩm thi ca, biên khảo in ronéo không giấy phép cũng như không nạp bản ở bộ Thông tin. Nhưng muốn tham khảo cho hết những ấn phẩm đó đòi hỏi điều kiện thời gian là cái khó có ở những người nghiên cứu nghiệp dư ở hải ngoại, có chăng khi về hưu đến Ithaca cư trú lâu hơn.

Những Võ Phiến, Bình Nguyên Lộc, Duyên Anh, Nhật Tiến, Nguyên Sa, Thanh Tâm Tuyền, v.v. đã là những tác giả và hiện tượng đáng kể của văn học miền Nam trong giai đoạn 1954-1975, nhưng hai hiện tượng ấn phẩm xám và những người viết trẻ theo thiển ý quan trọng và đáng kể không kém, nếu muốn có cái nhìn nghiêm chỉnh về

giai đoạn văn học này. Cả hai hiện tượng sống động ở những năm cuối của thập niên 1960 đầu thập niên 70. Khi chiến tranh chính thức chấm dứt ngày 30-4-1975, các nhà văn thơ trẻ chưa kịp phát triển, thì thối hết tài năng đã phải vứt bỏ hết vì ngay bản thân đã còn phải tù tội, cải tạo, đi chui, cả chết chóc, thất tán. Tác phẩm, sách báo của người trẻ cùng chung số phận của cả miền Nam bị kẻ cường chiếm cấm đoán, thủ tiêu.

Hiện tượng thứ nhất văn chương xám qua các tạp chí phần lớn in ronéo và không giấy phép cũng như nạm bản : từ *Hành Trình* của nhóm giáo sư Nguyễn Văn Trung (10-1964 đến 12-1965, tức ra được 9 số thì đình bản vì bị Bộ Tâm lý chiến ra lệnh tịch thu), *Thái Độ* (7-1966, các số sau khá hơn được in ấn bản typo nhưng bị kiểm duyệt bôi đen hoặc loang lỗ những đoạn trống) do Thế Uyên chủ động, *Trình Bày* (10-1966) của Diễm Châu,... Cùng với ca nhạc phản chiến của Trịnh Công Sơn, ... mảng văn học này đã gióng tiếng nói tiêu cực, phản diện, ngược dòng,... cho văn nghệ miền Nam thời chiến tranh cao độ. Học sinh, sinh viên cũng đã có những ấn phẩm thơ truyện và báo chí in ronéo, nhiều người về sau tiếp tục sinh hoạt văn nghệ chung, những "tác phẩm" đầu tay này thường hực lửa hoặc tích cực năng nổ canh tân, làm mới thơ văn cũng như lý luận. Một số "nhà xuất bản" như Đại Nam Văn Hiến của Thế Phong cũng in sách bằng máy ronéo, từ thơ, truyện đến cả biên khảo, dù cá nhân người chủ trương có "hiện tượng" nhưng dù gì thì nhờ phương pháp "xuất bản" này mà Cao My Nhân có được tập *Thơ My* đầu tay (196?), Hoàng Khởi Phong có tập *Mặt Trời Lên* (1967), riêng Thế Phong để lại nhiều tập biên khảo và bút ký văn học đáng kể!

Ở thủ đô, nhà Trình Bày cho ra đời một số tác phẩm "nóng" như truyện của Thế Nguyên (Hồi Chuông Tắt

Lửa,..), truyện của Trần Quang Long (*Vực Thẳm Và Hy Vọng* 1966, *Bông Cúc Vàng* 1967), truyện dịch của Diễm Châu (*Câu Chuyện Năm Mới*, dịch A New Year's Fairy Tale của V. Dudintsev, 1966), ... Ở Phan Rang, nhà Ý Thức in ba cuốn *Nỗi Bơ Vơ Của Bầy Ngựa Hoang*, *Ngon Cỏ Ngậm Ngùi* và *Những Vì Sao Vĩnh Biệt* của Trần Hoài Thư, *Cát Vàng* của Lữ Quỳnh,..., những "nhà" xuất bản Con Đường, Sóng Việt ở Cần Thơ cũng in ronéo. Nhà Văn Mới ở Sài-Gòn in truyện, biên khảo cũng như Thi Vũ ở Paris in thơ với chừng một trăm bản để tặng chứ không bán; "ấn bản cho thân hữu" mở một khuynh hướng thụt lùi đáng ngại ngay từ thời đó chứ không riêng gì hiện nay ở hải ngoại cũng như trong nước! Lữ Quỳnh in xong tập thơ, nhả tin trên tạp chí Văn " *Thơ Lữ Quỳnh* đã in xong. Các thân hữu liên lạc với tác giả ở KBC 4781 để nhận sách"(Văn 138, 1969). Nhóm Khai Phá ở Châu Đốc ra tạp chí và xuất bản tác phẩm của Ngô Nguyên Nghiễm như *Người Hành Giả Và Khúc Trường Ca Sinh Tử*, *Dấu Chân Gió Ngục*, *Ngon Gió Hơi Cuồng* (chung với Lưu Nhữ Thụy), *Lên Đồi Hùng Bát Trắng Vàng* của Nguyễn Thành Xuân, v.v.

Tạp chí Văn số 51 (1966) tuyển đăng một số nhà thơ trẻ viết về tuổi trẻ, tình yêu và chiến tranh và giới thiệu rằng "*Thơ buồn nhưng không có giọng than van. Hình như tuổi trẻ Việt Nam đã tập chấp nhận, đứng thẳng trước mọi hoàn cảnh...*" (tr. 143) . Trong số đó có thơ của Lâm Chương, Thành Tôn, Chu Trầm Nguyên Minh, Nhữ Đình Toàn, ... và một số khác mà về sau người đọc không còn nghe nói đến.

" Đêm bắt đầu yên tĩnh trên đồng cỏ xanh
Đêm quán quýt quanh những vòng thép gai hoen rỉ
Chiếc xe đồ vôi vàng trở về thành phố
Anh bồi hồi đón chuyến buýt cuối cùng
Hành khách chật thản nhiên như tượng

Không ai nói một lời " (Nhữ Đình Toàn, Trên Xe Ô-Tô-Buýt, *Văn* 51, tr. 145).

Cũng tạp chí *Văn*, số 187 (1-10-1971) với chủ đề Khi Mùa Thu Tối làm một tuyển tập những cây bút trẻ, ban biên tập ghi là nỗ lực giới thiệu sau cùng, trong số này có thơ của Hoàng Lộc, Yên Ngàn, Nguyễn Văn Ngọc, Võ Chân Cửu, Khê Kinh-Kha,... và văn của Nguyễn Mộng Giác, Hồ Minh Dũng và Mưỡng Mán.

Về truyện ngắn, tạp chí *Văn* số 197 (1-3-1972) giới thiệu sáu người viết trẻ là Trần Hoài Thư (Bệnh Xá Cuối Năm), Mang Viên Long, Mưỡng Mán, Định Nguyên, Phan Cung Nghiệp, Phạm Quang Phước. Nhà văn đàn anh Mai Thảo khi giới thiệu hiện tượng người viết trẻ truyện ngắn cho rằng họ *"làm sống lại thể truyện ngắn, đem lại cho truyện ngắn hơi thở, một kích thích và những triển vọng mới sau một thời gian bị lu mờ trước ngọn triều tràn ngập của thơ tự do và các tác phẩm truyện dài. (...) Chúng ta không chỉ nhìn thấy những nhà văn trẻ sống và viết. Chúng ta còn nhìn thấy họ lên đường. Và mang theo thể truyện ngắn vào một lên đường mới"* (Sđd., tr. 2). Thời Tập cũng làm một tuyển tập nhà văn trẻ (số 7, 6-1974), giới thiệu Nguyễn Mộng Giác, Trần Hoài Thư, Phạm Thiên Thư, Cung Tích Biền, Ngụy Ngữ, Nguyễn Tôn Nhan, Nguyễn Đạt, Phù Hư, Nguyễn Mai, Hoàng Ngọc Tuấn, Tạp chí *Văn* trở thành giai phẩm với luật mới số 007 về kiểm duyệt, trong số áp chót (3-1975), Mai Thảo đã giới thiệu những triển vọng mới, 13 cây viết trẻ nhất của giai đoạn lần đầu xuất hiện, về sau phần lớn không thấy tiếp tục ngoại trừ Phạm Ngũ Yên với truyện ngắn Bóng Mát. Mai Thảo là nhà văn lớp đàn anh có công giới thiệu và khám phá nhiều tài năng mới!

Họ lên đường, không những trên tạp chí *Văn* và *Thời Tập* mà cả trên các tạp chí khác như *Bách Khoa*, *Văn Học*,

Vấn đề, Khởi Hành, Chủ đề, Văn Chương, ... nhưng chưa đủ thời gian để thẩm định vai trò, giá trị, thì cả miền Nam chính trị cũng như văn học đã bị xóa bỏ.

Mới đây, tạp chí *Thư Quán Bản Thảo* ra đời (số 1, 10-2001) với một mục đích đặc biệt vừa văn chương vừa tình bạn và qua những số đã xuất bản, rõ rệt đã giúp văn hữu có cơ hội viết và đọc tác phẩm nhau và làm sống lại sinh hoạt của những nhà văn trẻ thời cuối thập niên 1960 đầu 1970 vừa nói trên. Sống động những sinh hoạt thơ văn của những người hãy còn yêu văn chương, phổ biến những tác phẩm và tiếng nói không hoặc chưa có cơ hội khác, đồng thời truy niệm những người mới trẻ đó một số đã về cõi vĩnh hằng. Những người làm văn nghệ hôm nay (2002) nhắm canh tân, xóa bỏ quá khứ, sẽ cho đây là việc không cần thiết, một thứ văn chương ngẫu hứng! Nhưng thiển nghĩ trong hoàn cảnh một đất nước và một nền văn học bị xô toẹt (nay có vớt vát, nhưng, cái Ác đã xảy ra và hiện trường tan nát, chết chóc!), một văn học sử thiếu công trình đánh giá, lưu truyền, thì công việc các anh trong ban chủ trương *Thư Quán Bản Thảo* đáng cổ vũ, theo dõi - dù mục đích các anh có vẻ khiêm tốn hơn, báo in để tặng thân hữu. Như vậy muốn đọc và biết về một số các người viết trẻ nói trên hãy theo dõi *Thư Quán Bản Thảo* được in theo phương pháp book-on-demand dù tối tân và đẹp nhưng không khỏi nhắc nhở kỹ thuật roneo đặc biệt của nhóm Ý Thức ở Phan Rang 30 năm về trước! (Chúng tôi cũng may mắn sử dụng một số tài liệu trong những số đã phát hành khi viết bài này!).

Thi ca và truyện trước tình cảnh cực đoan, cùng khốn vẫn lớn dậy, vươn lên. Tình yêu, niềm tin và ngậm ngùi cay đắng, bất lực. Phân chia tả hữu không cần thiết vì tiếng nói của họ là tiếng phản kháng, tiếng dân kêu, tiếng nói tuổi trẻ không chỗ đứng, chỗ thờ,.. Nhưng họ đã đứng

thăng trên trường văn thơ (cũng như xã hội), xác định cái tôi, như những người trẻ, và cũng đã nằm xuống đổ máu cho tổ quốc hoặc phải lê lết thân tàn phế trên khắp mọi vùng đất nước lo sống còn. Trẻ ở đây là nói đến hiện tượng xuất hiện, và họ đã đem đến cho văn học lúc bấy giờ tinh thần làm mới, tinh thần trẻ cần thiết cho một văn học và xã hội đang thoái hóa hoặc tự thoả mãn với những thành tựu của lớp văn nghệ đàn anh. Lớp đàn anh này trên các tạp chí như *Tin Sách*, *Bách Khoa*, ... đã nhìn những người viết trẻ như những người làm văn nghệ rời rạc, lẻ loi, thiếu hợp tấu, mà ngay Nguyễn Mộng Giác, một cây viết mới xuất hiện thời bấy giờ sớm nhập quỹ đạo Võ Phiến, cũng đã phê bình "*lớp người mới lâu lâu giống lên một tiếng đàn chùng lẻ loi, không thành được một hợp tấu khúc*" ("*Nghĩ Về Thơ*, *Truyện* 1974". *Bách Khoa*, Xuân Ất Mão 1975, tr. 27). Bi quan chăng, nhưng chính Võ Phiến lúc bắt đầu cũng đã tự lập nhà xuất bản Bình Minh ở Qui Nhơn để in hai tập truyện đầu tay, sau nhờ văn phong và công việc đứng ngành thông tin, kiểm duyệt, nên nhập vào dòng chính ở thủ đô sớm !

Họ là những ai? Ở đây chúng tôi xin nhắc một số người viết đã có tác phẩm xuất bản : Phạm Cao Hoàng (*Đời Như Một Khúc Nhạc Buồn* 1972, *Tạ ơn Những Giọt Sương* 1974), Lữ Quỳnh (*Sông Sương Mù*, *Cát Vàng* 1972, *Những cơn Mưa Mùa Đông* 1974), Nguyễn Nho Nhựt (*Tiếng Nói Giữa Hư Vô*, 1972), Phan Nhựt Thức (*Đốt Tuổi* 1969), Nguyễn Bắc Sơn (*Chiến Tranh Việt Nam Và Tôi* 1972), Đĩnh Hoàng Sa (*Vùng Trú ẩn Hoang Đường* 1968), Trịnh Bửu Hoài (*Thơ Tình* 1974), Nguyễn Thanh Trịnh (*Ví Dụ Ta Yêu Nhau* 1974), Hoàng Khởi Phong (thêm *Phục Hồi Quyền Chức Làm Người* 1972), Trần Vàng Sao (*Khoảng Tới Sau Lưng* 1965), Đông Trình (*Khi Mùa Mưa Bắt Đầu* 1967, *Lót ổ Cho Đại Bác* 1968, *Rừng Dậy Men Mùa* 1972), Hoàng Ngọc Tuấn (hàng chục cuốn tiểu

thuyết trước 1975, phần lớn cho thanh thiếu niên), Trần Hữu Lục (*Cách Một Giòng Sông* 1969), Cung Tích Biền (*Ai Tỉnh Ai Điên* 1968, *Hoà Bình Nàng Tỉnh Rõng*, 1968, *Nỗi Buồn Thấp Sáng* 1969,v.v.), ...

Mường Mán năm 1974 ra 2 cuốn truyện dài *Lá Tương Tư* và *Một Chút Mưa Thơm*. Vũ Hữu Định (1942-1981) lúc bấy giờ chưa có tác phẩm xuất bản, chỉ sau khi ông mất bạn hữu mới in được *Còn Một Chút Gì Để Nhớ*. Cao Vị Khanh ra đến hải ngoại mới in tác phẩm đầu tay *Lệ Từ Nét Ngang* (2001) cũng như Nguyễn Văn Ngọc in tập thơ đầu *Chuyện Kể* (2002) và Từ Thế Mộng sau *Lời Ca Cỏ Non*, sẽ được Thư Quán Bản Thảo xuất bản *Lẽo Đẽo Một Phương Quỳ*.

Họ tập trung nhiều nhất ở miền Trung nhưng cũng có ở miền Tây cũng như Đông Nam phần. Vùng Quảng Đà tự được nhiều nhất, như Luân Hoán, Hoàng Lộc, Đông Trình, Thái Tú Hạp, trong đó Nguyễn Nho Sa Mạc mệnh yếu, mất khi mới 20 tuổi, thơ như oan trái vận vào cuộc đời :

"bằng đôi tay ôm kín nỗi buồn
ta đi trong trời đất hoàng hôn
mà nghe sữa mẹ chan hòa chảy
máu ở buồng tim cũng loạn cuồng
(...) ôi nửa cuộc đời ta đảo điên
đêm nằm ru giấc ngủ cô miên
hai mươi tuổi trong hồ suy tưởng
ngửa mặt nhìn trời đi ngã nghiêng" (Sinh Nhật)

Huế có Bửu Ý, Trần Vàng Sao, Tiêu Dao, Hồ Minh Dũng, Tần Hoài Dạ Vũ,... Qui Nhơn có Nguyễn Mộng Giác, Lương Trọng Minh. Vùng Cao nguyên có Vũ Hữu Định, Nguyễn Minh Nữ, Phan Ni Tấn, .. Phan Rang có thời tụ tập Trần Hoài Thư, Phạm Văn Nhân, Nguyễn

Minh, Lữ Kiều, Lữ Quỳnh, Nguyễn Lệ Uyên, Chu Trầm Nguyên Minh,.. có tờ báo in roneo Ý Thức và nhà xuất bản cùng tên (nhóm Ý Thức còn có cả Võ Tấn Khanh, Ngụy Ngử, Trần Hữu Lục, Trần Hữu Ngử, Lê Ký Thương, Châu Văn Thuận, ... Nhóm Khai Phá ở Châu Đốc có Trịnh Bửu Hoài, Ngô Nguyên Nghiễm, Nguyễn Thành Xuân, Lưu Nhữ Thụy,.. Cần Thơ có nhóm Sóng Việt gồm Chu Tấn, Trần Kiên Thảo,.. và văn đoàn Về Nguồn (Kiều Diễm Phượng, Lê Trúc Khanh, Lê Hà Uyên,...) . Ở Long Xuyên và Vĩnh Long có Cao Vị Khanh, Cao Huy Khanh, Nguyễn Cát Đông, ... Cao Huy Khanh là cây viết phê bình văn học sáng giá đầu tiên của miền Nam xử dụng những phương pháp hiện đại, tác giả một loạt bài văn học sử trên tạp chí *Thời Tập* (Bài đầu với "20 Năm Tiểu Thuyết Việt Nam Từ 1954 đến 1973", *Thời Tập* số 1, 14-12-1973), hình như đã lên dàn máy in nhưng biến cố 30-4-1975 đã làm mất tất cả (hy vọng tác giả ở Việt Nam còn giữ !?). Họ Cao còn là tác giả nhiều bài về thi ca và về các tác giả miền Nam như Ngọc Linh, Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam, ...

Trích một đoạn thơ thời chiến tranh ước mơ một ngày hoà bình :

*"hát với ta đi bầy chim mùa hạ
từ hải đảo về đậu bên cửa sổ
làm thức bình minh lú lo lú lo
vòng mắt nhưng tròn xanh biếc
hát đi nghe bầy chim đáng yêu
hát đi nghe chân trời mỗi cánh
những hoàng hôn mây đuổi theo chim..."*

(Cao Thoại Châu, Trong Cõi Trời Mơ Ước, *Nghệ Thuật*, 25, 4-1966).

Nói đến địa phương để tạm phân biệt, tìm hiểu, nhưng khó xếp vì các nhà văn thơ trẻ ngoại trừ "học sinh/sinh

viên" Nguyễn Tất Nhiên, phần lớn thuộc hai giới quân đội và giáo chức - cũng như các nhà văn lớp trước, nên thường di chuyển công vụ hoặc theo bước quân hành, đó là trường hợp của Luân Hoán, Y Uyên, Doãn Dân, Hoàng Khởi Phong,... bên lính tráng và Trần Hữu Lục, Cao Vị Khanh, Nguyễn Trung Hối, v.v. bên "gỗ đầu trẻ". Nói chung, các nhà văn thơ đều xuất hiện trên các báo và tạp chí ở thủ đô, và xuất bản tác phẩm cũng ở thủ đô ngoại trừ vài trường hợp đặc biệt rất là ngoại lệ của một vài các nhóm kể trên. Y Uyên chết trận ở Phan Thiết khi trong tay đã có sự vụ lệnh đổi về Sài Gòn, Doãn Dân mất trong hầm chỉ huy ở Quảng Trị là hai trong số những cây bút có nhiều triển vọng. Y Uyên tác giả các tập truyện *Tượng Đá Sườn Non* 1966, *Quê Nhà* 1967 và truyện dài *Ngựa Tía* 1967,... Doãn Dân tác giả hai tập truyện dài *Chỗ Của Huệ* 1968 và *Tiếng Gọi Thầm* 1972, nhưng văn tài của ông là ở truyện ngắn đăng trên *Chỉ Đạo*, *Tân Phong* và *Bách Khoa* tiếc chưa bao giờ xuất bản.

Sau 1975, những Mường Mán, Trần Vàng Sao, Trần Duy Phiên, Đông Trình, Ngụy Ngữ, Cung Tích Biền, ... theo phe chiến thắng, lần lượt trước sau rơi vào thất vọng ê chề, có người buông bút, có người trở về làm "nghệ thuật vị nghệ thuật". Thế Nguyên bị bỏ rơi, chết trong nghèo đói! Tiêu Dao Bảo Cự trở nên đối lập công khai. Sau thời Cởi Trói và nhất là những năm gần đây, một số đã sinh hoạt văn nghệ trở lại : Cao Thoại Châu xuất bản *Bản Thảo Một Đời*, 1991, Nguyễn Bắc Sơn ra *Đời Như Một Nhà Thơ Đông Phương* 1995, Ngô Nguyên Nghiễm cũng vậy, Trần Hữu Lục thì biên soạn nhiều sách về Huế, riêng Trần Duy Phiên và Cung Tích Biền được thân hữu ở hải ngoại in cho hai tập truyện *Thằng Bất Quỷ* (1993) và *Kiến Và Người*, Trần Vàng Sao cũng được bạn ưu ái xuất bản tập *Bài Thơ Của Một Người Yêu Nước Minh* (Tân Thư, 1994).

Về phần những người đi tù cải tạo sống sót trở về, kẻ thì lây lất trong cái nghèo đói chung của miền Nam, trí thức văn nghệ sĩ dĩ nhiên cái khốn cùng nó cũng thâm hơn! Gượng dậy gặp gỡ bạn hữu thì kẻ còn người mất, kẻ trong người ngoài nước; nói chung tang thương đã lắm và chưa hẳn đã hết!

Bài này chúng tôi chỉ lược qua đôi nét về hiện tượng người viết trẻ trước 1975, trong một dịp khác chúng tôi sẽ phân tích những nét chính về nội dung của mảng văn học này! □

30-8-2002

Mang Viên Long

Bên trời mơ ước

Hễ cứ nhìn bóng Khải và Hiên khuất sau bờ dậu trước ngõ là lão Thuận trở vào ngồi lặng lẽ ở đầu hiên nhìn ngó mông lung rồi buồn. Mỗi chiều ngó thấy Hiên kè kè tấm áo mưa bên Khải khập khiểng từng bước cong cớn bước xuống sân, từng bước âm thầm ra ngõ, từng bước lặn lội qua mấy con hẻm nhầy nhụa trơn trượt ra đường, tự dưng lão thấy buồn thắm thía. Buồn ngẩn ngơ. Buồn vơi vơi. Mấy hôm đầu bà thuận không hề để ý, sau thấy lão ngồi tần ngần cả buổi ngoài hiên với những cơn mưa thấm lạnh, bà mới biết lão buồn cho thằng Khải. Trước mọi nỗi gian nan, đau xót lão ít khi phàn nàn, than vãn nhưng những cơn buồn thầm riêng rẽ vẫn thường bám sát lão, mãi miết. Những lúc biết chồng buồn, bà không dám lộ mặt, dụng chạm tới. Đó là một cái lệ hay một điều cấm kỵ mà bao nhiêu năm chung sống, bà đã biết, giữ gìn. Sự ép buộc bà phải lãng quên, đứng dưng, câm lặng này lúc đầu khiến bà khóc. Bà ăm ức khóc suốt buổi khi tưởng có thể khuyên giải lão sớm quên được cái chết của thằng Ngọc, không dè đã xảy ra chuyện gây gổ, to tiếng. Bà nghĩ giận cho nỗi im lặng lạnh lùng của chồng. Bà nghĩ buồn cho những khuyên giải không được nói. Đã là vợ chồng có mấy ai không chịu nghe những lời an ủi, dùm bọc của nhau đâu? Nhưng lão Thuận đã khó tính ít chịu nghe ai nhất là những lời khuyên can. Có lẽ lão muốn để mặc cho lão buồn? Cũng có thể trong những bận ngồi thăm với mệnh mông im lặng, lão đã tìm thấy được nhiều an ủi, xoa dịu hơn những lời nói? Bà Thuận nhìn thấy, dù sau này những nhăn nhó, rày rà to tiếng không còn, nhưng vẻ lầm lì ngậm nhiều trách giận không mất đi trên nét mặt, bộ tịch của lão; nên dù bây giờ nhìn thấy lão ngồi ngẩn

ngơ, im lìm ray rức, lòng bà xốn xang nhưng không thể bộc lộ. Những lúc muốn mở miệng khuyên lớn chồng một câu đã làm bà vô cùng ái ngại. Và rốt cuộc, bà cũng không hề đả động tới, đành chọn sự im lặng, cay đắng như bấy lâu. Bấy giờ thấy lão ngồi co ro, sững sờ, hồn phách như lạc tan vào màn mưa trắng xóa, bà chỉ biết lấp ló nhìn lảng lạng bỏ đi, cố quên như bao lần trước.

Lão Thuận thôi nhìn vào màn mưa, thôi ngó hàng cây rũ nước: Lão quay nhìn xuống những dòng nước chảy ngoằn ngoèo trong sân. Lão ngẩn ngơ nhìn như thể cố tìm kiếm trong những dòng nước chảy những gì mới lạ nhất sẽ quyến rũ lão. Nhưng không, lão lại ngược trông hờ hững ra đầu ngõ, thò tay vào túi lấy một điều thuốc châm hút. Những điều thuốc lẻ loi cho buổi chiều đưa Khải và Hiên xuống phố bắt đầu. Những điều thuốc quạnh hiu được đốt lên liên tục cháy đỏ trên tay cho những tưởng nhớ đã lạnh lẽo.

Lão hút một hơi thuốc dài, nhả khói bay lảng đãng, điều thuốc như cái ngòi cháy xa vào nỗi nhớ nhung, mơ ước. Trong mắt lão, trong màn mưa mờ mịt, hình bóng Khải khập khiễng trên đôi nạng bên tay Hiên như còn chập chờn qua lại. Nhìn bóng Khải lênh đênh xiêu vẹo đó, lão bỗng nhớ thằng Khải ngày xưa nghịch ngợm quá đỗi. Lão nhớ da diết thằng Khải hồi còn đi học dưới phố trở về với đám bạn bè ồn ào lục lạo khắp vườn. Lão còn nhớ, lúc sinh Khải vừa được một năm. Lão đã bỏ sở trà ở Biển Hồ trở về quê gây dựng buôn bán. Sau bao năm làm cai ở đồn điền cao su không để lại gì cho lão ngoài những hình ảnh hung bạo, đã mang của mấy thằng Tây chủ sở. Dù là chef- commander với nhiều đặc quyền, lão cũng không thể ở lại lâu hơn để hằng ngày nhìn thấy đám phu bị hành hạ, bóc lột quá sức. Hồi đó, dân cư nhiều tỉnh cao nguyên miền Bắc, miền Trung được dẫn dụ, mua chuộc đến đồn điền, để rồi sau đó phải cắn răng cam chịu trong từng trại tập trung bưng bít, vây hãm. Đời sống thực là lam lũ, khó

nhọc: bốn giờ rưỡi sáng *điểm tâm*, lũ lược kéo vào rừng, quần quật làm việc, mười hai giờ dỡ cơm ăn với nhúm cá khô dồi bò lúc nhúc, cắm đầu làm việc, bảy giờ chiều lếch thếch rũ rượi trở về, ăn cơm với nhúm cá khô dồi bò lúc nhúc, chui vào trại tập trung hôi hám ngủ, sáng bốn giờ rưỡi *điểm tâm*...Cứ thế, một năm mười hai tháng, bốn mùa, lúc nào đầu cổ cũng bồm xồm, rách rưới, thất thiếu. Khổ đến nỗi có rất nhiều người phải bỏ trại trốn đi vào giữa khuya dù băng rừng lội suối, dù vẫn biết nếu chẳng may bị bắt, hẳn sẽ bị hành hạ. Hình phạt dành cho những kẻ toan trốn thoát như sau: trói cặp ké hai tay, dùng ma trắc đánh nhừ vào đôi bàn chân, bắt chạy và đếm tới một trăm bước. Nhiều kẻ chỉ ngoi đầu lên đi được mười bước đã ngã quy xuống lẫn cù. Những kẻ khi đã lãnh chịu hình phạt này đôi chân bị sưng húp lên, mưng mủ, và thường bốn người đã có tới ba người chết. và hình ảnh của gã đàn ông người nùng dùng *sà gạt* chặt đứt cả một bàn tay để được trở về, làm lão khiếp đảm suốt trong thời gian còn lưu lại đó. Vững máu lênh láng ở một bên chân cầu đã thúc giục cho í định bỏ sở của lão đã nghĩ từ trước. Cơ hội đã tới: Buổi chiều vừa từ rừng cao su trở về, lão nghe có tiếng gọi của gã gác đàn ngoài cửa lão hỏi vọng qua một cánh cửa sổ trống, không mở cửa lớn. Sau đó, thằng tây đặc trách mộ phụ gỗ cửa phòng lão. Nó nhớn nhác bảo có hai thằng phụ đã trói sẵn ngoài xe, phải hành xác gấp, bởi cũng theo lời nó, chúng đã sách động đám phụ trốn, chống lại chủ sở; lão nghe thấy ngầy ngật, choáng váng trong đầu. Gương mặt lão đỏ rần. Hơi thở lão gấp gáp: Cơ giận cũ đã tới. Những lần chứng kiến cảnh đánh đập, tra tấn trước đã ám ảnh, nhức buốt tâm trí lão hoài trong nhiều tháng lâu dần, hai ba năm, lão như thường xuyên bị rối loạn thần trí bởi những tiếng rên siết, quần quại; bởi những dòng máu tươi tắn chảy ròng trên đá sỏi; bởi những thân thể tật nguyên thấp thoáng dị kì. lão xua tay đuổi thằng Tây ra khỏi phòng, đóng mạnh cửa, lão

nói, tôi bị đau, tôi không thể cùng đi với ông được nữa. Ngày hôm sau lão thanh thân ở nhà để chờ đợi linh nghĩ việc. Để ra khỏi chốn ngục tù dù lão chỉ tên cai coi sóc. Sáng đó, lão la cà bên gã gác đàn để nghe kể lại cái chết của hai người phu: Xe chạy tới bờ suối vắng, hai người phu trối cấp ké bị vấp xuống thảm cỏ, những thanh cây rừng dài trượt, khúc mắc giáng xuống túi bụi, máu học ra ở miếng, ở mũi; trối chập hai người làm một (quay mảy vào nhau), dùng *sà gát* mổ xuống khắp mình mẩy, hai người phu lăn lộn, rên khóc; máu ứa bãi cỏ tươi...Ở đây chỉ có thuần những bóc lột, tra tấn, hành hạ, thủ tiêu. Làm gì có được một chút mơn trớn, dịu ngọt, ân cần, trước của những thằng Tây, thằng cai tay sai khi đi mộ người? Lão nghĩ, quả thực cánh rừng cao su đã tưới mướt cũng chỉ nhờ mồ hôi, nước mắt của hăng vạn người đã đổ thấm xuống. Và những giòong cao su kia, đang chảy vào thùng, là những giòong máu của bao người đã bị cực hình, đã bị những mũi *sà gát* cong quắp, nhọn hoắt mổ xuống tợ cái chết của hai người phu trông buổi chiều trước. Một ngày chờ đợi không thấy đả động tới, lão bỏ sở đi luôn. Một lần nữa, ở Biển Hồ, lão lại phải làm thông ngôn cho thằng Tây chủ sở trà để có ai sống trong những ngày lưu lạc, lông bông. và cũng chính ở giữa rừng trà, giữa những đống trà cao ngất, lão đã tìm ra bà Thuận trắng trẻo, hiền hậu, duyên dáng ngồi lựa từng cọng trà hăng ngày. Sắc đẹp dễ làm xiêu lòng người đàn ông, cho dù là người đàn ông lưu lạc dạn dày tưởng đã cần khô như lão Thuận: Một tháng sau khi nhìn thấy bà Thuận (bà Thuận còn là cô gái lựa trà trắng trẻo, hiền hậu, duyên dáng) lão năng nặc xin cưới liền cho dù người Thím hên phải chờ người mẹ của bà từ Bình Định lên. Cưới được bà Thuận, người con gái lựa trà ngày nào, lão không để cho bà làm việc như xưa. Một người con gái xinh như bà đi làm những việc lam lũ vẫn làm lão thấy tội nghiệp. Thằng Ngọc được ra đời giữa núi rừng trà bát ngát vào một tối mùa đông ướt

át, quanh quẩn. Kế đó, tới thằng Khải. Có thêm thằng Khải, lão nghĩ tới việc bỏ sở quay về quê cất nhà, gầy dựng, buôn bán. Những dự tính ngày mai nào nói với vợ, cũng không có chút dính dấp tới mấy thằng Tây, tới sở này, đồn điền nọ nữa. Lão chán ngán cái nghề làm cai, làm thông ngôn, làm tay sai cho mấy thằng Tây chủ sở. Nó lông bông, lưu bêu, phiến nã làm sao ấy. Lão nghĩ, không lẽ suốt đời mình chỉ biết sống bám vào những thằng Tây lưu vong, bóc lột? Không có Tây làm cho Tây đâu phải chết đói? Và nhất là mấy năm sống heo hút, khiếp đảm, bưng bít trong đồn điền cao su dạo nào đã cho lão thấy chỉ có sự trở về với cõi sống riêng mới yên ổn, chắc chắn. Tương lai của thằng Ngọc thằng Khải nhất định không thể quanh quẩn, tới tấp trong những rừng trà hoang dã này cũng không chút dính dấp tới thằng Tây này thằng Tây nọ. Khi thằng Khải vừa đứng thôi nôi, nhân có vụ cãi cộ qua lại với thằng Tây chủ sở, lão dắt díu vợ con trở về thực sự. Với số vốn dành dụm bấy lâu, lão đã xây nhà, mở cửa hiệu tạp hóa ở cạnh chợ, trên phố. Hình như sự có mặt của thằng Khải đã đem tới cho gia đình lão nhiều may mắn, phát đạt, yên thắm sau đó. Lão và vợ cũng chịu nó rất mực. Nó càng lớn lên càng nghịch ngợm, kì khôi không ai chịu nổi. Riêng lão vẫn tin rằng hết lứa tuổi kì chướng nó sẽ điềm đạm, chững mực như thằng Ngọc, nên ít khi rầy rà mà còn nhìn ngắm nó ngang ngạnh một cách thích thú. Nó với thằng Ngọc khác xa một trời, một vực: Thằng Ngọc hiền khô, điềm đạm thì nó ngang tàng, phách lối. Thằng Ngọc đen dui, nhỏ thó thì nó trắng trẻo như mẹ, dềnh dàng như cha. Cũng chính vì vậy, vợ chồng lão cũng chịu nó như trứng mỏng, như hũ mắm treo đầu giàn. Sau Khải, con Lý, thằng Hòa sống ề uột đâu được mấy năm rồi chết. Qua hai cái tang con, lão bắt đầu nhìn thấy sự sa sút, thất bại của lão nên sang lại cửa hàng, cho thuê nhà, một lần nữa đùm bọc vợ con về miền quê. Chiến tranh lan tràn khắp đô thị. Chiến tranh vây

siết thôn quê. Thăng Ngọc chết đi âm thầm, bí ẩn trong rừng núi liên khu năm. Rừng núi liên khu đã chất chứa biết bao nỗi chết mờ mịt như Ngọc. Lão không tỏ chút xót xa khi nghe tin báo mập mờ, trề trằng đó, nhưng nỗi buồn sau này những ngày tản cư, khó khổ đã làm lão dật dờ, bệnh hoạn. Cũng trong những ngày gồng gánh ngược xuôi mai gềnh, chiều núi, bà Thuận có mang con Kim. Kim khóc tiếng khóc đầu đời giữa cánh đồng không mông quạnh cạnh bia rừng. Hai năm sau, đình chiến. Tin loan đi như trăm tiếng cười vang dậy. Con người có thể ngóc cổ lên, nhìn rõ mặt trời. Gia đình lão hết ngủ bờ, ngủ rừng, ngủ núi, ngủ hầm. Trở về mấy năm sau bà Thuận sinh con Thượng muộn màng khi lão tưởng đã dứt hẳn đường con cái. Cuộc đời lão dường như móc tựa vào từng sự có mặt của từng đứa con. Bây giờ nhìn thằng Khải, nhìn thằng con ngày nào hy vọng phôi phôi trở về với những vết thương sâu hoắm. Với người vợ cũng xanh xao, gầy mòn, bơ phờ như nó nhiều lần lão rưng rưng muốn khóc. Bấy năm, hết khuyên tới ép buộc nó cưới vợ, nó vẫn ngang ngạnh không chịu, một hai cũng lắc đầu. Lúc nào cũng cười cười, nói dừng đứng: Hơi sức nào cha lo chuyện đó nữa? Cha cứ yên tâm nghỉ dưỡng tuổi già chuyện vợ con cứ để đó, con lo cho. Nếu hỏi tới khi nào mày tự lo lấy, nó cũng cười, khi nào con thích là con lo liền mà. Bà Thuận tra gạn nó cả buổi, con thương ai, mày đã thương ai, thương đứa nào, nói thiệt để ở nhà lo liệu, nói thiệt đi, con thương đứa nào cũng dặng; nhưng rồi trước sau gì nó cũng chỉ lập lại mấy lời, rồi cười cợt, rồi bỏ qua. Riêng lão Thuận; khi nghe Kim nhắc tới những lý do đã nghe anh tâm sự, càng hiểu được lòng Khải mà không nỡ ép, dù lòng vẫn thương buồn vì chuyện vợ con của Khải: *Kim nghĩ coi, lính tráng chân cứng đứng ngồi không yên như vậy, có vợ để thêm khổ cho họ à? Cái lý do nghe thật tầm thường, rất nhàm chán nhưng cũng rất gần gũi với anh là đời anh sống mất từng giờ. Nay còn mai mất. Ngay những*

lúc anh trở về nói cười với em, nhưng anh cứ thường bị nổi chết chia xa ám ảnh. Sự thực đời anh vậy đó. Có đi lính, có đánh nhau, có gần kề cõi chết mới biết hết được lòng dạ những đứa làm lính như anh. Anh chỉ nói với em một lần này, rồi thôi anh sẽ chẳng bao giờ lập lại. Đời lính cũng chẳng có gì để lập lại cả. Ngay trong những thư sẽ viết cho em sau này, anh cũng không kể, nói tới chuyện lính. Lý do dễ hiểu là anh ghét lính dù anh rất thương đời lính. Chắc Kim hiểu anh?

Một năm sau trong lúc bà Thuận hết còn mơ tưởng tới ngày rộn ràng làm đám cưới cho Khải, hết nghĩ tới buổi tụ họp đông đảo của họ hàng; nói tóm lại mọi âm vang của tiếng cười nói chúc tụng ngày cưới Khải đã nhạt nhòa trong trí bà để thay vào đó sự nhẩn nại chờ đợi cho tới ngày hoà bình (hai chữ “ *hoà bình* ” bà rất thường nghe đọc trong những lá thư của Khải gửi về; rất quen thuộc rất tha thiết, nhưng vô cùng mờ ảo như nổi tưởng tượng mông lung của bà hằng đêm) thì bỗng dưng nhận được thư của Khải báo tin sắp cưới vợ. *Con sắp cưới vợ rồi*, một câu nói thật dễ dãi nhưng là lòng trông ngóng dai dẳng bao năm của bà Thuận. Nghe Kim đọc thư, bà hấp háy đôi mắt bắt Kim lập lại, và cuối cùng hai hàng nước mắt chảy ròng xuống khuôn mặt bà rạn rỡ. Còn lão Thuận, lão thoáng mỉm cười (nụ cười đã rất lâu Kim mới thấy lại nơi đôi môi lặng lẽ, nơi khuôn mặt buồn phiền), hỏi thêm Kim vài chi tiết (nó cưới vợ ở đâu? Vợ nó năm nay bao nhiêu tuổi? Còn đi học hay đã đi làm ?) Lão làm tự như Kim là người thấu hiểu hết mọi ẩn tình về cuộc tình duyên bất chợt của Khải. sau mấy câu hỏi vội vàng, Lão im lặng. Lão tưởng tới ngày cưới vợ của con ở phương xa, không họ hàng thân thích, không hoa nữ lễ lộc, mà thấy tội nghiệp cho con.

Ngày đầu tiên Hiên theo những bước chân xiêu vẹo của Khải, trở về gầy hờ bên những vết thương của chồng, lão đã thấy xót thương cho nó. Xót thương cho một đời con

gái long đong, lặn độn. Nhìn thấy cha mẹ Khải, nàng vụt sụt sùi khóc không nói năng gì, trong nỗi già nua, cô độc của cha mẹ Khải. Hiền nhớ tới mẹ nàng ở trong Nam quá. Thấy Hiền khóc, bà Thuận cũng chảy nước mắt theo. Còn Kim, lúc đó, nàng mới hiểu rằng những phán đoán khắt khe về những người Nam hư hỏng, hoang phí, là không hẳn đúng. Hiền trước mắt nàng lẽ loi, lúi sùi, chí tình đã khiến nàng xốn xang hồi hận. nàng bối rối xót xa nhìn chị như khi nhìn những vết thương trên mình mẩy, chân tay Khải. Liền sau đó, Kim đã tới bên Hiền thực tha thiết, hiền thực. Trong lúc đó bé Thượng cứ đứng thập thò ở xó cửa nhìn lên Hiền, rồi cười cười...

- Trời tối rồi à?

Trời tối thực. Mưa mờ mịt trong bóng tối nặng trĩu, bần bật. lão Thuận quẳng mẫu thuốc ra hiên, đứng dậy, thở dài.

oOo

Khải nằm đông đưa trên chiếc võng vải mắc ngoài hiên nhìn Hiền và Kim đang khều khế chín trước sân. Hai cây khế, một chua, một ngọt vàng um những quả chín mùi cuối mùa không ai hái. Có lẽ từ ngày có Hiền về, những trái khế chín mới được người nhà nhìn tới. Kim bẻ được một chùm khế chín tươi, không rơi đập xuống đất, đưa cho Hiền. Hiền chọn lấy một trái, trả chùm khế cho Kim. Kim chạy vào đưa cho Khải:

- Khế ngọt này, chị Hiền chê khế ngọt, anh ăn thế đi...

Khải cười đưa cánh tay phải khoẻ mạnh ra đỡ cả chùm khế. Những trái khế chín tỏa mùi thơm ngọt ngày nào đã quyến rũ anh bỏ cả ngủ trưa, trốn trèo lên cây với cối muối ớt, để rồi khi ăn no nghe trong ruột cào xót khó chịu lại bị quất mấy roi mây nữa. Những trái khế chua nhiều vị chát trong cổ hái cho bấy con gái dưới phố hí hửng lên xin, phá phách, những hôm nghỉ lễ hội nào. Khải đưa khế

lên miệng ăn, nghe như hương vị của dĩ vãng không hề phai lạt trong từng trái khế trong tay. Khải lại nhìn lơ đãng ra sân; Hiên vẫn còn mãi mê ngược nhìn lên những trái khế chín, dày đặc. trong bộ tịch bé bỏng, lấm lũi của Hiên, Khải bỗng thấy thương vợ quá chừng. Ước mong lớn lên cưới cho được cô vợ người Nam bé nhỏ, thực thà, để ngày đêm nghe giọng nói chả chớt, nũng nịu, tràn đầy những vỗ về, thăm thiết của Khải bây giờ đã thực hiện được. Hiên bé nhỏ, ngơ ngác, nặng tình nặng nghĩa thực sự đã vỗ về, đùm bọc anh rất nhiều từ thuở mới thương tới ngày anh què quặt, tàn phế. Những khổ ải, hèn kém, thua sút mà Hiên đã hết lòng lãnh chịu đã giúp Khải hiểu thấu lòng dạ Hiên. Anh nghĩ, chỉ có những bất hạnh mới đo lường được lòng tin yêu nơi con người mà thôi. Trong sự phủ phê, sung túc, làm gì có niềm tin yêu bền vững như ở Hiên đã có. Không biết chừng, mọi cảnh xa hoa, mọi đời dư dật sẽ làm tàn lụn lòng tin yêu nơi con người nữa là đằng khác. Những cái trứng gà của bầy gà Hiên gây nuôi dành cho anh mỗi sáng có khác nào anh đã hút từng dòng sữa ngọt ngào kết tụ nơi Hiên? Những dành dụm nhỏ nhặt, những lo lắng chiu chắt cũng chỉ cốt cho thân anh hăng ngày của Hiên, đã làm anh nao nao thương vợ. Và Khải không làm sao quên Hiên được, như không thể quên quả trứng vịt Hiên nhặt ngoài mé ruộng bên đường, mừng rỡ mang về luộc cho anh ăn hôm nào. Đôi lúc, dù nhìn lại thân thể mình sứt mẻ, tật nguyên, nhưng nghĩ tới tình nghĩa Hiên, anh cũng đỡ nhiều buồn tủi, ray rức, xốn xang. Nhất là đứa con trong lòng Hiên đang mang nặng đã như những liều thuốc ngủ êm ái, dỗ dành anh những đêm nghe nhức buốt mình mẩy, chân tay, bởi những mảnh đạn chưa được lấy ra. Khải nghĩ nay mai rồi đứa con đó cũng sẽ ra đời bên người cha tàn phế như Khải, để lúc lớn lên, hỏi cha nó về cái chân què, cái tay cụt, cái vết sẹo dài ở ngực; Người cha biết làm cách nào để nói với con, trả lời cho con những điều đó thông suốt đây? Chẳng

lễ bảo cha đã có hồi cầm súng, đã có hồi đeo lưu đạn, đã có hồi thù hận bắn giết người để rồi trở về với những thương tích một đời trên thân thể? Khải mơ hồ thấy buồn với những điều không thể nói hết ra được đó.

Khải nhìn chậm chạp, sững sờ lên những vết thương đang khô dần, lành lặn ở hai cánh tay. Một cánh tay bị bể xương, trộn lẫn với những mảnh đạn súng lên ở khuỷu, phần thịt hai bên khô héo lại, nhỏ xíu. Hết nhìn những vết thương ở đôi tay, Khải dò dẫm nhìn xuống những vết thương còn quấn băng ở ngực và chân trái. Tất cả những mảnh đạn trong các vết thương đó chưa được nhặt ra, chờ đợi lành lặn hẳn các vết thương mới giải phẫu lần hồi. Anh có thể lấy một ngón tay, lựa tìm từng cạnh mảnh đạn trong các thớ thịt sưng đau nhức. Lần nào cũng vậy. Tìm thấy một mảnh đạn còn nằm sâu trong thịt, Khải chưa xót nghĩ rằng, thịt xương anh đâu có phải là nơi chứa đựng những mảnh đạn, những thù hận? Xưa nay, có ai ngờ rằng, có ngày trong thịt xương giòng máu mình sẽ có những mảnh sắt giết người không nhỉ? Khải buồn bã nhìn thoáng ra sân, bóng Hiên và Kim đã mất; Trời hanh nắng, thứ nắng vàng vọt của những ngày đầu đông được tạnh. Thượng đi học về, chạy lại nắm một đầu vớng lay gọi Khải dậy:

- Anh Khải, anh Khải có cái thư này...

Khải mở bừang mắt, đôi mắt mệt mỏi thoáng nhìn ngơ ngác:

- Thư nào? Cái thư nào, của ai ?

Thượng cười:

- Thư của thầy em đó...

Không đợi Khải hỏi, Thượng nói tiếp cũng với giọng nôn nao cũ:

- Thư của thầy gửi cho chị Kim mà, thầy thường gửi thư cho chị Kim lắm.

Cầm cái thư trên tay. Khải biết được rằng, chắc ông thầy trẻ tuổi đa tình nào đây dạy ở trường Thượng viết thư tán

tĩnh nặng lòng với Kim rồi. Khải cười với Thượng, Thượng vào trong nhà cất sách vở, rồi kêu chị Kim vào đây anh Khải nhờ chút việc, gấp lên nghe chưa? Thượng dạ lớn một tiếng, chạy ù vào trong nhà, như kéo tiếng cười theo từng gót chân thon. Khải nhìn lướt qua nét chữ tô điểm cẩn thận như lúc ông thầy viết tập cho bọn học trò trên bì thư: Thượng gửi em Trần Thị Minh Kim.

- Anh gọi em, anh Khải.

- Ồ, không nhờ chuyện gì cả, Kim có cái thư...Khải đưa cái thư về phía Kim. Kim luống cuống, bỡ ngỡ, sợ sệt. Đợi Kim lấy thư, Khải nói:

- Sao Kim dấu anh?

Kim gượng cười:

- Em đâu có giấu nhưng em chỉ không nói, làm thinh thôi?

Kim đứng gần Khải hơn, tay vịn đầu vồng, đong đưa:

- Tại ông thầy của Thượng...

- Tại ông thầy của Thượng thế nào?

- Ông viết thơ cho em đó chứ.

- Rồi em có viết thơ cho ông không?

- Có.

Khải cười dễ dãi:

- Anh biết, thôi bây giờ kể rành rọt đầu đuôi cho anh nghe đi, anh giúp cho.

Kim nhìn thật lâu trên gương mặt anh, bắt đầu kể: hôm trước xa, thật xa, em quên mất ngày nào rồi, Thượng nó đau trái rạ đó anh, ở nhà cha sai em lên trường xin phép cho Thượng nghỉ đôi ba bữa nếu không Thượng nó khóc hoài, nó nói không có gia đình xin phép thầy cho điểm xấu, cho zero, cuối cùng em phải liều đi cho nó yên. (Kim dừng lại nhìn anh) Rồi...rồi gặp ông thầy của Thượng, ông thầy còn nhỏ, ông ta hỏi thăm Thượng, thăm nhà, sau đó hết giờ dạy ông ta có tới thăm Thượng, cha lên phố, má còn ở ngoài chợ, một mình em (dừng lại đong đưa chiếc vồng), ông thầy hỏi thăm em, thăm anh. Rồi sau đó, em cũng không nhớ ngày nào, Thượng mang

về hôn hờ đưa em một bì thư, có thơ của thầy. (Kim ngập ngừng). Em đọc rồi em...viết thư trả lời. Hôm sau lại có thư nữa cho tới bây giờ, thư này là thư thứ mười hai đó...

Khải nhìn kĩ lên khuôn mặt Kim, thấy nó cũng đã lớn nhiều. Anh vẫy tay cho Kim rời anh: Thôi vậy được rồi, lúc nào muốn anh đọc thư thì cứ đưa, có điều gì không viết được, hỏi anh...Kim sẽ sàng đi thoăn thoắt ra sau vườn, nhìn đàn chim vừa vỗ cánh. Nhìn theo em, như nhìn theo những mơ ước ôm ấp ngày nào của mình. Những ước mơ đẹp như những lời thư tình. Trong cảnh sống cay nghiệt, chua xót này có những giấc mơ tuyệt trần như thế, không có gì đáng trách. Nhất là với Kim, người con gái đã cúi xuống quá nhiều bên nỗi nhọc nhằn, lận đận của cha, mẹ, anh, em.

oOo

Mùa đông đã về rõ ràng trong những trận mưa dài mục đất, ngút ngàn. Mùa đông đã che kín bầu trời bởi những lớp mây đen, dày đặc. Mùa đông thê lương nơi làng quê hẻo lánh của lão Thuận đã được nhìn thấy với nỗi vắng vẻ mỗi ngày một hiu hắt, chột dạ. đêm đêm, trong tiếng mưa, lão còn nghe rất nhiều tiếng chó sủa ghê rợn dò dẫm theo từng gót chân lén lút, di động. Từ ngày Kim bị những người trên núi xuống bắt đi cùng với con Hở, con Hương, con Lực, tiếng chó sủa càng nhiều, gay gắt, khó nhắm mắt được. Trong bấy đứa con gái cùng bị dẫn đi với Kim, lão nghe nói, có hai đứa là người cũ đã có lần lên núi trước đây. Nghe vậy, lão hết hồn nghĩ rằng, ở nhà may vá đắc đỏi như con Hương có phải sướng thân hơn không? Còn con Lực, đã đi học nghề y tá, cô đỡ hương thôn, ước hiếp nỗi gì để bỏ lại bà mẹ già suốt đời còng lưng về nó? Bây giờ, lúc này, những gì xảy ra chung quanh đối với lão đều khó hiểu, khiến lão giựt mình. Có con Kim ở nhà đỡ dần việc này việc nọ, nay nó mất đi,

khiến con Hiên phải khổ trăm bề. Mấy hôm rày, con Hiên kêu đau bụng đẻ, nó nằm xuống lại không có ai coi ngó trước sau. Lúc sáng, Khải đã trù tính đem Hiên lên phố sinh, nhưng lúc lão hỏi, sinh ở đâu, nằm ở đâu, ai chăm sóc mẹ con nó thì Khải im lặng. Khải cũng biết rằng, ở nhà Hiên sẽ có mẹ anh hờ hấp, lửa củi, cháo cơm; còn bước lên phố thì hoàn toàn xa lạ. Căn nhà người thím thì cũng chỉ dành một chỗ để đặt chiếc giường bố cho anh mỗi đêm thôi, đâu còn chỗ nào để bao dung cho mẹ con Hiên được? Không có nơi dành riêng, và cũng không có tình nghĩa nào rộng rãi hơn một xó giường bố đã đặt. Nhưng nghĩ ngợi tính toán nào cuối cùng cũng chỉ cho anh nhìn thấy thêm sự lạc lõng, khốn đốn của gia đình: Khải nghĩ mà muốn ứa nước mắt.

Theo lời cô đỡ vừa được mời đến thì có thể Hiên sẽ sinh trong đêm nay, đêm mưa gió đầy trời. Nghe lời cô đỡ nói, Khải nghĩ đến việc ở lại, không đi xuống phố nữa: Mình phải ở lại bên Hiên trong giờ phút nặng đau đớn làm mẹ. Ngày nào Hiên cũng đã căn dặn anh, hễ ngày em sinh anh phải có mặt bên em, cho em đỡ sợ, cho em tin tưởng. Hiên đòi phải có Khải đứng cạnh nàng ngay trong phòng sinh nữa, nàng mới chịu. Khải chịu hết, nhưng bây giờ phải tính sao? Con Kim đã bị bắt đi, từng đêm chó sủa vang dậy, súng nổ rền trời, liệu anh có thể yên tĩnh đứng cạnh Hiên chờ nàng sinh không? Hay anh phải quờ quạng từng bước lủi trốn như lão Thuận? Khải bồn chồn khi bóng chiều mỗi lúc càng xuống thấp ngoài ngõ.

- Mày phải đi, nhất định mày phải đi ngay bây giờ...

Lão Thuận lập lại câu nói với với nhiều vẻ cương - nghị, hoảng hốt. Tiếng Hiên rên khóc kêu gọi tên anh trong buồng gây nhiều hoang mang, tê tái trong lòng Khải. *Hễ tới ngày em sinh, anh phải có mặt bên em, cho em đỡ sợ, cho em tin tưởng.* Khải đứng dậy, rời khỏi ghế. Anh nói cần cặp nạng, chống chân đi từng bước tới buồng Hiên. Không biết sao, đến cửa anh dừng lại. Tiếng Hiên rên lên

từng chớp, từng chớp đoài đoan. Khải thấy đau nhói trong lồng ngực như thể một mảnh đạn nào đã ghim sâu vào đó. Anh đứng dựa vào thành cửa, im lặng. Một lát Khải vội vã ra hiên, với tay lấy tấm áo mưa, anh khập khiễng đi lần ra ngõ.

Buổi chiều trời mưa tầm tã, gió rạt rào trên những cành cây cao. Lão Thuận nhìn dõi theo bóng Khải, những giọt nước mắt trắng như mái tóc đã bạc long lanh lăn dài xuống đôi má...

1970

Mang Viên Long, sinh tại Thành Đồ Bàn, Bình Định. Trước 1975 anh dạy học ở thành phố Tuy Hòa, Phú Yên. Hiện nay anh đang sống tại huyện An Nhơn, Bình Định. Truyện : Bên Trời Mơ Ước là một trong những truyện ngắn trong tuyển tập truyện Mùa Thu Trống Trãi của anh. Phát hành vào năm 1970 do Nguyễn Lệ Uyên gửi qua cho TQBT.

Ý Yên

Mộng thường ngày

Buổi sáng, leo sương tới Cổng Trời
chặt vầu, đốn gỗ, ngấm muôn nơi
giờ trưa, vắng tiếng khua cạo chảo
biết rá khoai khô đợi dưới đồi

Chiều đi kiếm củi ven bờ suối
gặp mấy cô xin hát nhạc vàng
bỗng kẻo thu quân rền inh ỏi
một ngày lao động rất vinh quang

Đêm kín như bưng trời Nghĩa Lộ
chui vô mền với chén bo bo
nhâm nhi từng hạt từng hạt nhỏ
gửi mộng Xanh đi khắp bến bờ

Nghĩa Lộ, 1976

Trần Hoài Thư

Khi mùa hoa cà phê nở

Có lẽ bàn tay của Ôn Trên đã sắp đặt để chàng được làm quen với cô bé ấy. Và qua một câu pha trò hết sức vắn vớ, chàng không ngờ sự liên hệ lại trở nên thân mật đến như vậy. Câu chuyện tình cũng vậy. Nó đến thật mau chóng và quá dễ dàng. Phải chăng Pery vẫn còn mang nặng sự hồn nhiên, ngây thơ và man dã của sắc tộc nàng. Phải chăng, nàng vẫn chưa biết được lòng dạ của một người Kinh? Nàng vẫn còn tin tưởng ở lời nói mê hoặc của một tên phù thủy biết đời rất sớm? Chắc chắn phải vậy. Bởi vì, chỉ một buổi trú mưa dưới mái hiên của một căn phố lầu trong thị trấn, chỉ một câu hỏi của nàng: "Ông ơi, mấy giờ rồi ? " Mà mọi sự đã mở ra cho một duyên nợ. Để chàng hỏi lại: "Cô bé học trường nào?" " Trường Ma Soeur " "Cô bé học lớp mấy?" "Lớp Đệ Tứ" "Cô bé học chương trình Pháp hay Việt? " " Việt " "Cha mẹ cô bé làm gì? " "Chủ đồn điền" "Tên gì?" "H. Pery. Ủa sao ông lại hỏi tôi nhiều như vậy ? Bây giờ tôi phải hỏi ông..."

Chàng nhớ ra rồi. Căn phòng chàng lưu thân, luôn luôn đóng kín cửa. Không giường, không bàn, bốn vách tường viết đầy những câu thơ của Nguyễn Đức Sơn, Bùi Giáng, mà chàng đã gọi nó là ngôi nhà mồ của Dostoievky. Hôm nay cánh cửa lại được mở tung, để tràn vào ánh sáng tươi đẹp. Và sau đó là một gương mặt của một cô bé Thượng lai Pháp ló vào, pha chút lém lỉnh tinh nghịch của một con sóc nhỏ lẫn cái man dại từ đôi mắt của giong máu thiếu số. Chàng dấu vẽ bối rối như thể một tên tội đồ bị phát hiện. Căn phòng quá bụi đời này chỉ có hợp cho đám đàn ông lông bông như chàng. Chiếc nôi cơm nguội vẫn còn

mở nắp. Chiếc chén vẫn chưa rửa. Đôi đũa nằm lẫn lóc. Sách vở tứ tung. Chiếc mền không xếp.

Chàng vẫn còn nhớ rõ: cô bé mang chiếc quần patte màu mở gà và chiếc áo pull màu xanh đậm. Hàm răng cô bé rất trắng, và mái tóc ngắn thật đen như mun. Khi cười, má cô bé lộ hai lúm đồng tiền và đôi mắt cô bé rực sáng. Cô bé chống nạnh, quan sát khắp căn phòng. Rồi đôi mắt ấy chăm chú nhìn những câu thơ viết trên vách. Cô bé đọc to:

"Trong vườn em khóc gục đầu vai tóc xòa nước mắt chảy ướt nhiều ướt cả áo nhau. Không có rượu rơi quần hồng em hoen ố. Yêu nhau khổ sở như trời sụp đổ, cuộc đời tuổi đại trôi giòng nước chảy cuốn đi. Mùa thu lạnh. Trăng đời em xanh đó... Trăng chảy đầm đìa nước mắt thơ ngâỵ..."

Rồi cô bé cười khanh khách:

- Ông ơi, ông viết gì lạ vậy ? Bộ ông điên sao ?

Chàng nói:

- Không. Đây là một bài thơ của Đại thi sĩ Bùi Giáng.

- Sao ông ta viết cái gì lại kỳ cục vậy ?

- Pery phải đợi mấy chục năm mới hiểu. Cô bé có học Nguyễn Du không?

Nàng nhún vai.

- Tôi có học, nhưng tôi không thích ông. Tôi thích chuyện con nít.

- Như vậy cụ Nguyễn Du chắc phải buồn lắm.

- Vì sao hở ông?

- Cụ than không biết trăm năm sau có người hiểu tâm trạng cụ hay không. Bây giờ hơn trăm năm rồi vẫn có người chẳng những không hiểu mà lại không thích cụ nữa.

- Ông nói chuyện gì đầu đầu. Này khách đến nhà bắt người ta đứng à ?

- Thì ngồi.

- Ghế đâu ?

- Nền nhà đó. Tha hồ ngồi đâu thì ngồi.

- Bộ ông không có giường có ghế sao ?
- Không. Ngủ đất mát.
- Ông kỳ thấy mồ. Ít có ai như ông. Nay ông làm gì ?
- Tôi không làm gì hết.
- Như vậy làm sao ông sống ?
- Thế mới tài.

Lòng chàng tự dưng nảy nở một niềm vui thầm kín. Sự có mặt của một cô bé thiếu số như một cánh chim tuyệt vời. Ở đó, chàng có thể tìm ra một nỗi vô tư hồn nhiên của một con sóc, và tinh nghịch như một con mèo con. Còn cả cái vẻ kiêu kỳ học-đòi-làm-người-lớn của cô bé nữa. Chàng bắt đầu giới thiệu:

- Nay, cái chiếu này làm giường ngủ. Cái soong này để nấu cơm, nấu nước, luộc rau. Rau luộc xong, lại dùng nước làm canh, vắt vào một tí chanh, thêm vào một tí muối. Chai xì dầu này dùng cho cả tháng. Đèn cây này để đốt. Những cuốn sách này để đọc...

- Ông đọc gì nhiều vậy ? Ông không sợ nhức đầu hay sao ?

- Đầu có nhiều. Phải trăm lần hơn thế nữa, mới đủ.

Cô bé thiếu số so vai, lè lưỡi:

- Ông giỏi quá. Ông có truyện không ?

- Có. Nhiều lắm. Câu chuyện một giòng sông. Sói hoang trên đồng cỏ. Tội ác và hình phạt. Hồi ký viết dưới hầm...

- Có phải truyện cổ tích bằng tranh hay không ?

- Không. Những truyện về triết lý, suy nghĩ về thân phận làm người...

- Eo ơi, tôi không thích. Tôi chỉ thích truyện của Phi Long.

Chàng bật cười:

- Cái đó thì không bao giờ có cả.

- Yếu quá. Tôi có truyện Con Tàu Máu, Đẳng Bàn Tay Máu, Đầu Lâu Máu... Hay không thể tưởng. Ông muốn thì tôi cho ông mượn ?

- Như vậy cô bé không sợ các soeur hay sao ?

- Tôi có cách dấu.

Chàng mỉm cười. Lòng chàng lại tràn ngập một cảm giác quá êm đềm. Ở cô bé, là cả một sự hồn nhiên chất phát đến thần thánh. Một sự chất phát không gợn một chút bùn nhơ như những người đàn bà Thượng với cặp vú trần khỏe mạnh xuất hiện trong thị trấn.

Nắng chiều lọt vào phòng một màu vàng thắm. Nắng chảy lai láng trên mái tóc mun đen của người con gái. Cô bé đi khắp phòng nhìn chăm chú mọi thứ. Cô bé trở mắt ngắm bức tranh của một họa sĩ thời danh. Cô bé lại nhún vai, rồi lại nhún mày trước một câu thơ của Tagore. Cô bé đọc to *Vô Ngôn*, rồi hỏi:

- Vô ngôn là gì hở ông ?
- Là không nói, im lặng.
- Tại sao ông lại viết như vậy ?
- Bởi vì tôi là một thiền sư.
- Thiền sư là gì ?
- Là người chuyên ăn gạo lức muối mè, coi cuộc đời là biển khổ.
- Ông điên rồi.

Lại ông điên rồi. Chàng tự nhủ. Hết điên rồi đến gì đây? Chàng có ý nghĩ đang tham dự vào một trò chơi, trong đó chàng phải thay xác đổi dạng toàn diện. Chàng phải bỏ tất cả chữ nghĩa, suy tư, vô ngôn hành giả. Chàng khám phá rằng, từ lâu, chàng đã theo đuổi một con đường âm u từ chương sách vở. Hạnh phúc là gì? Mục đích của đời sống là gì? Nó đâu phải ở trăm ngàn trang sách, trăm ngàn đêm gối đầu suy nghĩ. Nó cũng phải ở một cõi bờ rất xa, rất khó đạt, nhưng nó chính là ở đây, rất gần gũi, tựa như tiếng cười dòn dã, cái cau mày, cái cắn môi, bậm miêng, như thể cố ngăn tiếng cười chột bật dậy của cô bé. Nó là tấm lòng trong như pha lê. Nó làm con người nhận ra cái căn nguyên bản ngã của mình. Cái tính thiện và lòng từ ái đã bỏ quên của mình.

Thế rồi, chàng rủ cô bé ra sân cỏ. Hàng bông sứ trở bông trắng rộ. Trên sân, hoa sứ rụng đầy. Xa hơn nữa là bờ rào

dâm bụi, thắm tối dưới bóng hoàng hôn. Chàng và cô bé ngồi trên bậc thềm. Chàng xuất thần cùng nỗi niềm hạnh phúc òa vỡ, vừa dạo đàn vừa hát:

Tôi muốn loài người biết thương nhau. Không gây oán, không gây hận thù... Em có biết hoa kia mới nở. Trong giây phút xinh đẹp tuyệt vời..."

Cô bé lặng yên. Bàn tay ngắt một cọng cỏ may rồi ngậm trong răng. Và gió lại nổi. Hoa sứ lại rụng xuống dập dềnh. Thềm cỏ may lại dịu dàng rớt xuống. Chàng như người nhấp phải một cốc rượu mạnh. Chàng say sưa hát. Chàng đã quên chàng, quên cả cô bé. Lời chàng ấm và ràn rụa xúc cảm. Vườn hoang tắm ánh ráng chiều, một màu vàng sẫm động trên cỏ, những hàng sứ, hàng ngâu. Không nghe cả một tiếng động của xe cộ, hay những tiếng nổ từ căn cứ quân sự gần đấy. Tiếng hát chàng quá ân cần, đến nỗi, mắt chàng phải cay, và nóng. Cô bé thiếu số thì ngồi lặng yên như một pho tượng. Cô bé đã bị tiếng hát của chàng mê hoặc rồi.

Bắt đầu từ đó, căn phòng âm u của chàng đã tràn ngập những tia nắng tươi đẹp. Nó đã được trang hoàng. H. Pery đã tỏ ra một nội trợ đại tài. Từ lọ hoa với những nhành hoa mới. Từ chai nước lọc lúc nào cũng tràn đầy. Từ những chồng sách vở lúc nào cũng ngăn nắp. Cô bé đã bắt chàng từ bỏ cái nếp sống bừa bãi, phóng túng cũ. Rồi ràng cô bé đến như một bà hoàng hậu đầy quyền uy.

Thỉnh thoảng hai người lại rủ nhau về đồn điền xa. Chàng vẫn còn nhớ như hôm qua mùi hương nồng nàn của hoa cà phê sực nức cả một không gian núi đồi. Những cánh hoa cà phê trắng, nổi bật giữa ngọn đồi đất đỏ, nhìn từ trên cao, chẳng khác một biển hoa trắng bát ngát. Và muôn loài bướm loài ong từ đâu đổ xô về. Và những thân cây từ khu rừng cao su vươn lên, thẳng hàng, trên ấy những vòm lá đan những vòng tay tình tự. Và cả rừng Giáng Hương nữa. Giáng Hương hay là một người tiên lạc xuống rừng,

để lại làn hương cho người thi sĩ. Chàng và H. Pery cầm tay nhau cùng chạy. Hai người cùng đuổi bắt quanh những thân cây cao su. Rồi cô bé chạy trốn chàng trong lùm cà phê. Chàng cố tìm cô bé nhưng đành chịu thua. Chàng la lên: "Chú chịu thua rồi, Pery ơi." Có tiếng cười khúc khích đâu đó. Chàng lại đuổi theo tiếng cười. Chàng hăm hở rẽ cành rẽ lá. Như đứa bé đuổi theo tiếng gáy của chú đế mèn. Bông hoa cà phê che ngang tầm mắt. Rồi chàng ngơ ngác giữa một biển hoa. Rồi chàng phải giật bắn cả người vì tiếng cười rú lên. Thì ra cô bé là một cái chồn cái cáo...

Chàng ôm choàng cô bé. Gió như ngừng thổi. Nắng như ngừng lay động. Chỉ còn mùi thơm của hoa cà phê. Mùi thơm nồng nàn, từ trời đất thiên nhiên, và từ da thịt cô bé. Đôi mắt cô bé nhắm nghiền lại. Hơi nóng từ người cô bé chuyển qua chàng, khiến chàng có cảm giác hai người đang hòa nhập lấy nhau. Trong khi đó, muôn bướm vàng lượn vờn trên đầu hai đứa, tiếp tục yêu nhau như một định luật của tạo hóa. Chỉ khác chăng là con bướm đực sau đó lại trút hơi và rơi xuống đất.

Đến một lúc nào đó, Pery cố gỡ vòng tay cuồng bạo của chàng. Cô bé lại trở về cùng tư thế của một người tự vệ.

Cô bé nói:

- Đây, chú nhắm mắt lại đi.

Chàng nghe lời nàng. Mắt chàng nhắm lại. Có tiếng cảnh cáo của cô bé:

- Chưa đâu, nghe chú.

Chàng không biết cô bé làm gì. Nhưng chàng cảm thấy thật vui. Vui vì được trở lại một thời khờ khạo.

- Rồi chưa cô bé ?

- Rồi.

Chàng mở mắt. Mái tóc của cô bé bây giờ cài thêm những cánh hoa cà phê. Hoa làm gương mặt cô bé rực rỡ tuyệt vời. Chàng bàng hoàng run rẩy.

- Pery của chú đẹp quá. Pery của chú là một nụ hoa tuyệt

vời mà chú bắt gặp trong cội lùm than của chú.

Mất chàng nỗ lửa, hai tay chàng vũ phu. Miệng chàng ham hố. Nhưng cuối cùng, chàng cũng đành chịu thua. Pery đã trở thành một vật bất khả xâm phạm. Nàng tránh đỡ những ngón tay ve vuốt, những nụ hôn nóng bỏng của chàng. Nàng chảy nước mắt nói:

- Chú tha cho cháu. Phong tục của cháu không cho phép việc làm của chú.

Rồi giọng nàng van xin:

- Chú đợi vài năm nữa, cháu sẽ cưới chú nhé.

Chàng nhìn lên đôi mắt của người con gái. Chàng ngắt một cánh hoa sứ, cài lên mái tóc của nàng, rồi sau đó dịu dàng hôn lên vầng trán:

- Cháu nhớ đợi vài năm nữa nhé. Cháu cưới chú nhé.

Cháu bắt cái chồng chú nhé.

H. Pery gật đầu. Chàng thấy mắt cô bé càng sáng, càng rục rờ hơn, như đôi mắt mà chàng đã bắt gặp trong đồn điền cà phê lần quen nhau đầu tiên...□

Lê Văn Trung

Ta cho nhau cái sau cùng

(tặng Hiệp, viết trên chuyến tàu xuôi Nam 15-1-2002)

Ta đi trăm núi ngàn sông
Để chia nhau cái khốn cùng đời nhau
Để cho nhau cái cơ cầu
Cho nhau cả những tình sâu nghĩa dày

Có em trong cuộc đời này
Là ta có đủ với đầy nông sâu
Sá gì đâu cuộc bể dâu
Ai không lận đận qua cầu tang thương

Cụ Nguyễn Du khóc đoạn trường
Ba trăm năm
Ta khóc buồn ngàn năm
Hãy vì nhau đấu mất còn
Gởi cho nhau chút phai tàn hỡi em

Để sau bao thác bao gềnh
Bao nhiêu lừa lọc đảo điên phận người
Ta dành một chút tình vui
Tiếng đàn tan hợp ngâm ngùi Kiều xưa.

Phương trời quạnh hiu

(tặng T.D Phan Thiết, 1977)

Tôi tìm em đứt mồn hơi
Hai mươi năm dấu chân người mờ phai
Tìm em suốt cuộc tình dài
Đường vô tận
Bến chờ

Ngoài nẻo không
Còn gì sau cuộc phù vân
Lệ tình em ướt đẫm phần mộ tôi

Tôi tìm em
Một phương trời
Một phương tôi
Một phương người
Quạng hiu.

Không thể nào quên

Tôi cùng em chẳng hẹn hò
Không thương nhớ chẳng đợi chờ gì nhau
Mà nghìn xưa đến nghìn sau
Trong tôi vẫn nổi tình sầu khôn nguôi.

Đà Lạt, 1996

Lê Văn Trung, một thời của tạp chí Bách Khoa cũ. Trước tháng 4-1975 anh là nhà giáo. Vào khoảng ba năm 1967, 68. và 69. Tôi, Trần Hoài Thư, Phạm Cao Hoàng gần như lúc nào cũng gặp anh ở Qui Nhơn, khu sáu. Năm 1970 lại gặp anh ở Huế trên căn lầu trước nhà thờ Phú Cam mà vợ chồng anh thuê để ở. Năm 1983, về Huế thăm nhà, tìm tới chỗ cũ nơi anh chị ở để thăm. Nghe nói anh bị bắt, vào tù. Vợ con anh dời về Long Khánh. Hôm nay, anh Phan Xuân Sinh chuyển đến cho THT 22 bài thơ của anh làm từ trong nước gởi ra. Và biết được cuộc sống của gia đình anh thật khốn khổ ở ngã ba Ông Đồn (Long Khánh) . 22 bài thơ của anh, đọc nghe đến nao lòng. TQBT sẽ lần lượt đi hết những bài thơ đó của anh, như một kỷ niệm khó quên.(PVN)

Viết thêm về Lê Văn Trung

Phan Xuân Sinh

Sau khi ở tù ra, Trung tới tả, tang thương, đến thăm bạn bè rồi lặng lẽ ra đi, không ai biết chính xác chỗ ở thực tại của Trung. Trung là con người tự trọng và khiêm nhường, không muốn làm phiền lòng bạn bè, mà bạn bè đứa nào cũng giống nhau, khổ cực như nhau. Giúp nhau một hai bữa cơm chứ không thể chuyển được cuộc sống. Vì thế Trung cần ráng chịu đựng:

"Mưa vườn xưa lạnh ướt lòng

Hắt hiu đám lửa ngùi trông mấy mùa"

Chúng tôi chỉ biết khơi lên ngọn lửa nhỏ để mọi người suy ngẫm. Vòng tay không đủ rộng để níu kéo những người bạn bị thất kế sa cơ tại quê nhà, chúng tôi không có phương tiện để liên lạc trực tiếp, không đủ tài chánh để giúp họ thoát khỏi cơ cực của cuộc sống. Chúng tôi chỉ biết kêu gọi anh em cùng nhau làm được cái gì cho họ thì cứ làm. Trong chiều hướng đó chúng tôi đang cố gắng làm cho Lê Văn Trung, chúng tôi nhờ bạn bè còn ở lại Việt Nam tìm cho được Lê Văn Trung, rồi sau đó tùy tình hình chung của anh em, giúp Lê Văn Trung với khả năng của mình.

Trước khi làm chuyện đó, chúng tôi vừa nhận được 22 bài thơ của Lê Văn Trung do một người bạn trong nước gửi ra. Chúng tôi trước đây rất thân thiết với Lê Văn Trung, biết được hoàn cảnh cay đắng của Trung, những nghịch cảnh đổ xuống đời Trung một cách oan nghiệt. Nên khi đọc thơ của Trung, thú thật anh em chúng tôi đều rơi nước mắt, những câu thơ tưởng chừng như xé nát ruột gan, như da thịt ứa máu:

*"Thôi cùng ta hỏi em yêu
Đốt thơ oan nghiệt thả liều rủi may
Đời chưa ấm chặt vòng tay
Người chưa một phút một giây mặn nồng"*

Tình, trong đời một người làm thơ phần đông lụy vì chữ này. LVT cũng không tránh khỏi. Nên trong thơ tình của Trung rất thiết tha. Dù phải sống trong khổ đau, trong uẩn ức, LVT vẫn rộng lượng với tình, vẫn tha thứ cho người mình yêu:

*"Tôi che cho kín nỗi buồn
Làm sao giấu được long đong phận người
Thà như khóm lục bình trôi
Nghe con sáo hót ngậm ngùi ngàn năm"*

Giới thiệu với các bạn vài nét về LVT, chúng tôi tin rằng thơ của LVT sẽ được mọi người đón nhận vì trong hơi thơ của Trung có cái gì đó của chúng ta, gần gũi chúng ta và làm cho ta cảm thấy xao xuyến ngậm ngùi. □

Nguyễn Lệ Uyên

Buổi sáng mát mẻ

Tôi không còn nhớ là đã bao nhiêu năm rồi mới gặp lại Hà. Hai lăm, ba mươi năm hay nhiều hơn nữa? Và cũng không tin rằng, người đón mình ở sân ga chính là người bạn nhỏ trong những năm còn ngồi trên giảng đường. Đó là một cô bé mảnh mai, có đôi mắt bồ câu đen tròn, miệng luôn cười với người đối diện, tóc rẽ ngôi. Hà như con chim chiền chiện bé nhỏ, tung tăng gót chân hồng trên bãi cát vàng mịn, tóc bung chảy ngược về phía sau, níu theo gió, theo mây giữa màu xanh ngút ngàn xanh của cây lá, sông nước. Vậy nhưng năm tháng và sự đời đã làm đảo lộn tất cả. Ví như ao hồ đang cạn đáy, bãi cỏ non tươi bị ngọn lửa thiêu đốt rụi tàn. Một con người luôn mang niềm hạnh phúc đến cho kẻ khác. Vậy mà Hà không còn dấu vết của cô bé Hà ngày xưa! Hà khác trước nhiều, chín hơn, già dặn hơn và từng trải hơn. Tất cả đều hiện rất rõ trên nét kéo dài ở đuôi lông mày vẽ màu đen nhạt thật khéo, một chút son trên môi, lớp phấn hồng mỏng trên má và màu sơn mận chín hồng đào trên những móng tay cắt dũa tỉ mỉ. Tất cả làm cho tôi gần như hụt hơi khi phải nhìn ngắm những gì mình không trông đợi. Thời gian và khoảng cách bấy lâu nay không làm tôi xa, mất cô bạn bé nhỏ. Trong tâm trí, Hà luôn trong veo như giọt nước long lanh nơi đuôi lá mỗi sáng sớm. Vậy mà giờ đây tôi cảm thấy như Hà đứng rất xa, tận cuối đường chân mây, như một cái bóng chập chờn trôi nổi trên lớp bọt sóng, xa gần, dữ dội.

Lúc ngồi trên taxi, Hà nói:

- Tôi cứ tưởng là mình phải viết tên lên tấm bìa carton "... đón Thành".

- Nếu đúng văn phạm thì phải là "Măng cụt đón Thành"

mới đúng. Hàng ngàn khách đi tàu, rất có thể là có vài chục người tên Thành thì sao?

- Nhưng mà cuối cùng không có Thành nào khác nhận ẩu, phải không?

- Giá mà thời gian lùilại, sẽ có nhiều người mạo nhận, tôi chắc vậy.

- Còn nay? – Hà hỏi:

- Những tên Thành ấy đã già nua, mệt mỏi nhiều rồi.

- Chúng ta đều già thật rồi sao?

Hai người im lặng có vẻ như tự mình tìm câu trả lời. Nhưng không có câu trả lời nào cả.

Thành phố buổi sáng sớm êm đềm, sạch sẽ sau cơn mưa đêm; xe cộ thưa thớt. Đèn đường lướt thướt dọc ngược phía sau, kéo những vệt vàng như dải lụa thả trôi trên sông. Phố, cửa đóng im ỉm. Những hàng cây hai bên đường như còn đang ngái ngủ. Tôi nói trống, không cho ai cả:

- Còn đang sớm quá.

Hà đề nghị:

- Hay mình tìm một quán cà phê cóc nào đó ngồi chờ sáng, kiểu hồi xưa anh em mình thường ra quán dì Tư bên dốc cầu Cái Khế?

- Ý kiến hay.

Hai ly cà phê đen thẫm đặt trước mặt, bốc khói là đà, kéo lùi cơn buồn ngủ và mỗi một một đêm trên tàu. Những năm trước kia, thời còn trẻ, bọn anh thường có những phút bốc đồng, hẹn hò nhau ngồi quán cóc thật sớm, có khi còn sớm hơn cả người bán hàng. Sau đó mới đến lượt những chú bé bán báo trời tối, với những lời rao giật gân: “Báo mới đây! Chính Luận, Trắng Đen, Độc Lập, Tây Đô... đăng tin ông Kỳ đảo chánh lật đổ ông Thiệu...”. Những đồng tiền lẻ lòi ra. Những tờ báo sột soạt trên tay. Tiếng rao báo mất hút cuối đường, chỉ còn vương vất mùi thơm mực in trong bóng sáng mờ đục. Và không có đảo chánh nào cả, chỉ thấy toàn những tin Việt kiều và đồng bào ở

khu biên giới bị “cáp duồn” liên tục mà không có biện pháp nào chống đỡ. Một đất nước thật lạ kỳ: phân năm xẻ bảy, hổ lớn còn hơn đồng bủ nhủi. Thanh niên như bọn anh chỉ còn biết ngó nhau mà không hiểu sẽ trông chờ điều gì sẽ xảy ra. Và những quán cà phê cóc gần như là chỗ để họ tụ tập, để giải tỏa những bức bối chất chồng, cao mãi, đầy mãi trong lòng mỗi người.

- Anh vào chơi lâu không? – Hà hỏi đột ngột.

- Một hai ngày gì đó rồi xuống Mỹ Tho. Tôi sẽ dành cả buổi sáng cho Hà.

- Còn sau đó?

- Là bạn bè.

- Không công bằng. Bởi tôi cũng là chỗ bạn bè, lại có thời gian học chung trường, tuy không chung lớp, lớp sau xa nhưng cũng có thể gọi là đồng liêu. Uống cà phê xong anh về chỗ tôi, tắm rửa. Sau đó thì lên chương trình rong chơi như hồi còn trẻ. Mình thử tìm lại cảm giác ngày xưa xem sao? Báo trước với anh rằng: lúc này tôi rất thông dong, không bị ràng buộc gì hết về thời gian.

Tôi thông thả nhấp ngụm cà phê, thông thả đặt xuống mặt bàn và thông thả nhìn vào đôi mắt Hà:

- Tôi nghĩ là không tiện chút nào. Tôi sẽ lấy khách sạn nào đó gần đây, vất bỏ đồ đạc xong ta đi ăn sáng. Tính tôi cầu thả bữa bãi, áo quần, đồ đạc vất lung tung.

- Tôi một mình. Cả căn gác rộng mênh mông anh vất gì tùy thích.

Tôi chưng hửng, định bụng hỏi tại sao nhưng kịp giữ lại. Như vậy gọi là khiêm nhã, là hơi thiếu lịch sự đối với phụ nữ.

Hà gõ gõ ngón tay xuống mặt bàn gỗ xù xì.

- Tôi biết anh đang nghĩ gì rồi. Không việc gì phải giấu diếm. Tôi và Hiệu chia tay hơn hai chục năm nay rồi.

- Sao lại thế nhỉ? – Tôi nói, nhưng tiếng không thể bật ra khỏi cổ họng.

Hà huơ tay vào lớp không khí trước mặt:

- Anh không cần thắc mắc, hỏi tại sao. Anh chỉ biết là tôi và Hiệu đã chia tay nhau. Đứa con trai duy nhất phía nội dành nuôi. Chưa hết đâu. Bảy năm sau gặp người thứ hai sống với nhau năm năm và cũng kịp có với nhau một đứa con nữa trước khi chia tay. Anh lại nghĩ thầm “tại sao?” phải không? Tới bây giờ tôi vẫn không hiểu tại sao như vậy. Lỗi do tôi hay do những người đàn ông ấy. Giá như tôi là đàn ông thì tôi có thể hiểu và cảm thông phần nào với những điều oái oăm đã xảy ra. Đáng này, tôi vẫn là người nữ, là chiếc xương sườn của họ, nên đành phải thế thôi. Có thể anh không muốn và không cần nghe những chuyện trái khoáy này, nhưng anh là bạn thân loại đặc biệt, có nhiều kỷ niệm với nhau, nên tôi không thể không bắt anh phải nghe, như thể anh là cái phao để tôi trút hết nỗi niềm.

Anh Thành này, anh không được ngắt lời tôi. Anh phải nghe tôi nói hết từ đầu. Anh có thừa nhận là anh đã yêu tôi, yêu từ khi tôi còn năm Đệ Nhị ở Đoàn Thị Điểm? Nhưng anh không nói ra, hay chỉ bóng gió xa gần. Anh chịu đựng, săn sóc tôi còn hơn người mẹ. Từ một cô học trò nhút nhát, anh đã lôi tôi lên sân khấu ca nhạc, đọc thơ trên giảng đường “*Những Tối Thứ Bảy*”. Nhưng cũng chỉ chừng đó, không tiến không lùi. Thật tình thì tôi ngưỡng vọng anh. Anh từng sừng to lớn như cây cổ thụ với những bài báo hùng hực lửa, với những truyện ngắn đọc đến nao lòng, xót dạ. Anh là chỗ bù lấp những thiếu sót mà tôi không hề có. Trời xuôi đất khiến thế nào mà khi tôi bước chân vào năm thứ nhất, anh lại ra trường, coi như sự nuông chiều, vỗ về cũng trôi theo những dề lục bình trên giòng Bassac. Và Hiệu đã nhảy vào thế chỗ anh. Anh ta khác anh, thực dụng hơn, đoán biết được những điều tôi cần và không cần. Tình cảm của anh ta cứ như một gã ăn mày xông xộc chống gậy bước vào nhà mà không thềm biết chủ có đồng ý không. Tôi ngã bở trước cây gậy của anh ta, trong khi anh ở xa lắc, thỉnh thoảng mới quay về

trường cũ, thỉnh thoảng mới đọc được những lá thư dài ngắn, đứt đoạn của anh bằng những giòng chữ luôn quan tâm đến thời cuộc hơn là tình yêu anh cố gắng nén ẹp lại trong lòng. Dĩ nhiên, cuối cùng thì vỡ diển tới tệ ấy phải hạ màn một cách mệt mỏi, ảm đạm, náo nề. Một kết cuộc nhão nhột rất có hậu, phải như vậy thôi. Tôi và Hiệu lấy nhau anh biết, đánh điện tín chúc mừng, mà sao những dòng chữ cứ như những bông cỏ may đâm miết vào thịt da nhột nhạt, nhói đau. Còn chuyện tôi và Hiệu bỏ nhau anh không cần quan tâm, cũng như sau này tôi lại bỏ Khánh. Chuyện này tôi đâu báo cho anh để chia sẻ niềm vui được tự do của tôi?

Tôi nhăn mũi:

- Chuyện buồn, tôi xin chia sẻ với Hà. Vả lại lâu rồi, nhắc lại đâu có thay đổi gì – Nói và lúng túng đẩy gọng kính, chỗ giáp với sống mũi theo thói quen.

Hà chồm tới, gần như chạm vào mặt tôi:

- Anh bảo sao? Đã dành thời gian đã quá xa. Nhưng giờ đây chúng ta đang ngồi gần nhau thì nó trở nên gần, như mới hôm qua đây thôi.

- Nhưng nó đâu giúp được gì, chẳng giải quyết được vấn đề!

- Tôi không cần biết và đòi hỏi có giải quyết được gì không. Nhưng tôi cần một điều là anh phải biết tất cả những chuyện cũ đó, những chuyện mà đáng ra không nên xảy ra, chuyện mà đáng ra anh phải biết rõ, để, nói sao cho đúng nhỉ? Vâng, để anh hiểu rằng anh đã lầm khi là bạn của tôi, nuông chiều tôi, khỏa lấp cái tính xấu vô cùng xấu của tôi.

- Trái lại – Tôi thở dài, cay đắng.

- Không, anh không được quyền an ủi tôi như ngày xưa tôi còn là đứa bé con của anh.

- Oan cho tôi. Lúc nào tôi cũng coi Hà như người lớn, để chia sẻ, để cảm thông. Tôi chưa bao giờ coi Hà như một đứa bé.

- Thoạt đầu ai cũng bảo thế. Càng về lâu, mọi sự đối xử đều thay đổi cả, quay ngoắt đến đúng một trăm tám mươi độ, không sai một ly. Đàn ông các anh đều như thế cả.

- Có thể, nhưng tôi không ở trong cái đám ấy.

Hà chùng giọng xuống, thất vọng:

- Có thể. Anh biết không, sau cái ngày u ám đầu tiên trong đời, tôi mới chợt nhớ có một người bạn ở ngoài ấy, là anh. Tôi hỏi thăm đám sinh viên cùng quê với anh, nhưng chẳng đứa nào biết cả, cho đến khi trường liên kết mở tại chức chuyên tu, hỏi mấy ông sinh viên già, mới hay anh cũng đang chọc trời khuấy nước ở cái xứ bé tí tẹo bằng ngón tay, đến độ các nạn nhân phải nghĩ cách bưng anh đi. Tôi có một bà “gián điệp” để cung cấp thông tin về anh. Thật tình lúc đó tôi muốn cầu cứu anh, nhưng kịp nghĩ lại, thế nào anh cũng sẽ lên mặt anh cả, sẽ khuyên nhủ, sẽ an ủi. Tôi không muốn điều đó xảy ra, nên thôi. Có khi cam chịu một mình lại tốt hơn.

- Tôi không biết phải nói thế nào cho phải. Dẫu sao đó cũng là tai nạn ngoài sự trông chờ của mọi người.

Hà thở dài:

- Tôi biết thế nào anh cũng sẽ nói như vậy mà. Thôi chuyện đời tôi coi như đã đặt một dấu chấm sang hàng. Còn anh bây giờ thế nào?

- Vẫn phây phây, chưa chết.

Hà cười khẩy:

- Hay thật. Định mệnh chúng ta lại trùng hợp nhau. Chưa chết có nghĩa là còn ngáp ngáp như tôi bây giờ – Nói và Hà cười ngất – Thôi sáng rồi, anh quyết định đi.

- Không thay đổi.

- Vậy chúng ta đi- Nói và Hà đứng dậy.

Lúc ngồi ăn phở ở Pasteur, Hà chỉ ngồi chống đũa nhìn tôi, nói “gặp anh tôi mừng quá hóa no”. Thỉnh thoảng lại ngất từng đoạn ngò gai cho thêm vào tô, giục “anh ăn nhiều vào”. Rồi nhắc “Ngày xưa anh thích món bánh cống ở bến Ninh Kiều. Hay là chiều nay mình về dưới đó. Lâu

lắm rồi tôi không biết mặt mũi xứ sở mình ra sao nữa. Về đó đầu tiên là ra bến Ninh Kiều và ăn bánh cống. Anh chẳng từng nói bánh Ninh Kiều ngon hơn những chỗ khác chẳng phải vì nó ngon mà đơn giản là mùi bùn non từ sông đưa lên thấm đẫm vào trong từng thớ bánh đó sao?”.

Rồi như chợt nhớ ra, Hà đặt tay lên tay tôi:

- Anh bảo dành cho tôi ngày hôm nay. Vậy thì tôi sẽ có toàn quyền quyết định. Anh không được chen vào bất cứ chuyện gì tôi thích.

- Vâng, tôi sẽ chịu. Nhưng chịu theo cái đúng.

- Trong trường hợp này không có nhưng.

- D'accord!

Và cái quyền đầu tiên của Hà là lôi tôi vào câu lạc bộ Đình Tiên Hoàng mãi tận trên lầu năm. Hà đề nghị không sử dụng thang máy để kiểm tra lại đôi chân. Lên đến nơi Hà có vẻ mệt, nhưng coi bộ hơi hở, trong khi tôi lại chừng hững hờ lần thứ hai, khi biết rằng đây không phải là quán cà phê cao cấp, một bar rượu mà là vũ trường dành cho những quý ông, quý bà “trung niên sồn sồn”. Sàn nhảy không rộng, mà người thì đông. Tôi bị cuốn theo Hà như một thỏi kim loại rỉ sét bên cực nam châm cực mạnh. Hà quay cuồng với các điệu nhảy như bão táp mưa sa, dầm dề lửa cháy rực: Tango, Chachacha... đến cả Rap, Rock nữa. Bước chân tôi liêu xiêu như cọng rơm sũng nước sau mùa mưa, như những sợi bún thiêu bốc mùi. Hà cố tình lôi theo tôi như bà chị cả lôi đứa em chạy riu quíu qua chiếc cầu khỉ trên con kênh hẹp, đến nỗi chiếc dép tụt quai rơi tòm xuống nước. Đứa bé nín chặt tay chị, miệng không nói ra lời. Khói bốc ra từ hai lỗ tai, la đà trên chòm tóc. Tôi lử đừ. Hà nép sát và ôm tôi thật chặt, thầm thì:

- Cái hào hoa, rực lửa năm xưa của anh đâu rồi?

- Nó nói với tôi rằng đã bước qua buổi xế chiều để kịp thò tay đặt vào lấy bóng đêm.

- Nghe thê thảm quá chừng chừng.

- Đúng vậy.
 - Em nghĩ anh không phải thế. Anh đang giả bộ hay đang cố chứng minh rằng anh là người lớn, biết độ dừng. Còn em luôn là đứa bé con trong suy nghĩ anh. Anh làm vậy liệu có ích gì kia chứ?
 - Trước em, anh không chứng minh một điều gì cả. Anh vẫn như hồi nào, không khác.
- Hà ôm tôi chặt hơn:
- Có. Trước anh vẫn giấu lòng mình và nay vẫn giấu, kín bưng như chiếc tủ lạnh.
 - Em đã mở toang hết còn gì.
 - Nhưng là cái cánh. Còn phần bên trong chỉ có thể lấy chậm búa mới đục ra nổi.
 - Em không phải nhọc công, chỉ cần lấy ngón tay khẽ nhẹ thôi.
 - Anh sợ đau?
 - Quá nhiều, nên có thêm chút đỉnh chẳng sao.
- Gần trưa, người đông đúc hơn. Không khí cô đặc lại, âm thanh vê tròn đùng đùng nhộp nháp. Hà nói gọn lỏn:
- Thôi về.
- Chiếc thang máy khật khưởng trôi xuống đất như người say rượu. Hai tay tôi nắm chặt thành vịn bằng inox trơn chùi. Hà cười:
- Anh đóng kịch thiệt khéo. Em vái trời điện cắt ngay bây giờ để chiếc thang treo lơ lửng trên không, coi anh thế nào?
 - Có cả em cùng treo mà.
- Thang chạm đất. Cửa mở toang. Tôi bước ra, nói đùa:
- Cửa tự động mở, nó không đợi em nữa rồi.
- Hà bước thẳng tới chỗ gửi xe, không trả lời, cũng không ngoái nhìn phía sau. Tôi tự hỏi: không biết Hà đang nghĩ gì? Bày sắp những gì cho bữa tiệc muộn màng này? Có thể Hà vẫn còn giận tôi trong những ngày mà nàng gọi là “anh cố nén ém trong lòng”. Nếu vậy, đúng là tôi có lỗi, bởi tôi rất sợ một khi vói tay đụng vào mảnh trăng mỏng

manh kia sẽ làm vỡ nát màu vàng như dải lụa tinh khiết, sẽ làm lạt phai đi hương thơm diệu kỳ váng vất đầu đó trên giồng Bassac, trong vườn sầu riêng, măng cụt bên Lộ Tế, Cái Răng. Và những đêm cuối tuần ở giảng đường lớn, những buổi rong chơi với chữ nghĩa, âm thanh trong phòng thu âm thoang thoảng hương ngọc lan.

- Anh nghĩ gì vậy? – Hà hỏi phía sau lưng tôi.

- Không gì cả – Tôi đáp.

- Anh lên xe đi. Mình không ăn tiệm. Để em đi mua cái gì đó về phòng, như mình đang ngồi trong bàn ăn ở nhà. Đã lâu lắm rồi em không có thứ không khí đáng yêu này. Em thèm nhớ nó như không thể bỏ thói quen rờ đụng từng múi măng cụt trên đầu lưỡi. Cái không khí gia đình mất từ lâu rồi. Anh đừng ngăn cản em.

- Dĩ nhiên anh không ngăn cản nổi điều em muốn.

Hà biến mất. Tôi mở cửa nằm đổ xuống giường và kéo tấm drap mỏng đắp ngang bụng, nhắm mắt. Chiếc giường trôi dập dềnh. Tiếng máy điều hòa già nua thở rột rạt, lè xè quái gở, bắt tôi trôi thiếp đi trong giấc ngủ chập chờn, gãy khúc. Tôi mơ thấy Hà trượt chân trên chiếc cầu khỉ trơn bóng như thoa mỡ, rơi tòm xuống rồi bay la đà như con thiên nga trên mặt hồ rộng mênh mông. Đôi cánh trắng soải rộng và mắt hút giữa tầng không. Tôi chơi với, chập choạng bước theo, ngẩn ngơ nhìn những lọn mây xóp nồn cuộn cuộn phía trên, sau đó chìm ngấm dưới quầng nước đục lênh. Tôi cố hết sức dẩy dụa, cố hết sức nhoài đập mà không gượng lên được. Càng cố, lớp rong rêu càng thít chặt đến ngộp thở dưới làn nước lạnh băng.

- Oi kìa, anh mơ gì vậy? – Tiếng nói lạ hoắc, xa tít mù mù.

Tôi cố mở miệng để nói câu gì đó, nhưng đôi môi bị kẹp cứng, thật chặt.

Cuối cùng thì tôi cũng mở mắt được. Và trước mặt là cô bé Hà trở lại nhỏ bé, thơ ngây đến không tưởng. Hà lấy khăn ướt chờm lên trán tôi, nhỏ nhẹ:

- Anh mơ một giấc mơ đẹp, phải không?

- Giấc mơ đẹp đến nao lòng.

Có vẻ như Hà không để ý, hoặc không nghe kiểu chữ nghĩa hệt hăng của tôi, vỗ nhẹ bên má:

- Anh nằm nghỉ một lát, em sửa soạn bữa trưa – Nói và Hà quay đi.

Tiếng bước chân xa dần. Tiếng giấy gói sột soạt, ly cốc chạm xuống mặt bàn lạnh canh tựa hồ tiếng reo của trẻ thơ. Bỗng dừng lòng tôi trở dậy niềm háo hức của thằng bé lên năm, lên mười, tưởng không bao giờ gặp lại. Niềm hạnh phúc nhỏ nhoi và mong manh, tôi thầm kêu lên. Có phải Hà đang vực tôi dậy để quay lại những năm tháng xa xưa, đẹp tựa tiếng bập bẹ của đứa trẻ mới bắt đầu tập nói? Những ngày xa lắc ấy có khúc nhớ khúc quên, có đoạn đục đoạn trong bay bổng, và hóa thành những bông hoa tuyệt diệu. Lòng tôi cồn nức, muốn đặt ngay nụ hôn biết ơn lên mái tóc Hà, cô bé luôn đứng bên ngoài và choáng hết ô cửa đời tôi. Với tôi, Hà không bao giờ có tuổi tác, vẫn là cô bé con mòng manh, hiền thực và hầu như không hề xảy ra những điều Hà kể với tôi ban sáng, không hề trải qua những cơn sóng gió dữ dội của cuộc đời chông chênh, gập ghềnh. Tôi bật dậy, ngó Hà bày biện thức ăn lên bàn. Không, không còn sót lại một chút gì của niềm cay đắng và tuyệt vọng; không cả sự hằn học, giận dữ, mà chỉ thấy bóng dáng của một bà nội trợ đảm đang, dịu dàng, luôn chăm sóc có mặt bên gia đình sum vầy. Tôi tự hỏi: Vậy thì cơ gì Hà lại đánh rơi niềm hạnh phúc đó, đáng ra nàng phải được đền đáp, tận hưởng một cách trọn vẹn, với, không phải một, mà hai người đàn ông cách nhau không xa? Tôi không biết gì nhiều về Hiệu, nhưng không thể nào anh ta mang nghề nghiệp luật sư của mình để đối đãi một cách vu vơ với vợ, đến độ Hà không thể chịu đựng nổi? Người thứ hai thì tôi hoàn toàn mù tịt về lai lịch. Và nếu là tôi chứ không phải Hiệu hay người đàn ông thứ hai bước qua cuộc đời nàng lúc đó, thì cơ sự sẽ ra

sao bây giờ?

- Anh đừng nhìn em và suy nghĩ vẩn vơ như thế – Hà đột ngột lên tiếng.

- Anh chỉ nhìn ngắm hạnh phúc tròn trĩnh trước mặt.

- Không khác hơn đâu. Em chỉ làm bổn phận của đứa em gái với anh trai. Anh luôn miệng bảo thế, mà lòng anh thì không vậy. Anh ngồi vào bàn đi. Bữa ăn mừng ngày anh em mình lại gặp nhau.

Chai rượu vang đỏ. Bánh mì kẹp thịt. Khoai tây chiên. Xúc xích. Dĩa măng cụt, một loại trái cây muôn thuở nàng ưa thích. Và một búp hồng đỏ thắm cắm trong chiếc ly khách sạn. Tất cả đều bày biện rất khéo trên chiếc bàn nhỏ trong phòng.

Hà rót rượu, nâng ly:

- Mừng ngày hội ngộ – Nàng nói với giọng điệu trong veo, đôi mắt lúng liếng, môi chúm tròn như nụ tầm xuân.

Tôi đưa ly lên, khẽ nghiêng đầu:

- Chúc em muôn năm là cô bé.

- Còn thiếu: cô bé của anh.

- Vâng, cô bé của anh.

Tiếng cười vang lên, đầy ắp căn phòng nhỏ.

Hà luôn rót rượu vào ly và ép tôi ăn, trong khi Hà chỉ nhấm nháp gọi là. Hà đang dành quyền được làm người chăm sóc theo đúng nghĩa? Không còn hơn thế nữa, bởi từng lời nói, cử chỉ và ánh mắt nàng đã nói lên điều ấy, một sự biểu lộ tình cảm hoàn toàn có thật mà không cần che đậy, giấu giếm. Giá như cái tủ mica đứng bất động trong góc tường kia, chiếc máy điều hòa trên cao, rồi cả bàn ghế vật dụng trong phòng đều có thể cất tiếng được, thì chúng sẽ không ngần ngại la to lên rằng: Không công bằng chút nào. Tại sao các người cứ phải hành động một cách vòng vèo như vậy? Tại sao lại cứ phải dối lòng để ôm lấy ảnh ảo mà sống, trong khi các người hoàn toàn có thể làm khác được. Hoàn toàn có thể thực hiện những ước muốn của mình kia mà? Nhưng cũng bởi chúng chỉ là

những đồ vật vô tri, nên cuối cùng không ai thốt nên lời. Có vẻ như Hà đọc được những ý nghĩ của tôi, nàng hơi nhếch môi:

- Lại bắt đầu thắc mắc, tự tra vấn mình nữa rồi. Không phải bận tâm suy nghĩ gì cả. Anh phải uống với em thật say, một lần...

- Một lần? – Tôi ngạc nhiên.

- Không – Hà lắc đầu và chạm ly.

Bữa ăn trôi qua thật tuyệt vời, như thể chưa bao giờ chúng tôi được thưởng thức, như thể đó là bữa ăn ở nơi khác, không phải chốn trần gian. Hà chăm chú cho tôi từ trong ánh mắt, trong tận cùng đáy lòng sâu thẳm thẳm. Tôi muốn nhảy bổ đến bên Hà, ôm chặt vào lòng và thầm thì câu nói muôn đời của giống người cuồng si, ngu dại, nhưng có cái gì đó, vây túm, ngăn giữ tôi lại. Tôi không thể thấy được bộ dạng mình trong những giây phút đó, nhưng Hà biết, thấy hết đến nỗi nàng co rúm người lại và bật khóc tức tưởi như đứa con nít. Tôi nhìn sững khuôn mặt nàng đang từ từ chuyển động từ trạng thái này sang trạng thái khác, đau đớn đến tột cùng, nát tan đến tột cùng, như thể tôi là người thứ ba đẩy nàng tới vực sâu. Tôi kịp định thần lại.

- Xin lỗi em. Anh đúng là thằng đàn ông ngu nhất trần đời.

- Anh đừng giải thích bất cứ điều gì nữa cả. Em mệt mỏi quá nhiều rồi.

- Vâng. Kể đáng nguyên rủa là anh chứ không ai khác.

Hà đứng vụt dậy, nhìn tôi với cặp mắt ngây dại. Tôi nhắm mắt chờ đợi một cái tát nẩy lửa. Nhưng không Hà lao tới như con chim sắt, níu theo tôi ngã vắt ngang lên thành ghế salon. Căn phòng rung lên, lầy bầy như người bị trượt kịp gượng dậy. Thân thể nàng cũng rung lên. Những giọt nước mắt chảy tràn lên mặt tôi, mát mẻ, bỏng rát./

(9.2002)

Nguyễn Phan Thịnh

Bật cười sao đất không màu trắng

ném cuộc đời xuống cỏ phơi
hồn run rẩy cơn đau ốm
lang thang về hướng đông tìm mặt trời
mệt mỗi ngủ quên ôm tìm ứa
ta ngơ ngác vuốt tóc xõa rối
trước bữa ăn nơi chốn lạ có vẻ buồn
đi ta đi và không đến
nặng nề thế hơi ngựa nâu
với mắt che không thấy càng gổ
còn biết hát để cảm động
trong góc tối với tàn thuốc lá
hừng đỏ như môi nàng
cúi hôn hoa ứt lúc sáng dậy
vì đêm trời khóc mãi
nên ta phải mặc áo ấm cho ấm
da tay da ngực và xương sườn
không ai nói gì khi nhắm ngủ
thế mà người chết có ma về
đậy ta nổi đau đớn
ho húng hắng ầm mặt gối trắng
tự nhủ đêm dài hơn ngày
và chân dài hơn tay
đôi khi nhủ lũ muỗi nhỏ nhắn
nếu nàng quần quít ta như các người
người bạn nói trời đẹp quá xanh biếc
ta cười rơi điếu thuốc
tay không đút túi đi ra phố
buổi chiều mặt trời lặn
ta trở về tối tăm
lạnh giá thế hơi gió núi

có tổ nào kín ấm để nằm
ta dừng lại ngó phương đông
hồn vẫn run cơn đau ốm
bật cười sao đất không màu trắng
bật cười ...

Nhiệt đới

nước mắt nàng lã chã khôn cầm
giữa trưa hè nắng xối
những mùa nắng tháng tư
quê hương tôi nhiệt đới,

nàng khóc như mưa
tóc rối bù giữa gió
mưa cầm lạnh nắng tháng tư
gió bỏng rát hơi lửa,

câu đánh đu mặt nước
hắt bóng muốn trôi đi
nàng không có chỗ đến
và chẳng biết đâu về,

nàng mất hết mất hết
nàng khóc vì không thể nào khác
tất cả chỉ còn
cái chết của riêng mình,

nàng trút xuống mặt sông
mở áo quần giẻ rách
thành dấu chấm than trần trụi
cha mẹ đã ban cho,

giữa trưa hè hấp lửa

những mùa nắng tháng tư
giữa sống và chết
nàng đã chọn diên rồ ...

Nhớ hồ trường

*(Tặng Anh Tru Vũ,
nổi dòng hà tất)*

uống đi mình uống đi
hà tất dăm bảy ly
rượu hồ trường chưa đã
hà tất nói năng chi

anh hà tất thành bại
tôi hà tất thịnh suy
rượu say vô danh tuốt
cụng ly là cụng ly

mai anh đi đâu đó
tôi ở lại nơi này
nâng ly không để cạn
ngậm ngùi trông mây bay

hà tất say hay tỉnh
bây giờ đêm hay ngày
cụng ly vang vọng suốt
mù đông sang mù tây

cụng ly cụng ly thôi
hồ trường hồ trường ôi !
anh cười nghe ngất ngưỡng
tôi hát mà không hay...

Trần Huiên Ân

Sương mai

Phương đẩy nhẹ cửa bước ra sân, quẹo qua hàng rào phía đông. Trời chưa sáng hẳn, nhưng trên mặt hàng rào hốt phẳng đã thấy rõ những chấm nhỏ li ti. Sương. Không có tiếng rơi lộp bộp trên lá, không có màu trắng bàng bạc giăng tỏa cảnh vật. Sương mai chỉ là những điểm mong manh.

Hàng rào ngăn cách hai nhà, nhưng là cửa nhà bên kia, nằm trên phần đất của họ, bằng cây chìa vôi, cao chừng một mét, rộng khoảng bốn năm tấc. Những cành chìa vôi khẳng khiu, vỏ màu mốc xám. Những chiếc lá nhỏ bằng đầu ngón tay, khỏe và giòn. Phương xoa tay lên mặt hàng rào, lộp lộp điểm sương vỡ ra thành một màn nước mỏng và nhẹ, đủ ướt lòng bàn tay và tạo một cảm giác mát dịu. Để hai tay lướt trên mặt hàng rào, Phương đi dần về phía sau. Một cánh cửa hẹp bằng sắt được sợi xích lớn khóa chắc vào trụ. Bên kia là một khu vườn nhỏ, có mấy cây cao, gần hơn là những khóm hoa, hình như toàn là hoa hồng. Ở bên này thì chỉ có một cây ngọc lan không phải mùa hoa và một chòm bướm bướm. Phương tựa lưng vào gốc cây nhìn về phương đông. Nền trời đang mờ ảo chợt nhanh chóng tỏ rạng. Anh hồng báo hiệu rồi mặt trời liền đỏ nhô lên. Những điểm sương lấp lánh, lấp lánh, và tan ra trong màu xanh của lá chìa vôi nhỏ bé.

Phương là cô gái gặp nhiều may mắn trên đường học vấn. Vừa tốt nghiệp đại học cô được trúng tuyển nhận học bổng du học Anh quốc. Trước khi lên đường, Phương về ngoại thăm bà và chính là chơi với dì Bích. Bích là em út của mẹ Phương, giáo viên, hiểu biết khá sâu sắc, dung nhan mặn mà, cử chỉ duyên dáng, ăn nói nhã nhặn... vậy mà đã ngoài bốn mươi vẫn chưa có nơi. Nhiều người nói,

Bích giấu sự khó tính dưới cái vẻ dễ dãi giả vờ, bề mặt khiêm nhường như lớp sơn phấn phủ lên trên những khinh thị kiêu căng. Tại nhiệm sở Bích không có mấy bạn bè, nghỉ hè về quê, Bích cũng chẳng giao tiếp với ai, gần như chỉ đóng cửa đọc sách. Bích rất thương Phương, dì cháu như đôi bạn tâm đầu ý hiệp. Vì có cảm tưởng là bạn bè nên luôn cảm thấy Bích vẫn trẻ trung. Phương hỏi mẹ: Dì Bích năm nay bao nhiêu rồi? Câu trả lời là: Bốn mấy. Phương cười: Bốn mấy là bốn mấy chứ? Bốn mốt và bốn chín đều là bốn mấy cả...

Buổi trưa quan sát thật kỹ ngôi nhà bên kia, Phương không khỏi tò mò muốn tìm hiểu. Có vẻ như căn nhà vắng chủ, cửa khép suốt ngày, không có bóng người lai vãng. Phương hỏi Bích, được nghe đáp:

- Dì cũng chỉ biết tên ông ta là Sinh. Loại người không kết bạn được. Làm đáng trí thức, ẩn sĩ gì đó. Bảy lần uốn lưỡi, ngập ngừng nửa câu, ai mà chịu được. Chỉ quanh quẩn với những khóm hoa. Nghe nói ông ta có năm loại hoa hồng thượng hạng, lúc thì bán cắt cổ, lúc thì người ta năn nỉ mua cứ lắc đầu, lúc thì đem cho trẻ con. Nhưng không bao giờ bán hay cho đủ năm loại một lượt. Nể nang lắm là bốn loại. Ông ta bảo còn chờ một tâm hồn tri kỷ.

Phương nói:

- Xem ra ông ta có vẻ hợp với dì đó. Cái tâm hồn tri kỷ mà ông ta chờ đợi tại sao không phải là dì nhỉ? Để cháu sẽ tìm hiểu giúp dì...

Bích hứ một tiếng và tiếp:

- Dì với ông ta không thể nào tri kỷ được. Ích kỷ thì có. Hôm nọ cãi nhau rồi đấy, ông ta mới khóa cửa thông chỗ hàng rào lại. Hồi trước, chú Bảy còn ở bên ấy, với nhà ngoại rất thân tình. Chẳng biết ai xui khiến thế nào, năm ngoái chú Bảy bán cho ông ta.

Ba hôm sau, Phương làm quen với ông Sinh, cũng vào lúc sương mai còn đọng trên mặt hàng rào. Ông ta khoảng năm mươi, tóc muối tiêu, vầng trán rộng, mắt nhìn lơ

đăng. Phương nói với Bích:

-Cháu thấy hình như dì có phần khắt khe với ông Sinh. Ông ấy cũng lịch sự vừa phải.

Bích trề môi không bình luận.

Rồi sợi xích nơi khung cửa hẹp được tháo đi. Phương đã bước qua khu vườn của ông Sinh. Những giò phong lan nơi hàng cây bìa vườn. Những khóm hoa hồng ở gần nhà. Phải nói là loại hoa hồng siêu đẳng, Phương chưa hề nhìn thấy ở những vườn hoa nổi tiếng trên Đà Lạt. Mấy lần Phương hỏi về hoa hồng nhưng hình như ông Sinh không nghe thấy. Ông ta chỉ nói về hoa phong lan. Loại này là Thảo Diệp lan, loại kia là Thạch Lan. Loại này từ núi Yên Tử, ngoài Bắc. Loại này ông Nhất Linh phát hiện ở suối Đa Mê... Phương về thuật lại với Bích. Bích im lặng.

Vài hôm sau ông Sinh tiếp đón bốn chàng trai trẻ: cháu ông và ba người bạn. Họ cũng là sinh viên vừa tốt nghiệp, vui mừng được kết bạn với Phương, rủ nhau đi chơi vài nơi trong vùng. Và một buổi sáng dậy sớm, Phương chợt nhận thấy từ cây ngọc lan...

Mấy ngày trước Phương đã để ý, nơi gốc ngọc lan, vừa ngang tầm mắt, có một hốc nhỏ. Có lẽ do một cành cây bị gãy, rồi chỗ ấy bị mục, lõm xuống, nhựa cây lúc còn tươi tươm ra, nay đã khô, giống như cổ bình cắm hoa. Nhà ngoại Phương chỉ có hoa bướm bướm. Phương hái một bông cắm vào đó. Chừng nửa buổi mai thì bông tàn úa.

Sáng nay, ai đã cắm một bông hoa hồng. Đóa hồng thoảng nhẹ mùi sương. Phương thấy vui vui. Chắc là một trong bốn chàng trai bên nhà ông Sinh. “Thôi thì ai cũng được...” Phương nghĩ, cắm bông hoa vào nhà tìm cái lọ nhỏ, đặt lên bàn.

Sáng sau hai bông hoa hồng.

Sáng sau nữa, Phương quyết dậy sớm xem ai là người cắm hoa. Nhưng Phương đã chậm hơn. Nơi gốc ngọc lan đã sẵn ba bông hoa hồng, ba loại. Hai buổi sáng tiếp theo, Phương dậy sớm hơn nữa, nhưng vẫn chậm. Bốn bông hoa

rồi năm bông hoa. Năm loại hồng siêu đẳng. Buổi sáng thứ sáu, không có bông hồng nào. Phương thấy có phần giận, có phần tức, sẵn khung cửa không có khóa cô đi qua vườn nhà ông Sinh xem thử có ai chẳng. Không có ai cả! Phương đi qua mấy khóm hồng, đi qua những giò phong lan đến chiếc băng đá duy nhất trong vườn. Sắp ngồi xuống thì Phương thấy ở đó một bó hồng năm bông hoa, buộc dải ru-băng. Rất đổi ngạc nhiên, Phương cầm bó hoa lên tự hỏi: Ai? Ai đã biết mình sẽ đến đây để đặt sẵn bó hoa? Chính mình cũng không biết mình sẽ đến... Rồi nhất định là bó hoa này tặng mình, Phương cầm về...

Suốt hai ngày đi cháu bàn tán với nhau. Chắc là ai muốn tặng hoa cho Phương, tặng một cách gián tiếp. Là một chàng trai hay cả bốn chàng trai? Mỗi người, mỗi ngày tiến lên một mức độ tình cảm tượng trưng bằng số bông hoa chẳng? Có lẽ ông Sinh nói cho họ nghe về ý tưởng: cả năm bông hoa là dành cho người tri kỷ.

Ngay cả trong buổi tối ấy, lúc ông Sinh mời Bích và Phương qua nhà ông ta uống trà, nói chuyện, vì ngày mai Phương vào Sài Gòn, bốn chàng trai kia ra Huế, Bích và Phương đều cố dò xét từng khuôn mặt, từng cử chỉ, lời nói của bốn chàng trai để ước đoán. Không sao ước đoán nổi. Có một điều Bích cũng như Phương nghĩ tới nhưng không người nào nói ra: Hay người mang hoa là ông Sinh? Với bản tính lẳng mạn, thâm trầm, có thể ông ta thâm yêu Phương mà không dám thổ lộ, vì quá ngại ngùng phải nhờ hoa nói hộ?

Lúc hai dì cháu về, trăng khuya vừa mọc, ánh sáng lơ mờ...

- Kia ! Dì xem..

Phương reo lên. Nơi gốc ngọc lan, năm đóa hồng ai cắm lúc nào. Cả hai cùng nhớ lại buổi uống trà xem ai đã có lần đi ra ngoài. Ai cũng có ít nhất một lần cả. Biết căn cứ vào đâu mà đoán?

Bích nói:

- Cháu mang bó hoa này vào Sài Gòn, là chút kỷ niệm.

Phương nói:

- Kỷ niệm của nơi này. Cháu để lại đây, còn nhớ, còn về

oOo

Bích đẩy nhẹ cửa bước ra sân.

Vắng Phương, Bích thao thức, nghĩ vẩn vơ và dậy sớm. Trời chưa sáng hẳn. Sương mai từng điểm mong manh trên lá chìa vôi. Nơi gốc ngọc lan một bó hồng năm bông hoa! Những cảm xúc lạ lùng thật khó tả. “Không còn nghi ngờ gì nữa, không phải cho Phương, Phương đã đi rồi”. Bích mỉm cười cầm bó hoa, đẩy cánh cửa khép hờ bước sang khu vườn của ông Sinh. Lối đi vòng qua mấy khóm hồng rồi hàng cây có những giò phong lan. Nơi chiếc băng đá ông Sinh đang ngồi yên, hai tay khoanh trước ngực. Bích lặng lẽ ngồi xuống bên cạnh.□

Hải Phương

Cuộc Hành Trình U Nhã Phục Chế Bầu Trời Ý Niệm

Loài dã tràng từng phút giây phục chế bầu trời làm mái
nhà ngôn ngữ và mặt trăng làm ngọn hải đăng định hướng
treo lơ lửng chung quanh lâu đài vừa mới xây trên cát
biển rực sáng nguy nga

ta phục chế ta từng ngày đóng đinh trên thập tự giá em
khải huyền đường cong khỏa thân bén như dao cắt vỡ vụn
liên tục tiết tấu của một giòng sông chảy âm thanh khăn
đục

rừng thùy dương bắt đầu trầm khúc đêm của gió
mùi hương của đất trộn lẫn mùi hương của tóc em bay.

Loài dã tràng phục chế chùm sao điện tử kết dính trên
ngực em tặng phẩm trang điểm bầu trời ẩn dụ điều tiết
khí hậu mưa nắng và mùa màng

em phục chế ta từ rú xuống rừng từ đồng bằng lên phố
chợ từ nguồn xuống biển giòng cánh buồm cuồn cuộn lũ ra
khởi thiên thang

ta phục chế ta từng con sóng vỗ về bên mạn thuyền em
lung linh cơn mộng du cuộc hải trình u nhã.

Loài dã tràng phục chế bầu trời ý niệm như khi em làm
nhấp lại đời ta bắt đầu bằng tỷ thiên niên kỷ của đá bừng
vỡ ra từng hạt cát cựa mình

nếu khi loài vương điệp đa tình soãi cánh dặm trường trở
về vườn thiên thai là chỗ quê nhà không quên ghé lại nơi
hồ hẹn cũ là chốn rong chơi phiêu lãng

nếu khi em rẽ ngang đời ta tình cờ đặt để một cơn mê xối
xả tạt vào trí nhớ cuồn điền

nếu khi trình diễn xong phần mình trên sân khấu lộ thiên

khán giả lặng im
ta tự vỗ tay ca tụng đấu trường cô độc vì hồi cuối cùng
không còn gì để hỏi và cũng không còn ai để vinh danh
như khi mùa giáng sinh bầy chim lạ tha nhánh phúc âm về
làm tổ trên mái nhà thờ Núi Đá Nha Trang em đứng hát
bài thánh ca chờ sớm mai đón chuyến tàu hỏa trong nam
ra chạy một vòng rồi ngừng lại trên thềm ga tỉnh sương.

Loài dã tràng phục chế khuôn mặt mù sương của thơ
khuôn mặt mù sương của thơ được vẽ lại bằng kỷ niệm
lóng lánh bước chân lưu đầy trên xứ sở bức tranh nghênh
ngang đấu yêu
như khi em làm nháp lại đời ta
như khi ta ra biển ngóng
gió phục chế đám phù vân chảy cầu vòng ý niệm phía
chân trời cắt ngang ký ức vong thân mềm mại từng sợi
thời gian hiện sinh giăng ra như lưới bủa.

Ta phục chế ta từng ngày đóng đinh trên thập tự giá em
rừng thù dương bắt đầu trầm khúc đêm của gió
loài dã tràng tiếp tục cuộc hành trình u nhĩ trở lại mái
nhà xưa xây trên cát biển.

Khi ở San Jose
tháng mười 02

Làm nháp thơ lục bát

cào cào
châu chấu
mục đồng
tinh hoa là chỗ
phiêu bồng đôi chân.

bước ra
là chỗ bước lần
trở về cố quận
tần ngần
bước đi.

bước ra
là chỗ bước vào
mục đồng
châu chấu
cào cào
bước theo.

Tàn phai rụng xuống vàng thu tượng ngồi

Vòng tay em
lửa phù hư
thả bùa tiền kiếp
thả mù sương bay.

Vòng tay em
nhánh sông đầy
giòng ôm mấy khúc
cồn bầy bến chia.

Vòng tay em
lửa rừng khuya
trắng phơi lá biếc
đầm đĩa chân như.

Vòng tay em
lửa phù hư
tro thiên cổ rụi

tàn dư
bụi hồng.

Vòng tay em
lửa hóa thân
trắng hoa tịnh độ
lầu xanh
Thúy Kiều.

Vòng tay em
lửa phù hư
tàn phai rụng xuống
vàng thu
tượng ngồi.

*Khi ở San Jose
tháng tám 02
haiphuong68@hotmail.com*

Tô Duy Thạch

Bữa rượu bên sông

Ta qua đò chiều nay
hoàng hôn vừa xuống thấp
nhật nhòa mưa bay bay
bến đời đâu chỗ tấp

Ghé tạt qua nhà bạn
bữa rượu vừa bày ra
ba ly bạn ép ta
lửa tan lòng ép lạnh

Nhà bạn ở cửa sông
bập bềnh con nước lớn
căn nhà sần rung rinh
như cơn say vừa đến

Bạn ta ngoài bốn mươi
tóc pha màu mây trắng
hát khúc “ Hậu đình hoa ”
gõ thuyền làm hảo hán

Ta là người lữ khách
sầu đời “ ầm hận đa ”
buồn vương vạt khói nhòa
chiều cửa sông gió ngút

Uống bữa rượu chiều nay
lòng ta vui vô hạn
ôi, đời người hữu hạn
nỗi buồn lại không cùng
chiều sông nước mang mang

ôm nhau cười chếch choáng

Ta bắt chước người xưa
mượn đôi lời “ Ký hữu ” (*)
rượu uống trong chiều mưa
lời nói sao cho đủ

Nhà bạn ở cửa sông
nước khi đầy khi cạn
tình bạn mãi menh mông
mãi như là biển lớn.

(*) *tên một bài thơ của Cao bá Quát*

Tô Duy Thạch sinh và lớn lên ở phía Bắc Bình Thuận. Hiện anh vẫn sống cạnh bờ biển Phan Rí Cửa trong một ngôi nhà ván trống gió. Trước 1975 anh là người lính địa phương, rất nghệ sĩ, vừa làm thơ vừa chụp hình ở Long Hương. Một quận lỵ nhỏ nằm về phía Bắc Bình Thuận. Có nhiều đồi cát rất đẹp mà nhiều nhiếp ảnh gia lừng danh đã thu vào ống kính. Thơ anh xuất hiện vào khoảng thập niên 70 dù làm rất ít, cùng thời với Nguyễn Lệ Tuân và Nguyễn Bắc Sơn, Phan Thiết. Sau 1975, anh và gia đình sống trong cái nghèo khó của một người lính cũ (PVN).

Phạm Văn Nhàn

Một chút ngậm ngùi

Mở cánh cổng, lách người vào trong sân. Cánh cổng như muốn ngã xuống, bệ rạc, lâu ngày không ai chăm sóc cột dây cột nợ lại. Thấy tôi, chị Phượng bước xuống hiên. Vừa đi vừa nói. Tôi nghe trong giọng nói của chị vui vui:

- Nghe cậu về thăm. Chờ mãi.

Tôi cũng vậy. Gặp lại chị là đã vui rồi. Tôi hỏi:

- Còn chị và bác, khỏe chứ ?

- Nay trở trời, mai trở nắng, bà mệt mỗi hoài.

- Để tôi vào chào bác.

- Thì trước sau gì, cậu cũng phải vào nhà mà.

Nắng như đứng trên những ngọn cây. Khoảng sân trước nhà mát rượi. Không như ở bên ngoài khi tôi vừa bước xuống xe lam bên cạnh đường rầy xe lửa. Nắng như đổ lửa xuống trên những thửa ruộng nứt nẻ, và trên những thanh tà vẹt như muốn bốc hơi trên những viên đá sỏi nhẵn bóng. Tôi phải xuống nơi đây, đi dọc theo đường rầy xe lửa để tới nhà chị. Đi tắt như thế nhanh hơn, để khỏi phải đi vòng về phía chiếc cầu gỗ. Bây giờ thì tôi không biết chiếc cầu đó có còn hay bị nước cuốn trôi đi vào những mùa mưa lũ, hay đã làm lại bằng chiếc cầu đúc xi măng, tân tiến. Đã lâu, thật lâu, chiếc cầu gỗ mà tôi vẫn còn nhớ tên: Cầu ông Bảy . Người dân quê có cái hay, ai làm nên một cái gì đó cho làng cho xóm thì người ta đặt tên để con cái sau này ghi lòng khắc dạ. Khỏi cần phải làm bằng đồng hay bia đá.

Đi vào nhà, tôi đưa mắt nhìn về phía cuối vườn, xem có còn cây điệp nơi đó hay là đã bứng đi rồi. Cây điệp vẫn còn nơi đó, già cỗi, lá trên cành trơ trụi. Chị Phượng hình

như biết ý, hỏi:

- Cậu tìm cây phượng?

Tôi cười. Đưa cánh tay cán vá cho chị xem. Chị nói:

- Tôi tưởng cậu bị nhánh phượng đâm lủng ruột lúc đó. Ai cũng lo - Vừa nói chị vừa cười.- Thế mà vẫn vào lính được nhỉ?

- Việc gì rồi cũng quen đi chứ.

Tôi lại đưa cánh tay cán vá trái lên lần nữa . Rồi nói đùa:

- Thế mà nâng súng giỏi lắm đó chị ạ.

- Tôi biết rồi. Mười năm phải không?

- Vâng. Đúng mười năm. Để trả cho cái giá mười năm đó, tôi phải trải qua 7 năm trong tù. Bây giờ về thăm chị tôi cứ ngỡ là chị đã bứng cây điệp đi rồi.

- Mẹ không cho. Bà bảo: nơi góc vườn đó chẳng đựng tới ai. Vì vậy mà nó còn.

Rồi chị hỏi tôi:

- À ! Mà sao hồi nhỏ cậu thích ăn trái điệp ghê vậy?

- Lúc đó chị không thấy cái bụng tôi sao. Mẹ tôi nói ăn trái điệp, trái táo nhơn trĩ được bịnh sán lãi. Tôi nhiều sán lãi lắm cho nên cái bụng chình ình?

- Thật không?

- Tôi đâu có biết. Mẹ tôi nói sao tôi nghe vậy.

Nghe tôi nói. Chị cười.Tiếng cười nghe thật vui trên khoảng sân mát bóng cây vú sữa. Dù hôm nay, nhìn chị thấy chị già.

oOo

Ngôi nhà vẫn âm u; mặc dù ánh sáng từ trên mái ngói rơi xuống xuyên qua những miếng kính hình chữ nhật không làm sáng căn phòng khách bao nhiêu. Bác tôi ngồi trên tấm ván bằng loại gỗ mun, đen bóng, nhặt từng cánh trầu không lên xem, dùng con dao nhỏ thật sắc cắt xén, tỉ mỉ rồi đặt những lá trầu đó lại trong cái khay cũng bằng một loại gỗ quý. Tôi chào bác tôi, sau khi bước qua ngưỡng

cửa. Bác tôi hỏi:

- Nghe nói con đi, mà khi nào thì đi?
 - Dạ, cũng chưa biết.
 - Đã có hộ chiếu chưa?
 - Dạ rồi.
 - Chắc không lâu đâu. Mà con có ý định về thăm lại nhà không?
- Tôi ngập ngừng trước câu hỏi của bà. Một chập, bà nói:
- Việc gì mình cũng phải suy nghĩ trước chứ.
 - Ngoài tầm tay con mà, bác !

Bà ngồi im tēm trầu, rồi nhìn lên tấm ảnh được phóng to treo giữa nhà. Tấm ảnh của bác trai tôi mặc bộ quần áo đại cán. Đầu không đội nón. Tôi thấy tóc ông chẻ đường ngôi giữa. Trang nghiêm. Tấm ảnh này có lẽ bác gái tôi dấu kín ghê lắm ở đâu đó trong thời chiến tranh. Hôm nay mới lấy ra rọi lại cho to, treo giữa nhà như một miếng bùa hộ mệnh gia bảo: gia đình liệt sĩ. Cũng vì tấm ảnh này mà chị Phượng sút vào tù, có lẽ cũng phải mất nhiều năm. Cũng có thể là được trao trả cho phía bên kia sau ngày hiệp định ký, mà tôi biết chắc là chị không bao giờ thích phía bên đó, nếu chị bị vô tù; dù nơi đó có người cha sống hay chết, chẳng ai biết.

Nghe tôi nói, bà bỏ chân xuống bộ ván, đi tới tấm ảnh, nói như chính bà đang nói chuyện với chồng bà: như vậy là thằng cháu ông ra đi. Tôi nghĩ để cho nó đi còn an tâm hơn là phải ở lại. Không biết có chuyện gì xảy ra nữa cho nó hay không. Nhìn lại, hai bác cháu, hai ý nghĩ chống chọi cùng với thằng con của ông. Mặc dù ông đã nằm xuống lâu rồi, nhưng bạn bè ông vẫn còn mang trong người những tư tưởng không thay đổi của thời mới nổi dậy chống Tây, sẽ làm khổ cho nó.

Bà nói nhỏ trong ngôi nhà chỉ có tôi, bà và chị Phượng

nghe. Tôi nghĩ, dù gì bà cũng có học. Vốn liếng chữ nghĩa của thời Tây đã dạy cho bà biết được nhiều điều. Bà làm y tá cho bệnh viện. Còn bác tôi làm thư ký cho nhà ga xe lửa. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp rầm rộ thời đó, đám thanh niên theo Tây học có tinh thần yêu nước, bỏ lên rừng kháng chiến. Mấy tháng sau, bọn mật thám Pháp biết được bắt bà nhốt dưới nhà lao tỉnh hơn một năm rồi thả về. Bệnh viện không cho bà làm nghề y tá nữa, bà về quê, định cất cái cốc để tu trong khu đất của ba mẹ bà. Nhưng ý định đó bà không thực hiện được, vì trong bóng đêm lại có những bước chân của những con người bí mật, âm thầm trở về, rồi cũng âm thầm ra đi. Những lần âm thầm như thế, bà mang thai chị Phượng, rồi sau đó là anh Ban. Xóm làng ai cũng biết bác trai tôi về, nhưng ai cũng dấu. Làng quê hình như được dấu kín những chuyện về ban đêm để cho những bóng đêm về hoạt động bên trong những lũy tre, mà dưới đó là những hầm, những hố trốn bom đạn. Đến khi Tây rút, bà cũng bị chánh quyền mới bắt giữ, điều tra, gạn hỏi đủ điều về bác tôi. Ông sống hay chết sau này không ai trong gia đình biết; vì bác tôi không bao giờ trở về nữa.

Chị Phượng lớn lên càng đẹp làm cho những người bạn đồng nghiệp với chị mê mẩn khi chị về làm ở bệnh viện tỉnh. Chị chọn nghề y tá như mẹ chị ngày nào. Còn anh Ban thì nhập ngũ sau tôi đầu hai ba khóa gì đó. Ra trường anh chọn đi sư đoàn 2, đóng quân ngoài Quảng Nam, Đà Nẵng. Lên thiếu úy thì mất. Xác được đem về chôn trong khu đất của gia đình. Để ngày ngày bà ra ngồi nơi cách cửa phía sau nhà nhìn ngôi mộ của anh mà buồn da diết. Chồng theo về phía bên kia. Con cháu về phía bên này. Cứ đánh nhau hoài. Có thể cha con đánh nhau trên cùng một mặt trận mà không hay biết. Chiến tranh kỳ quặc, rõ ràng nổi da xáo thịt trong ngôi nhà của bác tôi.

Tôi nhớ có lần về thăm nhà, lên thăm bác lại gặp chị Phượng. Tôi hỏi:

- Chị không đi làm?

- Đuổi rồi. Về nuôi vịt, nuôi gà cho vui.

- Sao lạ vậy?

- Người ta nghi tôi nhảy núi!

- Tôi cũng nghe nói chị lên rừng mà.

- Không . Tôi chỉ tới quận T.L gặp người ta đưa cho tôi tấm hình của ba tôi. Rồi ra về. Ông chết lâu rồi. Làm sao mà gặp.

- Nhiều đó chị cũng một công rồi.

Rồi chị nói:

- Tôi cũng nghĩ như cậu. Nhưng tình máu mủ tôi không bỏ ổng được. May có người bạn làm ở ty công an bảo lãnh cho. Không, chắc phải vào lao xá. Khi tôi đem tấm hình về, cậu biết, tôi bà, bà cầm tấm hình nhỏ trong tay, bà khóc. Rồi bà tới bên bàn thờ của thằng Ban, nhìn hình nó mặc bộ quân phục khi nó còn học trong quân trường. Tôi thấy bà níu cái cạnh bàn thờ, bà quý xuống. Tôi nghe bà nói: trời ơi chi mà lạ lòng vậy trời. Tôi sợ bà xúc động quá, bà xỉu. Chạy tới đỡ bà đến ngồi trên bộ ván hỏi: mẹ có sao không. Bà không nói, im lặng với hai hàng nước mắt chảy. Tối hôm đó, mưa rất nặng hạt bên ngoài. Tôi mất nhiệm sở. Thằng Ban mất. Ông già chết. Tôi hỏi cậu không buồn sao được trong ngôi nhà này?

Tôi đến bên bàn thờ của Ban. Tấm ảnh như bao nhiêu tấm ảnh khác mà anh SV nào cũng chụp khi qua giai đoạn hai, để làm kỷ niệm chín tháng quân trường. Con cá có đuôi đeo trước ngực. Cái mũ beret màu xanh đậm đội lệch qua bên trái vẫn còn thấy rõ ngọn lửa xuyên qua thanh kiếm. Tôi nhớ bốn chữ “cư an tư nguy” trên phù hiệu của quân trường như hiện rõ trên gương mặt của từng anh em trước khóa, sau khóa hay cùng khóa mà tôi đã trải qua bao nỗi nhọc nhằn luyện tập. Bây giờ người anh bà

con của tôi nằm xuống cho mảnh đất được “cư an” hôm nay. Tôi hỏi chị:

- Đạo này có an ninh không?

- Ban ngày thì không sao. Nhưng đêm không bảo đảm. Rồi chị hỏi tôi: Cậu nhớ thằng Hợi, thằng Toán?

- Nhớ. Nó sao rồi?

- Bị bắt lên rừng.

Mảnh đất mà bao người dân muốn an cư sau chiến tranh chống Pháp đó, có còn được an cư không, khi nghe chị nói thằng Hợi, thằng Toán bị bắt dẫn lên rừng. Bóng đêm cứ âm thầm, lén lút trở về làng, như hồi nào còn Tây, bác tôi cũng lặng lẽ, dò dẫm trong đêm khuya về, để rồi có chị Phương và anh Ban.

oOo

Buổi chiều xuống vội ngoài vườn. Những tia nắng yếu ớt còn vương trên những ngọn cây như tiếc nuối một ngày sắp tắt. Những ngày ở lại thăm nhà bác, tôi hay ra nằm dài trên mộ Ban. Ngôi mộ trái cỏ xanh, êm ái được cắt xén chăm sóc tỉ mỉ mỗi ngày, như chơi với anh một lần cuối, rồi ra đi. Lần ra đi này chắc là vĩnh viễn không bao giờ trở lại để thăm lại ngôi nhà của bác, để nhìn lại gốc phượng già, cằn cỗi nằm ở cuối vườn mà những ngày thật xa xưa đó tôi té bị gãy tay, vì ham hái những trái phượng. Ngôi nhà mà mỗi ngày thật đều đặn như cái đồng hồ điểm báo thời gian khi những chuyến tàu chạy ngang qua trước cổng nhà. Hôm nay cũng thế. Cũng vẫn những chuyến tàu chạy ngang qua nhà. Nhưng chắc chắn không còn có những đứa con nít nào có cái bụng lớn chình ịch như tôi đứng bên hàng rào đưa tay vẫy chuyến tàu chạy ngang qua chỉ trở, cười nói cùng với Ban. Hôm nay đứa trẻ có cái bụng ỏng đó đã trải qua bao nhiêu thăng trầm trên đôi vai, với bao nỗi oan khiên của cuộc đời, để rồi ngày mai, nó phải ra đi, thay đổi một nơi ở thật xa, bên

kia bờ đai dương xa thăm.

Hai ngày ở nhà chị, tôi lang thang trong khu vườn cũ. Để rồi chiều xuống tôi ra ngồi nơi mộ Ban nhìn những bụi hoa tứ quý màu trắng, màu tím xen với những bụi huỳnh anh màu vàng nhạt mà chị Phương trồng chung quanh mộ, tạo cho ngôi mộ của Ban có cái gì gần gũi giữa người sống và người chết mà bác tôi muốn như thế. Hai hôm ở nhà chị lúc nào chị cũng nói: thằng Ban nó đâu có chết, phải không cậu?

Chơi bên mộ Ban. Tôi nghĩ : cuộc chiến tranh nào xảy ra cũng mang đến cho nhân loại bao nỗi buồn. Nhất là cuộc chiến tranh trên quê hương tôi. Mà gia đình bác tôi là một. Cha con ở hai phía cũng vì khác nhau ý thức . Con bên này. Cha bên kia. Để rồi đến hồi kết cuộc: cha chết từ một cánh rừng nào, âm u, vợ con không nhìn thấy mặt. Có chăng chỉ còn lại một tấm hình, với mái tóc chẻ ngôi giữa, mà suốt đời bác gái tôi cất kỹ. Hôm nay mới đem ra phóng lớn treo giữa nhà như miếng bùa hộ mệnh. Còn anh Ban, nằm đó, bên cạnh nhà, nhưng mãi mãi vẫn là không. □

Nguyễn Nam An

Gửi về địa chỉ cũ

Anh ở Mỹ đi học đi làm đi hoang đi ở trọ
Có bằng lái xe có *resume*
Có xe lộ đi về *exit* rẽ xa quê
Có tình vui-buồn gặp nhau cười huề vốn
Có đứa ở miền đông thức-đứa miền tây ngủ muộn
Ba bốn múi giờ luống cuống so le
Nhưng đời cũng nghe qua *phone* vì vút
Chỉ không thấy nhau nên hụt nửa chừng

Năm nay miền xa anh đứng anh nghe
Tiếng chim sẻ thôi em không còn nói
Từ hai đứa *review* tình tức tối
Coi bộ đi về cũng mệt quá thôi
Anh ở Mỹ thở trước vốn ham chơi
Giờ chạy lông bông đã đời muốn chết
Có những cuối năm nắng vàng đi biệt
Ngó tùm lum mà chẳng biết mong gì

[Em còn thương nếu muốn oản tù tì
Cứ ra búa-anh làm bao-suốt kiếp]

5.01.02

Hồ Thủy Giũ

Mùa xuân trên đỉnh cây

Ở đường Đề Thám có một ngôi lầu xưa cũ do chủ nhân người Pháp để lại. Trước kia người bác ruột của Sáu Tịnh thuê dài hạn mười lăm năm, về sau những người trong nhà họp nhau lại bàn tính rồi mua hẳn. Dưới lầu để cho thuê, chỉ là một gian thông suốt không vách ngăn, tầng lầu trên có phòng lớn, những phòng ngủ, phòng ăn và phòng tiếp khách. Phòng sau này ngó xuống đường, bàn thờ gia tiên đặt ở cuối xa, sau một tấm màn dài và dày, màu đỏ, gió từ ngoài bao lơn thổi vào làm cuốn gợn không ngớt; giữa nhà là một cái bàn rượu lót gương, ở ngăn dưới những song gỗ bóng láng vì được lau chùi cẩn thận, những chai rượu mùi quý và những cốc thủy tinh bóng ngời đủ loại, lúc nào có khách đông người giúp việc đẩy quanh trong nhà chạy trên bốn bánh xe. Gần xe rượu một bàn tròn bằng gỗ gụ, mặt lót cẩm thạch, chung quanh có một trường kỷ và bốn chiếc ghế nâu đen cùng loại. Và tất cả đều bóng nhẵn vì chổi lông gà.

Phía dưới khung cửa sổ, ghế vải di đôi với ghế da bọc nệm da, trên đầu một tủ sách lúc nào cũng đóng kín với cánh cửa gỗ đặc biệt lúc mở ra thì đẩy lên mất hút phía đầu nóc, còn phía trên tường những câu đối và bức họa thủy mặc vẽ núi và cảnh trúc trên giấy hoặc trên lụa, cả mấy bức nằm song song thả dài xuống, đứng căng thẳng dưới sức kéo nặng của một khúc gỗ tròn.

Tất cả mọi đồ đạc vẫn còn nguyên ở đó, trong cái vị trí chẳng bao giờ bị xô dịch từ mười năm nay, mọi vật như vẫn còn tìm thấy ấm êm trong thói quen vĩnh viễn. Chỉ trừ cái tủ sách thì dường như chẳng ai biết chứa đựng những cuốn sách thuộc loại nào. Và nó được khoá bên dưới, người giúp việc đã thôi mở. Và những chiếc ly không và

những chai rượu không với sắc thủy tinh đã mờ bụi. Sáu Tịnh thường đi ngang qua đó mỗi ngày, sau khi đã thay đồ trong chiếc buồng con ở cận bên phòng khách, để ra ngoài bao lớn; mắt hắn chạm phải những đồ vật đang chìm đắm trong bụi mờ. Mấy bức tranh, cái ghế vải, cái bàn rượu con và tủ sách đứng. Người giúp việc thỉnh thoảng cũng đi thoáng qua nhưng rất nhanh. Dường như một hình bóng cũng vẫn còn vang lại với nỗi im lìm, nghiêm khắc. Một ông già nằm đọc sách suốt ngày mặc áo quạ trắng. Và mọi vật đã rơi vào quá vãng trong cái làn ánh sáng mờ của ngày. Chỉ còn chiếc màn đỏ thường lay động vì cánh tay một người đàn bà hoặc là vì gió. Một bức ảnh ở phía sau qua lớp tàn hương và bụi, người ta trông rõ ông già hiện diện vận cổ phục, mày râu nhẵn nhụi, với mắt sáng, lông mày rậm; dưới khung ảnh, giữa những cánh hoa tàn và giọt sáp rụng, một cái đĩa bàn, trên đứng chừng một nửa tá huy chương nhất phẩm triều đình.

Ngoài bao lớn những chậu cau đã héo tàn, bông mỏng gà và bông hồng thôi mọc, chỉ còn trơ thân gỗ mục, hai cây tùng nhỏ đã cụt cành, cây bông giấy mọc sát bên cạnh một cái lồng chim lá vượn thêu nóc; mỗi buổi chiều Sáu Tịnh đứng đó nhìn xuống đường hoặc ngắm một vài hoa màu da cam nở muộn, trắng lợt. Cái lồng chim làm giữa hai bờ tường, hai mặt trước và sau nan kẽm lỗ rổ hình ngũ giác đã rỉ bạc, cánh cửa đã long rời; trong lồng giữa những vết phân và dấu chân chim nhô lên vài cây đại. Và dưới mái hiên chim sẻ tự do chiêm chấp không ngừng.

Trước đó vài chục năm thì trong căn buồng ngủ, mỗi mùa hè, người bác gái già chịu đựng những cơn giông như một khổ hình, bên cạnh cái giường gỗ, người giúp việc ngồi bệt dưới đất cạnh cái trống, mắt nhìn lên một khung cửa tròn màu kính vàng đục, đầy những chỗ nứt rạn, những đường giấy dán ngang dọc. Hắn ngắm chừng trời chớp để nhanh tay nện một cái dùi gỗ nhẹ màu trắng xuống một

mặt trống con. Những khi chớp bật chói rạng khắp căn phòng tối, hồi trống thật dữ dội, rồi cùng một lúc căn phòng để mặc cho sấm, trống vừa gầm vang vừa rung chuyển. Và trong bóng tối nhờ nhờ cái bóng đen của người đàn bà cũng rung theo.

“Có thể làm cách nào hơn cho mơ được không?”

“Phải một nhà phân tâm học mới chữa được...”

Nhưng cậu cứ yên tâm: Con sẽ hỏi ông bác sĩ Quới. Không chừng ông ta có thể lo cho mơ.”

Nhưng lúc bấy giờ Sài Gòn không có nhà phân tâm học nào hết. Cụ bà phải ra Vũng Tàu mỗi ngày tết và lễ lớn để tránh pháo và đại bác chào mừng.

Mấy năm sau cụ ông tạ thế. Cụ bà ở vậy với căn nhà hiu quạnh. Chung quanh chỉ còn Sáu Tịnh và người tớ trai giúp việc. Cụ bà mặc áo mực tưng kinh gõ mõ đều đặn, dần dần quên cái việc chữa bệnh. Đã mấy lần cụ bà uống nước lạnh của một vị pháp sư nổi tiếng. Dường như tâm bệnh có giảm sút nhưng thật ra cụ giật mình đánh thót do bọn trẻ ham vui quái ác ở dưới đường xóm. Thỉnh thoảng chúng lại nện xuống lề đường một cái van xe đạp có vấn lông gà, cổ van đầy ngập chất diêm sinh.

Vì vậy với cụ bà, thế giới âm thanh không còn nữa, tất cả những tiết điệu hay nhất đều bị những tiếng nổ đe dọa. Hai tai cụ nhét đầy cục bông gòn, cụ để ngón tay trở thường trực đút vào lỗ tai bên mặt.

Một hôm vào ngày chủ nhật, Sáu Tịnh đem về một con sáo, anh ta lấy hai cái lon đổ ít gạo và nước, nuôi con chim trong lồng. Khi cụ bà tụng kinh xong ra cấm nhanh ngoài chầu kiếng, cụ nhận thấy con chim đang nháy nhót có vẻ tuyệt vọng, nhưng cụ không nghe được con chim đang hót. Cụ bèn hỏi:

Mua con chim này ở đâu đây?

Dạ ở chợ trời, bẩm bác. Nó hót rất hay. Con sẽ tập cho nó nói.

Cụ lập lại có vẻ như mơ màng:

Nó hót rất hay. Ở nhưng mà bán nó cho tao đi.

....

Mày mua bao nhiêu?

Dạ một trăm. Bác mua làm gì?

Tao mua lại cho mày một trăm hai.

Vừa nói thế, cụ vừa tiến tới cái lồng.

Cụ bà vừa xắn tay áo rộng, vừa thò tay mặt bắt lấy con chim bấy giờ đang đứng yên một cách ủ rũ. Cụ đem con vật ra, cầm nó trong lòng bàn tay, con chim mới bắt đầu đập cánh. Cụ thả con chim. Chỉ thấy một cái lồng vũ còn sót lại.

II

“Cụ vốn thương loại vật nhỏ rất mực. Và cụ không tài nào chịu nổi thấy chúng ốm đau hay bị nhốt.” Sáu Tịnh nói với một người đàn ông hần quen như vậy.

Dầu sao Sáu Tịnh cũng mến cụ hơn.

Còn con chim đẹp thì không bao giờ trở lại.

Mọi sự tình cờ vào cái hôm trời đang mưa lớn, con chim thì ủ rũ trong lồng dưới tay một người nhà quê mặc áo đen, ông ta đứng núp mưa ở hàng hiên chợ Cũ. Sáu Tịnh bước tới để ngắm con chim, sau đó là hần tấm tắc khen, con chim không thể rời khỏi lồng ao ước được tự do, Sáu Tịnh mua ngay nó. Ý tưởng chợt nảy sinh như một loài sâu bọ nửa đêm bỗng tỉnh giấc dưới lớp cỏ non đầy sương lạnh và ánh trăng sáng rực; trong người hần lòng xót thương vô bờ bến, những chồi non màu lục nhạt nhô lên tròn trịa, một bầu trời mát mẽ, một khuôn mặt dịu dàng như tơ. Gò má bên phải êm đềm hơi ấm của lông cánh, một thân thuần và gọn gàng trong hai bàn tay. Sáu Tịnh bỏ con chim trong ngực áo. Hần ủ con chim trong lớp vải choàng màu đen.

Và mưa thì cứ rơi. Sáu Tịnh đi dọc dưới hàng hiên suốt con phố lớn.

Cái lồng kia từ đó trở thành trơ trọi hần. Vắng lặng hoàn

toàn. Người bác gái và hấn thường ra đứng cạnh đó mỗi buổi chiều. Thành phố đã qua khỏi mùa thu, trời đất thì lúc nào cũng ẩm ẩm, đến lúc này thì họ mới cảm thấy buồn nản và đơn độc, cái lồng chim trống không. Bao nhiêu con chim chết ở đó và mấy con được bay đi? Tự do nằm ở ngoài bầu trời, trong cây lá xanh tươi và trong rừng. Lòng yêu thì bao giờ cũng mãnh liệt.

Những ngày về sau, khi con chim đã mất đi, về mặt Sáu Tịnh đầy luyến tiếc, đôi mắt không phóng ngoại, còn da mặt thì căng ra trên đó trầm đắm chút gì của cõi lòng, đồng thời gọi tất cả sự chú ý hiếm hoi của mọi kẻ chung quanh. Người bác gái thì nhuốm bệnh trong ba ngày. Lúc bấy giờ hấn đem chiếc áo ra phơi nắng rồi chải lại.

Những ngày đầu tháng chín, trời Sài Gòn nắng trở lại, mây trắng và hồng thay đổi sắc độ liên tiếp trong ngày, Sáu Tịnh cũng chỉ choàng có mỗi một chiếc áo đen kia và lúc trời quá nóng hấn cởi ra để trải nằm trên cỏ. Với cái áo hấn thông dong dạo qua các đường phố để làm việc. Cái máy ảnh thỉnh thoảng được lau chùi cẩn thận, hấn soi tóc trong ống kính, và đôi khi ngắm bầu trời uốn cong ở đó.

Mọi người đi qua hấn thấy mọi người ở bên trong. “Chẳng ai để ý đến chiều hôm đang xảy ra như thế nào”. Đó là một buổi chiều thứ năm vào khoảng giữa tháng chín, đúng vào lúc nhà thờ Đức Bà đầy chật cả tính đồ. Sáu Tịnh ngồi trước thêm bưu điện trung ương, bên cạnh ngôi nhà thờ lớn nhìn ánh sáng đang sẫm dần. Ánh sáng sẫm dần trong ống kính màu xanh bóng. Hấn ngắm những hình ảnh di động đầy màu sắc và đường nét rực rỡ mới mẻ.

Tuy nhiên rồi mọi sự đều xuôi theo nhịp một dòng sông, Sáu Tịnh đứng lên tiến ra ngoài sân cỏ, hấn chụp ảnh những đứa bé mặc áo đầm đỏ. Những thiếu phụ đi bên cạnh con cầm thật chặt tay, không nói lời nào và họ mỉm cười với tên thợ chụp ảnh, đúng vào cái lúc Sáu Tịnh vừa cúi khom người xuống, vừa đưa máy ảnh lên ngang

mặt. Nhịp sống như một lược sóng ngầm, di động dịu dàng ở đường Tự Do, giữa đường tráng nhựa và hai bên vỉa hè, đám người nhu con sông tách đôi ra, một nửa vào bưu điện, một nửa vào nhà thờ. Tiếng chuông đổ cùng lúc với hai cây kim trên chiếc đồng hồ lớn trên nóc mặt tiền nhà dây thép nhập làm một, chuông đổ ngân nga và có vẻ giống giả nữa, âm thanh rất từ tốn, nghiêm trang và mời gọi, thứ quyến rũ của thời gian lúc mọi người đang chăm lo ra về hoặc đang cầu kinh. Thời gian qua một khắc với gió trôi một khoảng, lá rụng thêm một sần, Sáu Tịnh dường như có chút mơ màng sau khi đã trao cho người thiếu phụ mặc áo xanh tẩm các màu hồng. Chẳng luyến tiếc chút nào, chỉ còn cỏi lòng đang tràn lan tận cuối buổi chiều. Tại sao thì Sáu Tịnh chẳng hề biết, hẩn nhìn vào máy ảnh, nhìn vào cái ống kính, bóng ngời dẫm rắng chiều, dẫm cả lời kinh cầu nguyện và luôn cả một góc nhà thờ màu đỏ gạch. Trông hẩn ngẩn ngơ man mác, vẻ mặt trắng ngần của khuôn mặt hoa nhài trong đêm. Rồi bỗng mùi hương nào thoảng bay đến trong lúc chiều cứ trôi, người cứ chảy như mở hội, hẩn dừng lại, dừng lại đó, trên bãi cỏ chẳng còn ai. “Này ông bạn – hẩn nói – nếu một tai nạn nào xảy ra cho tôi thì cũng thế thôi. Mọi sự cũng thế thôi. Tuy nhiên ông bạn có thấy rằng cỏi đời bao giờ cũng đẹp”.

Hẩn nhìn vào thiếu phụ áo xanh đang xa dần và đứa bé mặc áo đỏ đang quay lui nhìn hẩn. Hẩn khoắc tay cho đứa bé và cúi chào có hơi kiểu cách.

“Tai nạn mà cũng đẹp sao?” – Người đàn ông nói.

“Đẹp chứ, ông bạn. Có lúc nào ông bạn chứng kiến một tai nạn đẹp chưa?”

Một nụ cười vào lúc chiều tối thực thậm vô lý. Sáu Tịnh không bao giờ cười trong lúc trở về nhà, ngay cả lúc đứng trên bao lơn, hẩn trầm ngâm nhìn xuống đường và nghiêm trang lạ lùng. Hẩn không cười. Chiều đi chậm chậm, xuống trầm trầm và mọi vật đều như có vẻ đợi chờ sửa

soạn trong cái dáng đón nhận đêm tối ồn ào náo nhiệt và đầy nóng bức và lúc chiều tối là lúc mọi người ít ai để ý đến thời gian đang xảy ra làm sao; mọi xúc động tạo ra một nụ cười nào đều tan biến trước khi chiều hoàn toàn sụp đổ. Mọi người đều sửa soạn, còn riêng hắn thì vẫn tần ngần đứng đó, nhìn qua bao lơn, nhìn vượt lên những nóc nhà bằng, nhìn những con dơi bay rời rạc buồn bã; da trời biến sắc chầm chậm không trông thấy, và mọi việc trong ngày được dành cho ngày mai, hay buổi tối, hay một lúc nào đó vụt có điều gì xô đẩy hắn tới làm thức tỉnh, vậy là Sáu Tịnh ung dung đứng kia với cõi lòng trầm lắng yên hàn. Đôi mắt hắn như nước trong hồ, đọng lại và im lìm thế kia không tìm ngỗ thoát xuống đồng ruộng.

“Con chim trong lồng, ông có nhớ con chim trong lồng không?” – Hắn nói.

Nước trong mắt trong ngon lành nhưng đầy xác lá mục rửa và vi trùng, người ta không thể dùng được. Hồ thu hay là mắt hồ thu trong như mắt chim câu trong lồng, hay như mắt hoàng oanh trong lồng. Chỉ có đầy tràn mà không thoát.

Buổi chiều quá ác không mở ngõ nào, cõi lòng dâng lên tận bờ và chực tràn lan đổ vỡ. Mùi nhang cùng với mùi hoa huệ và âm thanh của nhịp mõ đều đều như chỉ bay quanh quất từ trong căn phòng ra đến ngoài bao lơn. Đường xóm đầy giọng cười đùa trẻ nít và con phố thì ồn ào xe cộ. Hương, hoa bao phủ, nhìn xuống dưới xa đường choáng ngợp, một ngọn lá từng bứt ra rồi đâm vào tay, bay xuống nằm lơ lửng trên mặt lề đường ca rô chẳng đức bé buồn đến nhứt. Vậy thì lúc bấy giờ chỉ còn hai bác cháu. Với một bầu trời trong vắt trên cao ở ngoài kia và một thế giới mờ ảo mù tịt. Lát sau bà cụ bước ra; Tiếng guốc chậm chạp gõ đều trên nền đá hoa, khuất sau tấm màn đỏ lay động rồi hiện ra giữa căn phòng, cuối cùng dừng lại rồi nghe tiếng guốc đập mạnh qua một đường rầy của cánh cửa sắt. Sáu Tịnh đón lấy ba cây nhang. Hắn

cắm tùm vào nhau nơi chậu hoa giấy. Xong Sáu Tịnh đứng nghiêm trang nhìn bà cụ lễ trời đất và thần linh ngụ khấp trong vùng. Đã hẳn bà cụ rất thương mỗi một và lưng thường ê ẩm nhiều sau khi tụng kinh. Có Sáu Tịnh đó bao giờ cụ cũng nhờ từng ấy việc. Và lúc này thì thế nào cụ cũng hỏi: “Hôm nay mày làm gì? Đi những đâu?” Đó là câu hỏi vô nghĩa chiếu lệ của cụ. Tuy vậy chẳng lúc nào Sáu Tịnh cảm thấy bức mình. Chỉ có một điều là nhìn thấy nụ cười của hẳn cụ bỗng bối rối. Và điều này làm hẳn chợt thấy giờ hẳn mới nở một nụ cười được. Sau đó nụ cười vẫn nguyên vẹn. Và sau đó Sáu Tịnh bỗng buồn bã kỳ lạ. Lúc quay lưng định đi vào, cụ lại hỏi, thường thì hiếm khi – “Thế nào? Mày nhớ cháu bà Tân không?” Cô đó có mái tóc mây sợi rõ rệt, dài và đen nhánh, mắt ngây thơ quý phái. Chẳng biết nàng đang học ban Trung học ở trường Trưng Vương hay ở trường Gia Long. Sáu Tịnh băn khoăn bối rối về mọi chuyện.

Hôm đầu tiên gặp gỡ nàng mỉm cười một cách dè dặt và ánh mắt thì luôn luôn chăm chú về phía Sáu Tịnh.

Hẳn cười trả rất tươi kèm theo một cái gật chào vừa kiểu cách, vừa dịu dàng và điều cốt yếu xảy ra là bà cụ đang nhìn thấy hẳn. Cụ vốn tinh ý điều gì và điều này khiến Sáu Tịnh đâm ra khó chịu. Hẳn đứng bên cạnh cái bàn học, trên bàn bừa bãi sách vở hỗn độn, những cuốn sách thời xưa, những mẫu bút chì màu lẫn lộn, lúc bấy giờ hẳn chộp lấy một cây bút chì xanh rồi ngồi ngay xuống. Sáu Tịnh viết lên một mảnh giấy con rồi đưa qua cho nàng. Nàng đang ngồi trên cái sập gụ gần bên mẹ.

Chính vào lúc đó bà cụ nhớ ra rằng cái địa chỉ quả thật khó kiếm cho bà Tân.

122/ 4B đường Kitchener cũ. Nàng đọc lên cho mẹ nghe. Mà thực ra cũng khó kiếm đối với cụ. Những người phu xe thì sau khi đã đòi một món tiền quá lộ họ thả cho cụ đứng đó, cụ có thể tự do hỏi bất cứ người nào qua lại. Bà Tân ngồi bên con gái nhìn cụ bằng cái nhìn khó hiểu.

Hắn là bà ta cũng muốn rủ cụ cùng đi. Bà nói:
“Đường mới là đường Nguyễn Thái Học. Còn số 122/4B không biết có còn nguyên không?” – “Dầu sao – bà cụ nói với bà Tân – thì xin cụ cứ hỏi đến tên anh Nguyễn Phương là được. Ông Nguyễn Phước Phương đấy thưa cụ.”

Bà ta nói:

Vâng, ông Nguyễn Phương... Nguyễn Phước Phương. À, tôi nhớ ra rồi.

Cụ bà bỗng gọi lớn:

Túc ơi.

Dạ. Thưa cụ con đây ạ.

Này, mà y có nhớ ông Nguyễn Phương thâu khoán không? Dạ còn.

Sao mà y biết?

Thằng Long là bạn học con mà. Con gặp nó luôn...

Này, có phải ông Nguyễn Phương đó chính là họ Nguyễn Phước không nhỉ?

Dạ thưa cụ đúng thế.

Bà Tân nói về mơ màng:

An nhân của tôi đã đổi tên từ mười năm nay.

Người giúp việc nói:

Hiện thời ông ta không có làm thâu khoán nữa. Nghe nói ông già lắm. Thằng con mười chín tuổi rồi thưa cụ, bằng tuổi con.

Ồ... mà y có gặp ông ta lần nào không?

Dạ không. Ông ta có đi đâu mà gặp được. Còn nhà ông tường cao kín cổng như cái phủ, dây kẽm gai nhọn hoắt với mảnh chai lởm chởm quanh nhà trông thấy ghê! Nghe nói ông yếu quá rồi thưa cụ.

Yếu lắm rồi. – Cụ bà nói, giọng cụ kéo dài.

Mọi người đều im lặng; thằng Túc chớp mắt liên tiếp, môi nhô ra, gương mặt thì dụi xuống rồi định chuồn thẳng một mạch xuống lầu.

Này Túc! Giờ con đưa bà Tân lại dằng chỗ đó nghe.

Cô con gái đứng dậy trước để đi theo mẹ. Sáu Tịnh nhìn nàng, bút chì xanh xoay nhẹ trong tay.

Chào anh.

Bà Tân đi rồi cụ bà nhìn Sáu Tịnh và nói:

Thế nào, mày ưa con đó không, tao cưới cho.

Dạ bẩm bác dạy thế sao?

Thế chứ! Có được với mày không?

Sáu Tịnh ra khỏi cái giếng nước chảy xiết kia, cái giếng nước lũ của câu chuyện nhạt phèo, giếng nước lũ chảy rút ra khỏi lòng sông, chỉ còn lại lũ tôm tép đang dấy chết và dường như đọng lại một chỗ, tuy nhiên rồi chúng cũng biến mất. Chỉ còn trở lại một hòn cuội kỳ lạ. Một hòn cuội ruột mềm, bên trong là một chất bột nhão. Vậy thì nàng ra đi với một giếng nòi kỳ lạ ném lại sau lưng.

“Dẫu sao nàng không hoàn toàn đắm mình vào câu chuyện. Có phải rằng hòn cuội kia trước hết đã ném vào nàng một cách dữ dội? Và hòn cuội kia đã biến thành một hòn cuội thực sự nằm lẫn lóc trong óc nàng? Vâng thì nàng đang đẩy nó vào bóng tối và nàng có quyền khoá kín hết mọi cánh cửa lại.”

Ngoài bao lớn cụ bà cứ vô tình nhắc lại mãi đến nàng. Một mái tóc mây. Nhưng mà hai môi sao lại hình trái tim đều đặn thế kia? Ô, làn môi son hoàn toàn chết cứng, một trái tim chẳng hề rục rở, dịu dàng như buổi bình minh, nó phát ra những ánh lửa đỏ hồng lạnh lẽo. Nàng đẹp như một pho tượng tạc khéo.

Sau cùng Sáu Tịnh còn gặp lại nàng một lần nữa. Bởi vì hai con đường Phạm Hồng Thái và Đề Thám cách nhau đúng bốn trăm thước, và nhà ông Nguyễn Phước Phương nằm trên một trục thẳng với nhà bà cụ. Tên giúp việc thỉnh thoảng trèo lên mái lầu để chữa vài chỗ dột vẫn thường thấy chim bồ câu bay vụt lên như người ta tung giấp vụn, “ký hiệu của nàng trái tim” hẳn nói với Sáu Tịnh. “Dễ lắm. Cậu cũng không nhờ ai đưa tay mà cũng không cần phải ra bưu điện.” – “Hả?” – “À thì mai mốt tôi

cho cậu hay. Cậu cứ viết thư trước đi.”

Chừng hai ba ngày sau, nhằm vào buổi sáng chủ nhật, tên Túc chạy lên gõ cửa phòng Sáu Tịnh.

Này cậu.

Cái gì?

Thì xin cậu cứ mở cửa nhanh lên.

Một con vật đập cánh dữ dội trong đôi bàn tay rắn chắc của hắn. Hắn thả con chim xuống trong phòng rồi vội đóng cánh cửa lại, rồi hắn bật đèn lên cho sáng thêm.

Ồ, một con bồ câu của “nàng trái tim” đó cậu ạ. Giờ cậu muốn ăn thịt hay muốn viết thư?

Mày bảo sao? Mày bắt nó ở đâu?

Tên Túc cười ha hả:

Tôi bắt nó trên rằm thượng. Rải gạo ra rồi bắt nó. Dễ lắm. Rồi tôi sẽ bắt nhiều nữa. Đây là con đầu tiên.

Hắn đề nghị Sáu Tịnh viết thư rồi cột lòng thòng dưới cổ con chim. Sáu Tịnh thì im lặng.

- Thế cậu không viết à? Vậy thì tôi viết, tôi viết rồi tôi bảo cậu gởi lời thăm nàng nghe.

Hắn cười ha hả. Hắn liền tìm một cây bút chì đỏ rồi viết mấy giòng lên mảnh giấy bì con, hắn cẩn thận cột vào cổ con bồ câu đem thả ra.

Bồ câu bay thẳng một mạch theo đường trục.

Buổi đầu chẳng có gì làm Sáu Tịnh chú ý lâu dài.

Ngoại trừ một sự kia. Một sự tuồng như ngoài hắn. Mà hắn đã quên lãng. Nhớ hôm nào trông cô nàng thật bình thản với một chút tươi cười. Hắn trông thấy cô nàng đáng qua khúc quanh về đại lộ Trần Hưng Đạo. Áo tím đậm ngả màu than. Chiếc xe đạp đầm màu xanh nước biển, nàng ngấp ngừng trên xe qua khúc quẹo, Sáu Tịnh trở tới, khoảng lưng ong dịu dàng.

Chị đi đâu vậy?

Đôi mắt kia, đẹp thơ ngây và quý phái... mái tóc mây... buổi mai tươi đẹp.

Li Lan...

Có vậy thôi. Li Lan quẹo qua đường Phạm Ngũ Lão. Lời nàng nói tên nàng trong như tiếng một giò suối ngày nào.

Tên gia nhân thì vẫn thích đùa bốn cái trò cũ. Sáu Tịnh nói:

Nhưng nàng biết rằng nàng không ưa cái trò đùa ấy đâu. Thế thì vì cô ta đẹp có phải không?

III

Trong mùa xuân thành phố dường như vẫn không hay biết thiên nhiên đã thay đổi đến độ nào; lá me được ánh sáng rửa sạch, những chồi mới và chim chóc chuyển cảnh. Trên những con đường những lồng thiên nhiên mọc cách khoảng đều đặn, có hàng vạt cửa sổ cho chim chóc bay ra. Vào khoảng những lúc trong sáng nhất trong ngày, Sáu Tịnh đi giữa những hàng cây kia và nhìn lên những thế giới nhỏ ở trên đầu. Những lá xanh như tàn lọng che mái tóc mềm buông rũ của hấn. Cái máy ảnh không mở ra thường trực. Hấn vào trong khu vườn lớn nhất của thành phố, khu vườn có bốn cửa bằng cột trụ xi măng, và lần nào Sáu Tịnh cũng bước vào cửa đông rồi ra về cửa tây và khu vườn còn có những vòi phun nước, những hồ con đáy lót gạch vuông bằng men sứ màu xanh lục, những ghế đá bên lùm cây khuất sau những đám hoa dại. Sáu Tịnh ngồi xuống chiếc ghế nào hấn bắt gặp sau khi đã mỏi chân; hấn ngồi xuống đó và ngắm cái khu vườn kia trong khi trên những bãi cỏ có rất nhiều trẻ con mặc áo đẹp nhiều màu sắc đang chơi đùa thật ồn ào. □

Nguyễn Đức Bạtngàn

Giữa Triều Hận Reo

Nắng lên, những ngày mới ra giêng Huế thơm như thần thoại. Nắng sáng ngời theo sắc lá non, phổ thành trăm nghìn phiến lụa nõn huyền ảo giăng mắc ngang trời. Màu xanh trùng trùng ngát ngát. Ngồi bên hiên nhà, tôi nhìn theo mấy đợt cau mà nghe lòng chan chan hạnh phúc. Trước tầm mắt, lá xanh phớt dậy theo hồn tôi đang xanh. Những sáng sớm thức giấc bước ra khu vườn giăng đầy sương mù sương muối. Những tàu lá chuối sương đọng thành từng giọt tụ dốc ngoằn ngoèo rơi rụng ngay đầu mũi lẫn hai bên mép lá. Tiếng gió nhẹ vỗ về lên tàu cau nghe âm hưởng cô tịch phủ kín thời gian... Tôi nín hơi sâu hơn trong lồng ngực. Từ đó là những cảm nghiệm bí mật không chia sẻ không tặng hiến. Đất trời đang lên trong tôi, hay tôi đang hóa thân theo đất trời.

Tôi chẳng hề biết lòng mình nặng nhẹ. Thơ hóa hiện theo trắc ẩn cùng hư hoại của đời sống chẳng. Hay thơ cũng chỉ là mớ son phấn để trang điểm cho nhan sắc em thêm hồng. Hay thơ là sương triệu kiếp lang thang mơ hồ lãng đãng. Tôi đã từng thắc mắc, cũng như đã từng buông thả. Tại sao lòng tôi bỗng vô cớ run run theo giọt nước trên đầu ngọn cỏ trước sân nhà. Ân tứ của mặt đất vốn tự tại hay là bởi tấm lòng tôi thiết tha nên mới có. Hay bởi vì trực giác bén nhạy mẫn cảm của chính mình đã gây cho tôi khốn khổ đau thương.

Giữa thần hồn tôi trong thời đoạn này là đá tảng nặng chũu. Như sản phụ thai nghén đợi giờ phút lâm bồn. Tôi biết sẽ đến lúc, sắp đến lúc đổ ào ra.

Tôi bắt đầu trường khúc lục bát Giữa Triều Hận Reo bằng cơn đau bụng. Đó là giấc chùng sau buổi trưa của một

ngày cuối tuần. Tôi đang ngồi ở bàn mò mẫm với chữ nghĩa bỗng cơn đau bùng lên bất chợt. Tôi vội vùng chạy ra nhà cầu phía sau tận mút của khu vườn. Trên đầu tôi, bóng tre bóng ổi tạo thành một vòm mái thiên nhiên. Nắng râm râm xuyên qua bóng lá với đám đám mây trắng bay bay lơ lửng. Tôi nhìn đám đất lên đầy rêu xanh mủn, ngay trước chỗ mình ngồi. Màu rêu hòa với sắc trời đậu xuống nền đất như hoa âm tụ hội. Bụng tôi quặn quai quặn thắt từng đợt. Con người tôi phân hai trong một thống hợp đau đớn. Thân xác tôi bị thúc bách với nhu cầu sinh lý đang hiện hữu theo trời đất vô ngôn. Tôi ngước lên. Mây không tiếng vẫn trôi lặng lẽ. Tôi nhìn xuống, đám rêu xanh vẫn tự tại an bình. Thơ tự hồn tuôn ra theo nhịp đau nhức bóp của ruột. Tôi nín thở. *cổ yên tĩnh ngủ trên đồi. Dưới hồn rêu mục đâm chồi kết hoa. không lời như bóng mây qua. đầy hoa bướm gọi chan hòa đỉnh cây...* Thơ trào ra ngoài tầm thần trí tôi. Tôi lảo nhảm đợi cho xong công việc đòi hỏi của thân xác vội bước vào nhà, ngồi xuống bàn lật ra tập vở trắng.

Tôi viết duỗi như mê. Tôi không chủ động được chính mình. Cảm xúc menh mang, bàn tay tôi theo cây bút chạy trên mặt giấy trắng. *Khai giòng nường bóng hồn quê. em xanh xanh gọi trăm bề quanh hieu. tơ vàng sợi nhỏ chất chiu. dư hương em có như điều thủy chung...* Mồ hôi rịn vã ra hai bên thái dương. Tôi muốn dừng, nhưng không điều khiển bàn tay tôi đang bị thơ lên cơn đề ép. Cảm xúc thần kỳ ma muội chen lẫn ôm theo đầu đó trong hồi ức hình ảnh tất hiện loang loáng như tia chớp của cơn giông đã đẩy tôi thả xuống mặt giấy non một trăm câu lục bát.

Khi nguồn hứng đã cạn, tôi nghe bàn tay cầm bút của mình như không còn cảm giác. Nhưng bù lại, thần hồn tôi thư thái nhẹ nhõm lâng lâng. Tôi đan hai bàn tay lại với nhau, vắn vẹo cho bớt tê mỏi, rồi mỗi cho mình một liều thuốc, ngả người ra thành ghế lim dim. Tôi nghĩ lại những giòng chữ vừa tuôn trải ra xong. Mai hậu, nó sẽ là gì, tôi

không biết. Nhưng nó từ tôi đi ra, thì nó chính là tôi. Là hồn là xác, là tinh hoa là cặn bã, là xương máu tôi. Hút xong liều thuốc, khói nồng khiến tôi cơ hồ tỉnh lại. Tôi định tâm nhìn xuống những giòong lục bát vừa mới ghi xong. Tôi ngờ ngợ. Câu thứ ba không giống như cảm xúc tiên khởi, khi tôi còn ngồi trên hầm cầu. *ta buồn theo bóng mây qua*. Tôi đã viết xuống như thế thay vì không lời như bóng mây qua. Tôi đã bị nỗi buồn đeo đẳng bám siết. Tôi biết mây trời kia đâu có tội tình gì mà tôi bắt phải chuyên chở nỗi buồn mình. Nhưng mà kệ. Cảm xúc ban đầu tuy tròn vẹn nhưng nó ở ngoài tôi. Tôi đọc lại một lượt, không ngờ trong cơn kích ngất, chữ nghĩa tôi lại ba động như thế. Nó là đất đá, nó là bão lửa đã trì đọng trong hồn tôi bấy lâu nay, giờ mới phôi dựng được hình hài. Tôi nghe lồng ngực mình nghèn nghẹn. Cảm giác nhẹ nhõm đã tan biến. Bồi hồi trở dâng lên. *phong trần sân hạnh ban trưa. ngô tre bóng động có vừa vó câu. rời ga hơi hướng lên tàu. chìm theo khói lặng ban đầu tuyết trinh. trần truồng hát giữa vô minh. ta ngồi lại với thân mình vô ngôn...* Minh là tri kỷ của mình, hay mình không bao giờ là mình. Trong thân xác này đang được ký thác bởi những âm hưởng, thần tích từ những phương trời phương đất nào. Tất cả như đã biến thành hơi may tan đi tan đi.

Tôi xếp tập bản thảo, nghe lòng ái ngại. Mới đầu, mấy chục câu tưởng là nhiều, nhưng đọc rồi mới thấy chẳng được bao nhiêu. Tôi lỡ bước thì bước luôn. Khái niệm phải hoàn tất một trường khúc nổi lên trong đầu óc. Tôi nhủ lòng hãy hàm dưỡng, đừng hối hả. Cảm xúc khi chín mộng thì sẽ bật lên thơ. Vội vàng chi, vô ích. Thế là tôi ở trong trạng thái tĩnh thần thường trực ứng chiến. Đi đâu, tôi cũng mang theo tập bản thảo Giữa Triều Hận Reo.

Ma đưa lối quỷ dẫn đường, hay tận trong sâu thẳm vô thức tôi đã được điều động bởi truyền thống cũ. Tôi đã ngốc nghếch đâm đầu vào sự trói buộc của thể thơ sáu

tám. Đó là thể thơ biểu trưng dính liền theo việt nam tính. Một câu hò một điệu về một nhịp chầu văn cũng khởi từ dạng thức vần điệu lục bát quen thuộc này. Lục bát khó thành công ở chỗ là tuy dễ dàng buông thả, nhưng khó đạt đến được tuyệt đỉnh thần tính của ngôn ngữ. Như lời tụi bạn văn nghệ tôi bình phẩm. Dễ làm mà khó hay. Nhìn lại nền văn học cổ điển của mình cũng thấy rõ chứng luận này. Đa số truyện thơ thời trước đều được tạo nên bởi mắc xích của thể lục bát. Vần cuối của câu lục hiệp với vần thứ sáu của câu bát, từ đó khởi thành điểm tựa và đòn bẩy để đẩy đưa vần điệu ra đi. Cái hay là nặng âm hưởng tình tự đất nước, dễ lắng dễ sâu dễ chìm vào thần thức người thưởng ngoạn. Cái không hay là nếu người viết thiếu cảm xúc tài hoa, thì câu lục bát sẽ trở nên ngô nghê sa đà tràn lan qua âm hưởng của câu về dân dã.

Vì niêm luật chặt chẽ, nên chi thể lục bát trói buộc ngôn ngữ trong giới hạn nhất định. Chỉ cần thiếu một trong hai khả năng là tài hoa và kỹ thuật thì thể thơ sẽ chậm ì và nặng nề theo tự sự của chuyện kể. Như Nguyễn Đình Chiểu trong tác phẩm Lục Vân Tiên. *Chuyện chàng thì hãy còn lâu. chuyện nàng xin lại từ đầu nói ra...* Bạn tôi, Dương Uyển Châu, sau khi chiêm nghiệm tìm tòi qua sách vở, đã phát biểu. Thể lục bát bất cứ người Việt Nam nào làm cũng được. Nhưng không thể hồ đồ gọi tất cả âm điệu của thể này là thơ. Có những câu lục bát là thơ, nhưng có những câu lục bát chỉ có nhiệm vụ là chứa đựng diễn tả sự kiện bằng văn vần. Châu đã cẩn thận trích dẫn từ Đoạn Trường Tân Thanh, Hoa Tiên, Bích Câu Kỳ Ngộ... để chứng minh. Chẳng hạn như trong Truyện Kiều, bạn tôi cho đoạn mở đầu chỉ là âm điệu lục bát chứa đựng diễn tả sự kiện. Tôi đã chú tâm nghe, nhưng vẫn thấy bất ổn của luận cứ này. Nói bạn tôi đúng cũng được, mà không đúng cũng được. Tôi lại dằng co trong suy nghĩ mình. Nhưng sau bình tâm lại, tôi thấy quan niệm của bạn nặng lý trí, hơn nữa đó mới chỉ là một mặt của vấn đề.

Bằng chủ quan, tôi thấy không phải chỉ là thể lục bát, mà bất cứ thể thơ nào cũng vậy, nó đều ẩn chứa hai mặt. Đó là sự kiện và thần hồn. Nếu ôm đồm nhiều sự kiện mà nhẹ thần hồn thì câu thơ mang nặng tính diễn tả. Ngược lại, thần hồn phủ chụp lên để điều động sự kiện rồi gây nên cảm xúc day dứt bất tuyệt cho người đọc, thì đó là thơ. Điều chính yếu chi phối một sáng tác thơ là bản sắc cá tính tài hoa của tác giả, như một sự quyết định tối hậu để cho người đọc thấy đâu là hay, đâu là không hay. Nói vậy nhưng không cùng, tôi chẳng thể nường tựa vào mở kiến thức hạn hẹp của mình để hàm hồ thêm. Với tôi, tâm hồn năng khiếu cảm xúc... là điều kiện bắt buộc cho sự thành công hay thất bại của tác phẩm. Còn kỹ thuật thể loại chỉ là phương tiện chuyên chở.

Nên chi, tôi an nhiên tiếp tục Giữa Triền Hận Reo. Tôi chắc chắn rằng nếu tâm hồn mình khác, hẳn nhiên sẽ đẩy thơ tôi bất theo con đường khác với người đi trước. Tôi không sợ về điều gọi là trùng lặp, xào đi xào lại mớ ngôn ngữ đã cũ. Tôi chỉ lo cho nội tại tâm hồn tôi là kẻ nhai lại. Điều này cũng như trò chơi. Không chơi thì thôi. Nếu nhập cuộc thì phải chơi tận chơi cùng bằng trò chơi mới. Khó chỗ đó mà thú vị cũng ở chỗ đó.

Trên bất cứ lãnh vực hoạt động nào cũng vậy, tiền nhân bao giờ cũng rộng bước hơn hậu sinh. Trong sáng tác văn chương, tôi là kẻ đi sau. Nhìn lại quá vãng đã thấy đông đặc hàng hàng cổ thụ che khuất cả một vùng trời, tàng lá trùm lấp luôn những thảo mộc phụ thuộc ở phía dưới gốc. Tiềm năng tôi một thời nao lại nổi dậy. Kính trọng nhưng bất phục. Tôi phải vạch cho mình một lối đi riêng. Phải tìm đến nơi chưa có ai. Bất chấp đó là nơi khô cằn hay phì nhiêu màu mỡ. Phải độc lập, gan dạ trên bước đường mình. Rồi được hay không về sau sẽ hay.

Trong tôi như khoảng trống, nhưng là khoảng trống loạn lạc. Nó chẳng có một giây phút nào chịu yên vị dù ngay cả hơi thở mọn. Tôi buồn tôi vui cũng bất chợt bất thường.

Bạn tôi có đứa nhận xét tôi là tay gà tàng hoặc mát mát. Tức là tính khí tôi như hai mũi điện âm dương va chạm chớp lửa bất kỳ lúc nào, bất cứ ở đâu. Có đứa tỏ vẻ cảm thông hơn thì bảo. Thi sĩ thì phải như thế. Nhịp điệu của thi sĩ là nhịp điệu của trời đất. Tôi không đồng tình với một phía nào, mà đôi khi còn thấy tội nghiệp cho suy nghĩ của bạn mình. Bạn theo đời thường thì làm sao dung chấp được tôi. Lắm lúc tôi lại đùa. Có chi mô, tau chẳng giống tui bây. Vì tau được nuôi dưỡng bởi một thứ máu khác. Bởi lẽ tôi cảm nhận được những gì mà thiên hạ hoặc bằng hữu tôi không thể với tới. Thảng hoặc những điều mà tôi cho là nhẹ thì thói đời cho là mục đích. Những điều mà tôi không quan tâm thì chung quanh lại đang hì hục để đạt đến. Những tương tranh hèn mọn mà cuộc sống bày ra như một ràng buộc phải có cho nhân giới, tôi lại vô cảm bất chấp. Nói thật nhiều khô, nhưng tựu trung, qua những nổi trôi như thế tôi mới nhận chân được chính mình rõ hơn. Dù rằng cuộc sống này có tôi đang đến, nhưng lắm lúc tôi thấy mình đã ra đi từ bao giờ. Trần gian mông mênh, tại sao phải hướng tâm mình vào những giới hạn chật hẹp. Tôi chưa vững bước, nhưng đã như trời đất, tôi muốn bay, muốn trôi dạt. Tâm thế tôi là lửa hay là nước. Dù là hình thái nào thì đó cũng là tôi.

(*Trích tự truyện Thâm Lặng Trời, Thâm Lặng Đất*)

Giữa Triều Hận Reo (trích)

(huế, việtnam - 1972)

cỏ yên tĩnh ngủ trên đồi
dưới hồn rêu mục đâm chồi kết hoa
không lời như bóng mây qua
đầy hoa bướm gọi chan hòa đỉnh cây
cuối ngàn tình dụ say ngây
đành như đêm buốt sau này hạ phân

từ khi nằm gọi vô ngần
mai yên vọng đó trăm phần hoang vu
tịch nhiên hình thoáng sương mù
một con chim nhỏ buồn thu rụng vàng
đại hồ vỡ nhịp hoài mang
sờn vai áo lạnh điều tàn cõi xa
tay em vờn mộng thật thà
truyền thân hịch vọng hồn ma đại quần

em về nhập huyết đồng bằng
ngày sau núi vỡ đêm rằm tháng giêng
khi đời heo hút vô biên
thì em cũng đã theo triền hện âm
ta nằm trên lửa thanh tâm
hót vang điệu sáo trầm ngâm gọi về
khai giòng nường bóng hồn quê
em xanh xanh gởi trăm bề quạnh hiu
tơ vàng sợi nhỏ chất chiu
dư hương em có như điều thủy chung
cơn say ta bỏ lên rừng
cùng mưa khỏa thể hát mừng thiên nhiên
chiều qua tím đỏ lâm tuyền
trời cao biển rộng đầy thuyền cảm hoa
hoàng liên ghen giữa sơn hà
đầm đầm thủy khúc mắt ngà đỏ hoe
ngùi thân một bước nào nề
này em ngủ lại hện thể dấu chân
giữa đường thu nguyệt hồ vân
hồng lam bạc phấn hương tần phôi pha
lần tay tính chuyện quê nhà
năm năm sóng gợn giao hòa tơ mạng
phương người chìm nổi cách ngăn
cành can qua động bóng trăng ngậm ngùi
trong thân còn máu ngọt bùi
nghe chừng mỗi một chân lùi bước sau

nắng hờn từ buổi mưa mau
ơi em có ngại qua cầu sớm trưa
gửi trao biết mấy cho vừa
đầu truông mưa núi lạnh đưa mình về
hạ sâu cô tịch sơn khê
thu phân ta vẫn vui thề hẹn chung
lần sau êm ấm vô cùng
lần xưa hẹn lại ngập ngừng sương loe
em còn giữa má môi se
vầng trăng mắc biếc e dè lẫn nhau
lời kinh nguyện thuở u sầu
tình ưu mẩn nở trên đầu yên ương
tay ngà một nếp văn chương
thôi em đã dậy trăm đường chiêm bao
mình thương thương tự đêm nào
vườn hồng hạ đổ ngọt ngào cõi xưa
phong trần sân hạnh ban trưa
ngõ tre bóng động có vừa vó câu
rời ga hơi hướng lên tàu
chìm theo khói lạnh ban đầu tuyết trinh
trần truồng hát giữa vô minh
ta ngồi lại với thân mình vô ngôn
huyền xanh nắng ruộng mưa cồn
sầu đưa biển trắng triều môn một phơi
này em dựng đá trong người
này em đá dựng muôn lời lửa reo
khi về tình cũng về theo
trăng khuya nhập lạnh mái chèo tĩnh băng

Ghi chú của TQBT: Giữa Triền Hạ Reo là trường khúc lục bát gồm 320 câu của Nguyễn Đức Bạtngàn. Anh viết vào khoảng tháng 10 năm 1972 ở quê nhà (Huế). TQBT trích đăng ở trên gồm 68 câu thuộc phần đầu của trường khúc GTHR do anh sáng tác..

Trần Ngươn Phiêu

Mùa vu lan nhớ ngoại

Triệu mồ côi mẹ rất sớm, khi chưa tròn năm tuổi. Mẹ Triệu vốn thuộc một gia đình công chức khá giả, lớn lên ở Sài Gòn nhưng sau khi có chồng thì về làm dâu ở Mỹ Long, một làng nhỏ thuộc quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc, ven biên Đồng Tháp Mười. Nơi đây là một nơi thực sự quê mùa, xa thành phố Sa Đéc cách hai nhánh sông lớn Hậu Giang. Từ Sài Gòn xuống, đường bộ không đi ngang qua làng. Thuở đó con đường từ An Hữu, sau khi qua bến Bắc Mỹ Thuận, đi đến quận Hồng Ngự chưa được xây cất như trong thời Đệ nhất Cộng Hòa. Dân trong làng nếu không có dịp ra tỉnh thì chưa biết được hình dáng một chiếc xe hơi ra làm sao!

Ông nội Triệu là một nhà nho, quê ở Hà Tĩnh vào Nam để theo ông Bác của Triệu bị Pháp xử lưu đày ở Nha Môn (Sa Đéc) vì tham gia hoạt động trong phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục. Nhiều nhà cách mạng khác cũng bị Pháp chỉ định cư trú như cụ Vũ Hoành ở Sa Đéc, cụ Dương Bá Trạc ở An Giang, cụ Phan Tây Hồ ở Định Tường ... Từ Hà Tĩnh, ông nội Triệu đã đi bộ vào Nam tìm người anh cả. Cuộc hành trình này là một giai thoại được con cháu thường nhắc nhở trong gia đình. Ông nội Triệu đã lãnh trách nhiệm dạy học ở làng và đã lập nghiệp ở đây, vừa làm vườn vừa làm ruộng. Cả làng đều gọi ông là Ông Giáo.

Cha Triệu là một tư chức làm việc với Pháp có được cơ hội giúp việc khi Pháp thành lập các khách sạn lớn như Continental, Majestic ở Sài Gòn, Langbiang Palace, Hôtel du Parc ở Đà Lạt. Lúc Triệu ra đời thì cha Triệu đã trở thành chuyên viên nên được chỉ định phụ trách các khách sạn ở Siemréap, Đế Thiên Đế Thích và nhà hàng Bokor ở Campuchia. Mẹ Triệu vì có hai con còn nhỏ nên

chưa theo chồng được, phải về quê làm dâu. Từ một nơi phần hoa là Sài Gòn về chốn quê mùa, mẹ Triệu vẫn thích nghi được với cuộc sống mới. Từ một cuộc sống tương đối theo lối Âu tây trong một gia đình công chức, mẹ Triệu vẫn sinh hoạt bình thường trong một gia đình Nho giáo theo lề lối sống khắc khe.

Vì mất mẹ khi còn quá nhỏ, Triệu chỉ còn nhớ mang máng được hình ảnh mẹ như khi mẹ xắt chuối nuôi heo hay xay lúa, giã gạo, sàng gạo với các cô ...Chỉ có một lần được mẹ tắm ở giữa sân, khi gội đầu bằng xà bông, Triệu đã nhắm chặt mắt chờ khi mẹ xối nước xong mới dám vuốt mặt, mở mắt ra. Nắng chiều chiếu qua các giọt nước còn đọng trên mi, mặt mẹ Triệu cúi gần mặt Triệu, nên khi mở mắt Triệu thấy hình ảnh mẹ lung linh tuyệt đẹp. Bảy chục năm về sau, mỗi lần hồi tưởng nhớ mẹ, Triệu vẫn còn giữ mãi nét mặt của mẹ qua ánh nước lóng lánh của buổi chiều ngày đó.

Nhưng rồi, một hôm, mẹ Triệu trở bệnh nặng, hôn mê nhiều ngày. Triệu và em được cho ngủ riêng với các cô. Một buổi chiều, mẹ Triệu hồi tỉnh lại, các cô đưa anh em Triệu khép nép vào thăm mẹ. Nhưng đó có lẽ là những phút hồi dương ngắn vì sáng hôm sau, các cô khóc sụt sùi đánh thức anh em Triệu dậy và cho hay “ Mẹ đã mất rồi”. Vào tuổi đó Triệu thấy người lớn khóc nên cũng khóc theo, nào có hiểu mất mẹ là gì! Cả nhà rộn rịp, rối rắm lo việc tẩm liệm. Trưa hôm đó, không ai còn thì giờ lo cho anh em của Triệu. Hai anh em đều thấy bụng đói cồn cào nhưng không dám nói cho ai biết đành rủ nhau nằm vắt vẻo ở cầu thang vì nhà ông nội Triệu được cất theo loại nhà sàn cao, theo lối nhà người Miên. Sau cùng có người nhận thấy, nhớ là quên cho anh em Triệu ăn mới lo cho hai đứa nhỏ vừa mất mẹ. Đó là lần đầu tiên Triệu mới nhận thức được thân phận mồ côi của mình !.

Mẹ Triệu được chôn ở thửa ruộng trước nhà không xa. Chiều chiều Triệu vẫn ngồi trước nhà nhìn ra mả mẹ. Bên

mộ thấy có trồng một cây chuối, vì hình như mẹ Triệu chết trong lúc đang mang thai. Nghe người lớn bàn: khi chuối trở buồng, lúc đó là em Triệu sẽ được sanh ở côi âm? Trước mộ, Triệu còn thấy con chó tên Nết mà mẹ Triệu thường chăm sóc cho ăn mỗi ngày đang nằm ủ rũ. Con chó trung thành đó vẫn ra nằm nhiều ngày bên mộ mẹ Triệu!

Khi mẹ Triệu trở bệnh nặng, ông ngoại Triệu được thông báo nên hấp tấp về thăm, nhưng khi đến nơi đã thấy áo quan đang được chuẩn bị sơn đỏ khiến ông đã ngất xỉu, bộ Âu phục đang mặc bê bết màu sơn. Sau buổi chiều mẹ Triệu đã được chôn cất, ông đã ở lại đêm để chờ đến sáng đáp chuyến đò trở qua Sa Déc. Đêm đó ông đã thao thức không ngủ được, đưa mắt nhìn ánh đèn dầu trên bàn thờ vừa mới dựng lúc ban chiều cho mẹ Triệu. Chiếu đèn đó là một loại đèn dầu rất tốt, hiệu Hirondelles mà ông ngoại Triệu đã mua của hãng Armes et Cycles de Saint Étienne ở Pháp để tặng mẹ Triệu vì biết mẹ phải về sống ở nơi quê mùa, không có ánh đèn điện. Ánh đèn tốt như thế lại bỗng nhiên bị tắt. Ông ngoại Triệu đang thức nên đã đốt lại đèn hơn hai lần trong đêm, nghĩ rằng có lẽ bướm đêm đã lọt vào bóng đèn làm đèn tắt, nhưng rồi ông lại nhớ khi chưa về nhà chồng, mẹ Triệu ngày trước cũng thường hay tắt đèn như thế để ông được ngủ an giấc. Cả nhà vì thế thường tin tưởng là mẹ Triệu đã chết khi còn quá trẻ, chưa đến 24 tuổi, mà lại đang mang thai nên rất linh hiển!

Năm mẹ Triệu chết là lúc thế giới đang ở vào thời kỳ khủng hoảng kinh tế trầm trọng. Thương mãi, mùa màng ruộng vườn... đều không đem lại đủ lợi tức cho dân chúng. Cha Triệu đang có được chỗ làm ăn tốt phải trở lên Cam Bốt tiếp tục hành nghề. Ông, Bà ngoại Triệu đã thuyết phục bên nội Triệu để đem hai anh em Triệu về nuôi nấng.

Thế là Triệu có được cơ hội từ biệt nơi thôn dã để đến

sinh sống trong một môi trường mới, nhộn nhịp tiếng người và xe cộ. Ông ngoại Triệu lúc ấy được thuyền chuyển về tỉnh Vĩnh Long, không xa Sa Đéc bao nhiêu nhưng đối với tuổi thơ của hai anh em Triệu, đó là cả một cuộc thay đổi to lớn.

Thành phố Vĩnh Long không lớn lao gì, xe hơi không có được bao nhiêu chiếc, phần nhiều là xe của các cơ quan chánh phủ hoặc các xe lô, xe đồ...Hai anh em Triệu rất thích ra trước nhà ngắm các loại xe tự động, nhất là những ngày mưa để nhìn các quạt nước nhịp nhàng đều đặn lau các kính xe. Đặc biệt vào thuở ấy, phương tiện di chuyển, ngoài loại xe kéo, tư nhân còn có thể mượn một loại xe ngựa, được gọi là xe song mã. Loại xe có hai ngựa kéo này trông rất thanh nhã nay còn được thấy ở Pháp hay Mỹ, nơi các thắng cảnh có nhiều du khách muốn được ngồi xe rong chơi theo lối nhân hạ thời xưa. Loại xe này được trang bị loại chuông báo hiệu do người lái xe đạp bằng chân, tiếng chuông ngân lớn nhưng rất êm tai.

Triệu không quên được buổi cơm chiều đầu tiên khi được đưa về sống bên ngoại. Ông Tám, người bếp già của ông ngoại Triệu, rất vui mừng khi thấy trong nhà có thêm hai đứa trẻ thay vì chỉ toàn là người lớn như từ trước đến nay. Triệu được cho ăn món súp đầu tiên, trong súp có bỏ thêm nhiều miếng bánh mì nhỏ chiên; nhưng cả hai anh em Triệu đều ngồi ngẩn ngơ, chỉ vớt ăn các miếng bánh mì nào còn giòn, chưa thấm nước súp nhiều. Ông bếp Tám thất vọng khi thấy hai thực khách tí hon không biết thưởng thức món súp đặc biệt của ông. Triệu thú thật là ăn không được vì vị quá lạ, nuốt không vô. Lúc ấy cả nhà mới vỡ lẽ là hai đứa nhỏ nhà quê ở làng nên chưa bao giờ miệng lưỡi lại được nếm mùi thịt bò và mỡ bò! Từ đó, cả nhà thỉnh thoảng vẫn hay đùa gọi anh em Triệu là các cháu nhà quê. Mà quả thật anh em Triệu quá quê vì đã sống trong một làng nhỏ, ít khi được đưa đi chợ, mặc dầu là chợ làng. Lần đầu tiên được bà ngoại dẫn đi ăn mì,

Triệu thấy món ăn này sao mà mùi vị ngon đến thế. Cả đến hôm được dẫn đi mua sách vở và cặp để chuẩn bị nhập học, ông chủ tiệm bán cặp da tặng cho một viên kẹo caramel sữa-cà phê. Khi ngậm viên kẹo mới nhận thức được hương vị thần tiên của viên kẹo ngoại quốc đầu đời! Ba năm theo học các lớp tiểu học ở Vĩnh Long là ba năm được tiếp xúc với các bạn bè nhiều giới. Triệu lại có tánh hay thích kết bạn, gặp ở lớp chưa đủ, ngày nghỉ thế nào cũng tìm cách đến nhà để tiếp tục bày trò. Triệu rất thích một anh bạn có cha làm nghề sửa xe hơi vì nhà anh có bao nhiêu là viên đạn sắt đủ cỡ, bao nhiêu cơ phận máy móc hư phứt thải... Triệu còn một anh bạn khác tên Long, cũng mồ côi mẹ, cha là một y sĩ phải đi hành nghề xa quê. Long cũng như Triệu, được gởi ở với bà ngoại. Vì cùng cảnh ngộ nên Long và Triệu thường gặp nhau trong các ngày nghỉ. Thật ra, việc tình cảnh gia đình Long là do bà ngoại Triệu tìm ra. Như đã nói ở trên, Triệu có tánh thích kết bạn nên cuối tuần là tìm đến nhà các bạn. Vì tánh mê chơi nên quá buổi trưa thường hay quên trở về nhà. Có lẽ vì Vĩnh Long là một thành phố nhỏ, mà bà ngoại Triệu lại có nhiều người quen nên những lần Triệu đi quá giờ như vậy, tuy không cho nhà hay trước nhưng rồi bà ngoại Triệu cũng tìm ra được nhà các bạn Triệu. Mỗi lần đi tìm cháu, bà ngoại Triệu thường hay ở lại chuyện trò nên thường biết thêm gia cảnh của các bạn Triệu. Việc người lớn quen nhau qua con cháu nhiều khi cũng giúp bạn bè Triệu được thuận lợi. Như có một lần, Triệu đã tìm cách lân la với một bạn học chỉ vì biết anh bạn này có nuôi nhiều gà tre, loại gà rừng nhỏ con mà giới trẻ rất thích. Có một lúc vào ngày lễ, thầy giáo lại cho một lô bài toán cho học sinh phải làm trong các ngày nghỉ. Anh bạn này vốn yếu về toán nên rủ Triệu đến nhà để cùng làm bài. Anh cũng có hứa sẽ tặng cho Triệu một con gà để đem về nuôi. Đến mãi xế trưa, sau khi đã giúp làm xong các bài toán, anh bạn này mới lựa cho Triệu một con gà

bé tí teo, mà lại là một con gà mái! Triệu thất vọng quá nhưng không dám nói ra. Nhắm lúc ấy bà ngoại Triệu lại đi tìm cháu và được hướng dẫn đến đúng nhà bạn Triệu. Như thường lệ, bà ngoại Triệu bắt chuyện với gia đình bạn Triệu. Trong câu chuyện ngoại Triệu có cho gia đình bạn biết là sáng trước khi đi, Triệu có cho bà biết là hôm đó Triệu có một bạn hứa đến nhà anh ấy “lấy gà”. Ngoại Triệu đã dạy Triệu là phải nói “ đến nhà bắt gà, chứ không ai lại nói: đến để lấy gà”. Mọi người đều cười ồ về việc dùng sai danh từ của Triệu và kết cuộc câu chuyện là gia đình bạn Triệu bắt anh phải tặng thêm cho Triệu một anh gà trống đang hoàng cho “đủ cặp”!

Ông ngoại Triệu là một trong những người được huấn luyện đầu tiên về ngành họa đồ nên thường được đổi đi rất nhiều tỉnh để đo đạc đất đai ở miền Nam. Vì vậy nên Triệu tuy còn nhỏ tuổi nhưng trong các câu chuyện nghe được trong gia đình, nhiều địa danh các làng mạc, sông ngòi, kinh lạch ...đã in vào tiềm thức Triệu. Sau này khi phải di chuyển đó đây trong thuở Kháng chiến Nam bộ hay trong thời gia nhập Hải Quân, những nơi như Cầu Kè, Cầu Ngang ở Trà Vinh, Hàm Luông, Mỏ Cày, Giồng Trôm ở Bến Tre, Đầm Dơi, Năm Căn, Cái Nước, Sông Ông Đốc ở Cà Mau..., các nơi đó đối với Triệu tưởng chừng như là những nơi đã từng biết trước!

Khi đáo tuổi hồi hưu, Ông ngoại Triệu trở về quê quán ở Biên Hòa. Từ nơi đô thị tỉnh nhỏ là Vĩnh Long, Triệu bắt đầu làm quen với lối sống nửa tỉnh, nửa quê ở Phước Lư, một ấp nhỏ bên dòng sông Rạch Cát, cách tỉnh lỵ Biên Hòa khoảng bốn cây số. Ông ngoại Triệu quê quán nhiều đời ở Cù Lao Phố, bên kia bờ Rạch Cát và được thừa kế nhiều ruộng vườn ở đó. Tuy nhiên vì là một công chức thường phải luân lưu sống xa quê nên ruộng vườn ông ngoại Triệu đã nhường cho các cháu canh tác. Khi về hưu, ông tậu một mảnh vườn ở Phước Lư, bên kia bờ của Cù Lao Phố, một nơi gần tỉnh lỵ Biên Hòa hơn.

Khi di chuyển từ Vĩnh Long về Biên Hòa, ông ngoại Triệu được một người bạn có xe hơi riêng giúp cho mượn để về lại quê. Lần đầu tiên được đi xe Citroen, Traction 15, hai anh em Triệu sung sướng được ngồi xe có nệm êm, không như lúc di chuyển từ Sadéc qua Vĩnh Long bằng xe dò, phải ngồi chật như nêm mà lại bị xóc nảy dựng khi xe qua các cầu nhỏ!

Triệu học hết chương trình Sơ học ở trường tỉnh Biên Hòa. Vào thuở đó, chỉ có ở tỉnh lỵ mới có đèn điện. Phước Lư chỉ cách tỉnh có độ ba, bốn cây số nhưng ban đêm phải thắp đèn dầu để học. Triệu được ông ngoại theo dõi việc học hành và sáng sớm nào ông cũng bắt phải vận đồng hồ báo thức vào 5 giờ rưỡi để ôn lại bài trước khi ăn sáng và lội bộ đến trường. Trong khi đó thì ngoại đi hâm cơm, một phần để ăn sáng, một phần gói ép vào một tấm mo cau để đem theo ăn trưa. Mỗi khuya thức dậy, quẹt diêm thắp đèn học bài, diêm sanh cháy trong không khí trong lành buổi sáng tỏa ra một mùi hương thật đặc biệt. Biên Hòa là xứ núi đá nên buổi sáng nhiều khi rất lạnh. Ép mo cơm nóng vào ngực khi đi đường vào sáng sớm, nghe hơi ấm chuyển vào mình là một thú vị khó quên của Triệu.

Về được Biên Hòa, khác với lúc ở Vĩnh Long, Triệu có được cơ hội cùng với các bạn, đi xa hơn vào các thôn xóm, sông rạch. Vớt cá thia thia thì được các bạn hướng dẫn đến vớt ở con suối chảy quanh chùa Xóm Hóc Măng Tre vì cá ở suối đá hay hơn cá vớt ở ruộng. Trái cây rừng như gùi, bứa, sim, dâu...có thể kiếm ê chề nếu biết thắp tùng các thợ đi đốn củi ở rừng Vĩnh Cửu. Nước sông Đồng Nai đặc biệt rất trong xanh, so với nước đục nhiều phù sa của sông Cửu Long. Nhìn nước là đã muốn lội tắm rồi. Nhà ở ven sông, đặc biệt khúc sông Đồng Nai bao quanh Cù Lao Phố rất hiền hòa nên Triệu đã mau chóng bơi lội khá giỏi. Sau này vào Hải Quân, được huấn luyện thành thạo hơn nên Triệu đã giúp trường Quân y Hải Quân Pháp đoạt nhiều giải. Khi ở Biên Hòa Triệu đã nhiều lần

lén nhà lòi ra Cù Lao Rùa tìm các “lưỡi tầm sét” đem về nhường lại cho các gia đình có con mắc bệnh kinh phong! Dân chúng thường vẫn hay tin tưởng là đặt lưỡi tầm sét trên đầu giường hay mài lấy nước uống sẽ giúp các trẻ tránh được bệnh này? Cù lao Rùa trên sông Đồng Nai là nơi trú ẩn an toàn cho những người tiền sử xử dụng đồ đá làm khí giới nên ở nơi đây, lưỡi tầm sét rất dễ tìm.

Cũng vì mê đi chơi như vậy, nhất là đi bắn chim bằng ná thung nên có một lần Triệu đã bị một trận đòn nhớ cả đời. Vào thời ấy Triệu có một bạn là Lương Khánh Chí, có biệt tài bắn ná. Đi bắn chim với anh đó thì không bao giờ trở về tay không vì nếu Triệu bắn trật thì anh sẵn lòng tặng chim lúc trở về nhà. Vào một thời nghỉ lễ Tết, hết việc đi đánh bầu cua cá cộp Triệu lại chỉ lo vò đạn đi bắn với anh Chí, quên lo việc làm bài thầy giáo đã ra đề trước để làm trong các ngày nghỉ lễ.

Hôm hết lễ đi học trở lại, bài không làm kịp nên sáng đó Triệu than bị đau bụng để khỏi đi học. Bà ngoại cứng cháu nên đồng ý nhưng ông ngoại đang làm việc ngoài vườn, thấy Triệu còn nằm nhà nên hỏi lý do. Ông bảo đưa tập vở ra xem, khi thấy Triệu chưa làm xong các bài, ông bắt Triệu phải đi học ngay. Ông căn dặn khi đến trường phải ghi sổ xin đi khám bệnh viện nếu thật sự còn đau. May thay hôm đó thầy giáo không xét bài của Triệu nên Triệu cũng khỏi xin đi “khám bệnh”. Chiều hôm đó về nhà, Triệu tưởng là thoát nạn, đâu có ngờ ông ngoại vẫn hạch hỏi xem thuốc nhà thương cho cất đâu? Triệu phải ăn một trận đòn về hai tội: tội nói láo để trốn học vì không làm bài và tội thứ hai là ham bắn chim, mê cờ bạc, đổ đen ngày Tết.

Nhờ được uốn nắn như vậy nên sau này Triệu mới học đến nơi đến chốn. Lúc còn là sinh viên ở Pháp, Triệu có một bạn người xứ Ba Tư tên Charroki, rất thông minh, hoạt bát, sành đời. Anh ta là một tay biết nhiều mảnh lới cờ bạc nhưng anh có chủ trương chỉ cốt ăn thua đủ để có

tiền đi coi Ciné với Triệu mà thôi. Anh đã truyền nghề cho Triệu nhưng Triệu chỉ tham dự đánh bài nếu đó là cuộc chơi để vui, không có ăn thua tiền bạc. Mặc dầu có thể bị bạn chê là keo kiệt, nhất gan, Triệu đã giữ được lời hứa với ngoại.

Sự lo lắng theo dõi việc học hành của ngoại đã giúp Triệu thi đậu trong kỳ thi tuyển vào Trung học Pétrus Ký. Vì đỗ được hạng cao nên Triệu có được học bổng ở nội trú. Sau khi thi đậu được bằng Thành chung, nhiều người trong họ hàng khuyên Triệu nên đi kiếm việc làm để nuôi nấng lại ông bà nhưng ngoại nhất định không chấp thuận, khuyên hãy tiếp tục vì có đà học đang tiến. Ông bà chấp nhận vẫn có thể sống với huê lợi ít ỏi của vườn bưởi! Khi Triệu thi đỗ được bằng Tú tài, vì có cơ hội tiếp tục lên Đại học nếu chịu theo học ngành quân y hiện dịch nên Triệu đã được ngoại khuyến khích đầu quân vào Hải Quân.

Đây là một cơ hội hi hữu để được xuất ngoại sang Pháp du học. Ông bà ngoại lúc ấy đã già, không thể qua Sài Gòn đưa cháu nhưng đã tổ chức một bữa cháo vịt là món cháu thường ưa thích để tiễn cháu ra đi!

Ba năm sau thời gian đang du học, Triệu được tin ông ngoại trở bệnh nặng. Sức ông càng ngày càng yếu vì đã phải mang nhiều bệnh khi băng rừng, lội suối lo việc đo đạc khi hành nghề họa đồ. Triệu được em cho hay là ngày ông ngoại Triệu mất, ông vẫn nhắc đi nhắc lại là ông vẫn chưa chết đâu, vì ông còn chờ cháu ông du học trở về! Một tuần sau đám tang, bà ngoại vốn có bệnh yếu tim có lẽ vì buồn não nên đã vĩnh viễn ra đi trong khi nằm nghỉ trên võng!

Triệu được tin buồn trong thời gian hè, đang đi thực tập học môn học bắt buộc của Hải Quân về thuyền buồm ở Trung tâm Huấn luyện ở Socoa, trong vịnh Gascogne miền Tây-Nam nước Pháp. Thấy Triệu bỏ ăn trong nhiều ngày mặc dầu trong phiên học phải có sức đương đầu với sóng, gió biển, Nguyễn Sanh Nghĩa, một anh bạn người

miền Trung rất am tường Phật Pháp đã an ủi Triệu bằng cách nhắc lại những lời Phật dạy về lẽ Vô thường. Anh đã đem các tư tưởng Phật giáo dạy lại Triệu về Sinh, Lão, Bệnh, Tử, về thuyết Luân Hồi, Nhân Quả, Tứ Diệu Đế v. v...

Vào thời ấy ở miền Nam nước Pháp không có chùa Phật. Chỉ ở Paris và ở Marseille mới có chùa mà thôi. Anh Nghĩa nhắc lại Triệu về các lễ Cầu Siêu mà Triệu đã có cơ hội tham dự lúc còn ở bên nhà. Anh đã theo lời hướng dẫn trong quyển Kinh Nhật Tụng nhỏ anh vẫn thường đem theo bên mình để cùng giúp Triệu làm một lễ Cầu Siêu đơn giản.

Sáng sớm Chủ nhật trong tuần đó, Triệu đã lấy xe đạp đi về phía Bắc, lên một cánh đồi ở Guétary. Trong cảnh mặt trời lên buổi sáng, ngồi nhìn về phương Tây, để tâm hồn lắng dịu, vượt qua Đại Tây Dương và cả Thái Bình Dương, Triệu chú lòng làm lễ Cầu Siêu cho ông và bà ngoại. Mặc dầu biết rằng trong các lễ cầu nguyện nên cần có tha lực của nhiều người cùng chú nguyện, nhưng cho đến nay, Triệu vẫn tin rằng lần cầu nguyện đơn côi ấy là lần Triệu thực sự được cảm thông trực tiếp với ông bà ngoại của Triệu.

Sau buổi cầu nguyện, Triệu tiếp tục ngồi lặng yên, tận hưởng những giây phút hiện tại đang được sống giữa cây cỏ, núi đồi, ánh sáng trong suốt buổi ban mai. Triệu lắng nghe tiếng chim hót, Triệu nhìn những con dế hút nước sương trên các cọng cỏ, lá cây ...Triệu chợt thức tỉnh, nghĩ đến những lời dạy của Đức Phật về Luân Hồi, về Duyên Khởi. Những cảnh vật quanh Triệu, từ ánh sáng ban mai đến cơn gió lạnh ở đại dương thổi vào, từ côn trùng đến chim chóc, từ hơi thở đến nhịp tim đang đập mạnh trong Triệu...tất cả đều như hòa hợp duyên khởi nhịp nhàng. Triệu cảm thấy hình ảnh của ông, bà ngoại Triệu vẫn còn tiếp tục sống trong Triệu cũng như huyết mạch của ông bà nhiều kiếp vẫn luân lưu trong thân thể Triệu.

Buổi sáng tinh sương trên đỉnh đồi Guétary hôm đó đã đưa Triệu đến con đường vào ánh sáng đạo Phật và kể từ đó, đã giúp Triệu có một cuộc sống an lạc trong thân tâm. Trở về Việt Nam hành nghề, Triệu đã có dịp chứng kiến các tàn phá, đổ nát, chết chóc trong cuộc chiến tương tàn vì ý thức hệ. Triệu cũng phải như các đồng hương khác, bỏ xứ sau sự thất bại ở miền Nam để ra đi tìm được cuộc sống trong khung cảnh tự do. Trong nỗi đau lòng xa xứ, Triệu nhận thức thấy trong sự rủi cũng có cái may khi chứng kiến sự thành công vẻ vang của giới trẻ về học vấn, sự thành đạt về phát triển kinh tế của những đồng hương đến xứ người với hai bàn tay trắng, sự phát huy Phật Pháp và Thiền Đạo ở hải ngoại...

Sự hủy hoại đau thương trong chiến tranh giữa hai miền Nam Bắc, sự bắt buộc đành bỏ xứ ra đi của dân chúng miền Nam, phải chăng đấy là một cộng nghiệp mà Triệu phải cùng gánh chịu với cả dân tộc?

Đến đất Mỹ, sau mười tám tháng làm lao công ở Bệnh viện Tâm trí ở Austin, thủ đô Texas, vừa đi làm vừa tự học, nhờ ân đức tổ tiên ông bà để lại, Triệu may mắn thi đậu lấy lại được bằng hành nghề y sĩ. Cuộc sống trở lại bình thường như lúc hành nghề ở Việt Nam ngày trước. Thực ra nếu so sánh với điều kiện hành nghề tư trong 15 năm ở khu xóm lao động Thủ Thiêm bên kia bờ sông Sài Gòn, một khu phố nhỏ không có đèn điện, không có nước máy thì các tiện nghi hưởng được ở Mỹ hơn trước cả trăm lần. Tuy nhiên, tuy việc hành nghề ở Mỹ với những dụng cụ tối tân, y dược hữu hiệu đã đem lại nhiều thích thú chuyên môn nghề nghiệp nhưng không thể so sánh với sự mãn nguyện tinh thần khi còn làm việc trong hoàn cảnh thiếu thốn ở quốc nội. Mặc dầu biết mình không tài giỏi trong y nghiệp nhưng Triệu cũng cảm thấy mãn nguyện đã cứu giúp được cho bao nhiêu trẻ em gia đình lao động. Cha mẹ các em không được hướng dẫn y khoa thường thức, nên khi các trẻ con bị chứng tiêu chảy lại sợ không

cho uống thêm nước. Bao nhiêu trẻ trước kia đã không được cứu sống vì trạng thái mất nước trầm trọng khi bị chứng tiêu chảy trong đêm. Cha mẹ không biết cho các em uống để cầm cự cho đến sáng trong khi không thể đem đến bệnh viện được trong giờ giới nghiêm, ghe đò bị cấm đoán không được vượt qua sông Sài Gòn. Những lúc may vá các thương tích cho bệnh nhân dưới ánh đèn dầu “manchon” nóng bức lại đem lại nhiều măn nguyện nghề nghiệp hơn là những khi giải phẫu trong phòng mổ tối tân ở Mỹ có điều hòa không khí vì trong lòng, Triệu vẫn áy náy lo sợ có thể bị thừa kiện sau này...

Triệu đã chọn một thị trấn nhỏ, có một bệnh viện 40 giường để hành nghề. Làm việc ở một làng quê ở Mỹ kể ra cũng có nhiều tiện lợi, ít di chuyển nên tránh được nhiều phiền toái và tai nạn, mọi người đều biết nhau nên tình người vẫn thấy còn được duy trì...Đã từng được dạy dỗ trong tinh thần “tri túc”, nếu “biết đủ là đủ rồi” nên Triệu thích nghi dễ dàng với cuộc sống ở một thị trấn thôn dã.

Trong các bệnh nhân của Triệu có một em bé da đen, lễ phép, rất dễ thương, thường được bà ngoại đem đến phòng mạch chữa trị. Vì được hưởng chế độ xã hội “Medicaid”, khám bệnh miễn phí nên em bé thường đến phòng mạch. Bà ngoại của em bé là một người đàn bà cao niên, ăn nói lễ độ, chừng chặc, đầy phong cách. Khi nhận thấy tình trạng y tế của cậu bé không có triệu chứng gì là bất thường nhưng lại thường xuyên xin khám bệnh nên Triệu đã đoán được là cậu bé chỉ mắc bệnh “sợ đi học”!

Biết chắc là bà ngoại cậu bé vì thương cháu nên nuông chiều, không trị được việc cháu trốn học nên một hôm Triệu xin phép bà để “lên lớp giảng luân lý”. Triệu nói với cậu bé da đen tên Robert Ford: “Cậu hãy trông tôi đây. Tôi thuở nhỏ cũng được bà ngoại nuôi nấng và đã từng được bà ngoại nuông chiều. Tôi cũng từng có dịp

ngán đến trường nên òn ý bà ngoại xin khai bệnh để được ở nhà. Ngày nay tôi đã thành bác sĩ, vì tôi có được một ông ngoại cứng rắn, bắt tôi phải đến trường khi không có bệnh. Kể từ nay nếu tôi xét thấy anh thật sự bị bệnh thì tôi sẽ trị bằng thuốc chích cho mau lành, thay vì cho thuốc uống!”. Từ đó quả thật cậu bé ít thấy đến chữa bệnh hơn trước và Triệu vẫn giữ lời hứa: mỗi lần đến chữa bệnh Triệu vẫn tìm cách chích thuốc nhưng vẫn cho thêm toa thuốc uống.

Vào khoảng năm 1997, lúc đó Triệu đã di chuyển phòng mạch đến thành phố lớn Amarillo trên hơn mười năm. Một buổi trưa sắp đến giờ nghỉ, y tá cho Triệu hay có một bác sĩ muốn xin vào thăm. Trên danh thiếp thấy đề tên Robert Ford! Thật đúng là cậu bé da đen của Triệu ngày trước. Vì có việc qua ngang Amarillo nên anh đã tạt qua thăm Triệu. Hiện anh còn đang phải thực tập chuyên khoa. Bà ngoại anh đã mất khi anh chưa ra bác sĩ. Anh lại cho Triệu biết hôm nay anh đến thăm Triệu tình cờ lại trùng với ngày ngoại anh đã mất, ba năm về trước. Triệu cũng cho anh hay là ông, bà ngoại Triệu cũng đã mất trước ngày Triệu tốt nghiệp trở về xứ. Vì vậy, ngày nay mỗi lần ngồi lái xe, nhớ lại thời sung sướng lần đầu tiên được đi trên chiếc xe Traction Citroen 15 trên đường từ Vĩnh Long về Biên Hòa, Triệu vẫn thấy lòng hối tiếc không được dịp đưa ông bà ngoại Triệu bằng chiếc xe nhà để dạo chơi ngắm cảnh.

Triệu mời Robert cùng đi dùng cơm trưa. Triệu cũng nhắc Robert là ngày trước bà ngoại anh thích món bông cải cauliflower dứt lò với sữa tươi và cheese. Triệu biết như thế vì đã có lần chữa trị cho bà. Bà đã phải khẩn cấp vào bệnh viện vì không tiêu hóa được món đó khi ăn vào buổi tối nên bị chứng nghẹn thở khi đi nằm. Triệu đã từng khuyên bà chỉ được ăn món đó vào buổi trưa mà thôi vì theo lịch sử y khoa, nhiều cụ già đã chết vì ăn cái món khó tiêu ấy trước khi đi ngủ. Robert cũng đồng ý là bà

ngoại anh có bí quyết nấu món ấy rất ngon nhưng từ ngày suýt chết vì món đó, bà đã ít khi nấu cho gia đình.

Triệu đưa Robert đến một quán ăn Triệu thường đến và dẫn trước nhà bếp: khách có gọi món gì thì gọi, phải có thêm món bông cải dứt lò với phó mát. Triệu căn dặn người dọn bàn là Triệu sẽ trả thêm cho một phần ăn và phải dọn cho cả ba thực khách. Robert rất ngạc nhiên khi thấy người dọn bàn sắp xếp muống, nĩa, khăn ăn cho ba thực khách và hỏi Triệu về người thực khách thứ ba chưa thấy đến.

Triệu giải thích cho Robert biết rằng theo lễ lối tín ngưỡng Việt Nam, vì hôm nay đúng là ngày qua đời của bà ngoại Robert, nên Triệu muốn làm lễ giỗ, cầu Bà về cùng ăn với Robert. Anh chợt hiểu và khi nhà bếp đem đặt thêm trên bàn món bông cải, anh đã phải cố nén giữ khỏi khóc khi Triệu lên tiếng khẩn mời Bà ngoại Robert cùng dùng bữa.

Sau buổi ăn, Robert đã cảm ơn Triệu và hứa là trong tương lai anh cũng sẽ làm lễ giỗ bà ngoại mỗi năm và anh sẽ tự nấu thêm món bông cải dứt lò theo phương pháp bí truyền của gia đình anh.

Triệu đã giải thích thêm cho Robert là chính Triệu mới là người phải cảm ơn anh. Việc thành công về sự nghiệp của anh là niềm hoan hỉ của Triệu. Bà ngoại anh và anh đã giúp Triệu có thêm được cơ hội trả ơn dưỡng dục của ông, bà Triệu. Sự cố gắng học hành thành công của anh đã giúp Triệu có được dịp thực thi hạnh Bố Thí của nhà Phật. Năm nay, ngày Đại Lễ Vu Lan tháng Bảy cũng sắp đến. Phật giáo Việt Nam nay đã tiếp nhận truyền thống Nhật Bản thực hành Lễ Hoa Hồng Cài Áo trong ngày Đại Lễ Vu Lan: Phật tử có phước còn được mẹ hiện tiền sẽ được cài một hoa hồng màu đỏ vào áo, Phật tử đã mất mẹ sẽ được cài một hoa hồng trắng.

Các em trong Gia Đình Phật Tử, tình nguyện phụ trách Lễ Hoa Hồng Cài Áo cho các Phật tử tham dự Đại Lễ Vu

Lan, thường hay thắc mắc hỏi lại khi Triệu xin các em gắn cho hai hoa trắng thay vì chỉ một hoa: “Bác thật tình muốn gắn hai hoa trắng thật sao?”.

Năm nay chắc cũng lại có em hỏi Triệu như vậy và chắc Triệu cũng phải cố gắng giữ khỏi khóc để trả lời: “Cho Bác xin hai hoa, một cho Mẹ và một cho Ngoại”.

Trích “*Gió Mùa Đông Bắc*”

Từ Thế Mộng

Sao buổi chiều đỏ trời lại cao như thế

(tùy bút)

Hơn 40 năm trước, tôi chọn ngành sư phạm, vì nghĩ nghề dạy học là cao quý, có thể giúp tôi đứng ngoài thế chế chính trị lúc bấy giờ.

Nhưng tôi đã lầm.

Tôi đang dạy đến năm thứ sáu thì bị động viên. Tôi chìm trong dòng nước xoáy hết bốn năm, đủ để mọi thứ phải thay đổi.

Cho đến sau tháng tư năm 1975, tôi như người đứng lơ lửng ngoài rìa xã hội. Không còn làm thầy giáo, có nghĩa là không còn được thả sức bay lượn trước bao nhiêu cặp mắt thân yêu của học trò mình, tôi trở thành con chim cánh cụt, đi nghễnh ngãng, ngu ngơ không biết làm gì để sống.

May sao tôi có người dựng vợ rất giàu, đang có xe khách chạy đường Phan Thiết - Mũi Né. Biết tôi là người có chút chữ nghĩa, ưa làm thơ, ông rất quý, thường mời tôi dùng cơm riêng, lại cho tôi mượn tiền để vợ tôi làm vốn buôn bán, còn bảo tôi về làm lơ xe cho ông. Lơ xe là trên danh nghĩa, chứ thực ra tôi chỉ thu tiền là chính. Lơ xe đã có người khác lo. Đường trên 20 cây số, dài bao lăm hơi cái việc thu tiền của khách: chỉ làm cho vui thôi mà!

Đúng là vui thiệt. Những ngày đầu, tôi như phiêu du trong xe của ông. Cảnh quan hai bên đường tuyệt đẹp. Vượt qua cái dốc nắng rực rỡ của Lầu Ông Hoàng, xe hụp xuống một vùng xanh bao la, với Đá Ông Địa, ta nhìn sóng lao xao vỗ trắng dưới chân mình. Rồi cứ vậy, xe trôi êm trên đường thơm hương cau, rợp mát bóng dừa xứ Rạng...Cuối ngày, còn được ông trả tiền công hậu hĩnh.

Và biết tôi còn vụng về, ông luôn nói năng dịu nhẹ, sợ chạm tới lòng tôi đang chùng.

Nhưng rồi việc nào cũng có cái giá của nó: Thời gian qua mau, lòng người thay đổi.

Đội cái mũ rộng vành che lấp cả mặt, tôi che luôn cả tôi. Tôi lơ ngơ đến quên cả nhìn thấy đứa bé đang được mẹ bồng trên tay, nên đâu có thu tiền cháu. Ông hỏi tôi sao vậy? Tôi bảo cháu còn bé quá mà dưỡng! Ông nghiêm mặt: Vậy chớ nó không làm nặng xe hay sao? Tôi lặng người, biết mình không thể nào trả lời nổi. Dù vậy, thu tiền đứa bé thì tôi không thu. Ông rất lấy làm không hài lòng.

Lần khác, tôi để mất đầu không biết, lại không nhận ra người hành khách mang theo chiếc sào dài, trên treo chiếc lồng có con cu làm mỗi nhử. Ông hỏi tôi có thu tiền nó không? Tôi vui vẻ trả lời dạ có. Ông bảo đây là dưỡng hởi có thu tiền thêm chiếc sào và cái lồng cu cà. Tôi nghĩ ông nói đùa cho vui, nên chỉ cười mà không trả lời. Ông trợn mắt: không thu chớ gì? Bộ cậu tưởng nó không chiếm chỗ trong lòng xe của tôi hả? Tôi ngậm miệng luôn. Biết nói sao với ông, ông chủ!

Ông lái xe chỉ để làm đẹp với những người chung quanh, nhất là với chính quyền địa phương, để khỏi mang tiếng ngồi chơi xơi nước, vô công rồi nghề. Chứ nhà ông tiền để đâu cho hết. Trước, ông có mấy cây xăng, mấy chiếc xe bồn, người làm công cả đàn. Sá gì ba cái thứ tiền - lẻ - tế - không - đáng - thu đó mà ông lại đi chài chiết tôi ?

Từ đó, không ngày nào là tôi không được ông để mắt tới, dạy dỗ cẩn thận. Vài ba kí gạo dân mang theo giấu trong giỏ xách, ông bảo tôi phải lục soát, lấy ra cho bằng hết, nạp trạm kiểm soát. Tôi dạ dạ. Nước mắm mỗi người chỉ được mang theo hai lít, quá, không được. Tôi dạ dạ. Một chiều nọ, một bà cụ mang tới năm lít. Tôi làm lơ, nhưng ông đã chặn lại, nhất định không cho bà lên. Vì là chuyến xe cuối ngày, bà cụ năng nỉ mấy cũng không được, bực

quá, thay vì giữ lại hai lít như đã được quy định, bà giốc ngược bình xuống đất. Tiếng nước mắm xối vào lòng cát, nghe xót xa, đắm ướt cả lòng tôi.

Đến trong mơ còn thấy !

Tôi thấy mình bị hành khách vây bủa tứ bề, mắng chửi xối xả. Ai cũng nhìn tôi bằng cặp mắt thù hận, khinh bỉ cùng cực. Tôi không dám cầm bất cứ vật gì. Bởi tôi cầm tới vật nào là vật đó nóng rực lên, rồi phát nổ dữ dội. Tôi sợ quá, cố trần mình để thoát ra khỏi giấc ngủ.

Mỗi ngày đi xe với tôi là một ngày cực hình. Tôi khổ sở, đau đớn, lòng muốn trữu nặng vì u buồn. Chao ơi, tôi còn phải sống như thế này được bao nhiêu ngày nữa?

Rồi ngày đó cũng tới.

Chiếc xe đang lên dốc. Một bà già lưng còng, ngủ lơ mơ, chợt tỉnh, hốt hoảng bảo xe ngừng lại, ngừng lại đi. Nhà bà ở dưới đây kia kìa ! Tôi la lớn. Tôi đập vào thùng xe rầm rầm. Mặc, xe vẫn từ tốn tiến lên phía trước.

Tới đỉnh dốc, xe tấp vào bên đường, thắng lại một cách giật dữ. Chủ xe hùng hùng hổ hổ mở mạnh quá, nhào xuống, lao tới, điểm mặt tôi, chửi té tát. Tôi biết mình có lỗi. Xe đang lên dốc, làm sao ngừng? Nhưng không phải là không thể nếu mình có chút lòng. Đây là bà già kia mà. Bảo bà lụm cụm lợi bộ xuống một cái dốc dài như thế, thì tội quá. Lòng tôi sao nở ?

Xe dừng lại ở trạm kiểm soát, trước khi vào bến. Ông chủ xuống xe, đã không thể tự kiểm soát mình, chửi tôi như tát nước vào mặt. Thật quá đáng ! Khách nhiều người đâm bực. Riêng tôi, tôi cúi đầu nín nhịn. (Nhịn thét, tôi có cảm giác mình không còn là mình mà chỉ là một tên nô lệ, không một lần dám ngẩng đầu lên. Giá tôi được hét một tiếng thì hay biết mấy).

Nhưng ông chủ đã không dừng lại đó. Xe tới bến, mặc hành khách xuống lên, ông gọi tôi tới, sừng sộ hỏi tôi muốn gì ?

Tôi muốn gì ư ? Ly nước nào quá đầy mà không tràn.

Người ta có thể chết, nhưng không thể bị làm nhục mãi được. Tôi nhìn thẳng vào mắt ông, trả lời: “ Tôi muốn thôi việc ”.

Trả lời xong, tôi ngạc nhiên nhớ lại, sao buổi chiều đó, trời lại cao như thế ! Cái chuyện cơm áo đã không còn làm tôi bận lòng. Tôi tự do, vậy là tôi đã sống ! □

Đỗ Hồng Ngọc
(Đỗ Nghê).

Ở Tuyên Lâm

Nước xanh như ngọc
Sâu đến tận trời
Vốc lên một vốc
Ơi mùa xuân ơi !

Chân Không

tặng Nguyễn Bắc Sơn

Thơ người hào khí ngất trời
Hơi men ngất đất hơi người ngất ngây
Từng phen ta đọc mà cay
Thương người thơ sống một đời cực đông
Một gùi đầy ấp chân không
Lênh đênh xuống núi giữa mênh mông người...

Đàn Ông Chờ

tặng THT

Một người đàn ông chờ
Là người đàn ông đợi
Đàn ông không hoá đá
Đàn ông hoá vì sao
Để hai đầu xa cách
Vẫn còn nhìn thấy nhau...

Một người đàn ông chờ
Là người đàn ông đợi
Đàn ông không thành trầu
Đàn ông không thành cau
Đàn ông thành không khí
Hít vào còn có nhau...

Hoàng Xuân Sơn

Loay hoay cách mấy cũng về

Buồn tình phế thải lên cơn
nhân gian sốt vó tủi hờn đem chia
phần tôi
một đoản mây
lìa
hồn bay khuất xứ
mộ bia trông thành
đường chiều sắc loạn rơi nhanh
nơi nao biên biệt
uổng thành truy vong
ngó lên trùng cửu nao lòng
ơi thăm thăm có hoài mong nổi đời
bây giờ
định hướng tình tôi
nặng treo một chút bồi hồi thịt da
núi non lấp mấy phần già
con sông tà niệm chảy qua hình hài
bất đồ
ý nguyện sơ khai
giữ tôi nguyên vẹn
thở dài
môi sinh .

avril 2002

Cuối thu, lạnh

Cái lạnh bắt đầu trưng thu
mỗi một năm một rút dù
thân
tâm
đời chùng
ngang vĩ độ
âm
nỗi kinh mang sợ
tuyệt lắm
băng tan
đành thôi trán lửa quy hàng
vòng tay ôm đóa mơ màng
tịnh liên
đời còn dăm phút đảo điên
cái thâm
cái lạnh
cái triền miên ru
cuối ngăn
ở dạng sa mù
cuối đời
in một mùa thu
vỡ vàng .

octobre 2001

Vĩnh Hảo

Vốn liếng

“Nó tưởng mình ngu nên mỗi lần kẹt tiền là cứ hỏi mượn mà chẳng bao giờ thấy trả,” Xê thầm nghĩ. Nhét lá thư của Tân vào túi áo, chàng nói lớn dù trong phòng chẳng có ai ngoài chàng:

“Thực ra, ta chỉ đại thôi. Hề hề...”

Mỗi lần cười hề hề như thế Xê lại thấy sáng khoái y như vừa lau được một vết bẩn trên mặt vậy. Sau tiếng cười là sự chấp nhận, nghĩa là cứ gửi tiền cho thằng bạn dù nó xạo nhiều lần rồi. Xê mở ví ra xem, thấy còn ba trăm ba chục đô-la. “Gửi cho nó một trăm mình vẫn còn dư để mời Lệ đi nhà hàng tối nay. Tuần tới mình lãnh lương rồi. Không sao. Kệ mẹ nó, đừng tính toán kỹ quá làm bẩn cái tâm hồn dễ thương của mình đi.”

Xê đề máy xe, chạy đến bưu điện. Chàng tính chỉ gửi money order thôi, khỏi thư từ gì vì Tân chỉ cần tiền chứ đâu có cần thứ chi chi khác, nhưng ngẫm lại, chàng thấy cũng nên viết vài dòng. Nhận tiền mà không thấy chữ nào thì xài cũng không thoải mái. Xê mua bì thư rồi trở ra xe lấy giấy hí hoáy viết cho Tân mấy hàng:

Thằng quỷ,

Tao mới nhận thư mày hồi nãy, gửi liền đây. Mày hiểu tính tao mà, đừng bận tâm. Tao còn tiền. Vui nhé. Chúc mau có việc làm.

Bạn thân,

Trần Xê

Đọc lại, vẫn còn sợ thằng bạn ái ngại, Xê ghi thêm:

T.B: Cho mày xài đó chứ không cho mượn đâu. Đừng tính chuyện trả lại tao đục mày đó.

Dán bì lại, Xê trở vào bưu điện, vừa đi vừa ngẫm nghĩ:

“Thà cho luôn chứ không cho mượn vì cho thì chỉ mất tiền

còn cho mượn thì mất cả tiền lẫn bạn. Thăng cha nào nói câu này cũng chí lý lắm!”

Trở ra xe, Xê lái thẳng về hướng quận Springfield. Nhà Lệ ở đó, trên một con đường vắng vẻ, yên tĩnh.

Hôm qua, tuyết bắt đầu rơi, nay vẫn chưa tan, ngập trắng trên những cồn đất, xa xa trông như những ụ muối mà Xê từng thấy ở quê nhà. Trời mù mù như muốn mưa, lạnh buốt xương thịt.

Lệ đang học đại học, còn một năm nữa mới ra trường. Kể ra thì ở tuổi Lệ không thể gọi là bé được nữa, nhưng đôi lúc Xê thấy nàng thật là con nít. Cái lối nhõng nhẽo của nàng có khi làm cho Xê phải rợn da gà, vậy mà Xê vẫn không bỏ nàng được. Chàng chạy theo Lệ mê mết, yêu đến điên cuồng, như một kẻ ghiền thuốc lá: biết là bỏ thì tốt mà không bỏ được. Nhưng Lệ đẹp chỗ nào nhỉ? Xê tự hỏi. Đôi mắt ư? Không. Mắt bình thường thôi, chẳng có gì đặc biệt. Cái mũi ư? Ừm, coi nào. Xét cho đúng thì mũi nàng cũng tẹt lét chánh hiệu Việt Nam chứ có dọc dừa, cao ráo gì đâu! Cái miệng? Ừ, đúng rồi. Chỉ có cái miệng nhỏ với đôi môi tươi hồng khỏi cần tô son, điểm một nốt ruồi đen bên khóe trái đó thôi. Hình như Xê thích ngồi đối diện Lệ chỉ để được ngắm đôi môi nàng mấy máy, mím lại, trề ra hay nhoẻn cười vậy mà. Thương thay, đất trời nghiêng lệch cũng chỉ vì đôi môi quyến rũ đó. Có khi bực mình, giận Lệ đến run người, nhưng chỉ cần đôi môi đó nũng nịu một chút là chàng đã có thể bỏ qua tất cả.

Gần đây, Lệ có vẻ thay đổi nhiều lắm, chẳng rõ vì lý do gì. Đêm qua thứ sáu, Xê điện thoại cho Lệ, nói rằng sáng nay sẽ đến đưa nàng đi Washington D.C. chơi. Lệ nói:

“Để coi nào.”

“Để coi? Không phải thứ bảy nào mình cũng đi với nhau sao? Em bận gì vậy?”

“Đâu biết trước được. Thôi, anh cứ đến, có gì trực trặc em báo trước.”

Xê nhú mày. Có gì trực trặc. Sao lại có gì trực trặc chứ?

Suốt tuần Lệ vào trường, Xê vào sở, cuối tuần đi với nhau, thời khóa biểu đã rõ ràng như vậy rồi, có tuần nào thay đổi đâu!

Xê bấm chuông. Thủy, đưa em gái mười hai tuổi của Lệ ra mở cửa.

“Anh Xê! Sao đến trễ vậy?”

“Trễ? Sớm hơn mọi khi đó chứ! Bộ chị Lệ đi đâu rồi à?”

“Dạ, chỉ đi rồi. Vô đi anh, kéo lạnh.”

Xê thần thờ thả phịch cái thân lùn thước rươi của mình xuống xa-lông. Trời bên ngoài xám xịt mà trong nhà này, ngay lúc này, chàng thấy còn xám ngoắc hơn. Xê thấy các ánh đèn phòng như đang nhảy múa cái điệu vũ của những con đom đóm ngoài trời đêm. Thủy tỉnh bơ không hiểu được nỗi choáng váng của chàng, cô bé chạy vào phòng mang ra mảnh giấy nhỏ:

“Chị Lệ viết cho anh đó.”

Xê chụp tờ giấy đọc ngay:

Anh à,

Em có chút việc phải đi với mấy người bạn. Khoảng 6 giờ chiều em sẽ đến nhà anh rồi mình đi ăn. Đừng giận nghe. Gấp quá em không báo cho anh được. Bye.

Vò tấm giấy trong tay, Xê quay qua Thủy tính hỏi nhưng thấy cô bé đang mê coi truyền hình, chàng đành thôi. Một chập, không dần nổi, Xê mở miệng:

“Hồi nãy mấy chị đến chơi đông lắm hả?”

Thủy vừa xem truyền hình vừa trả lời:

“Đâu có, có một người thôi.”

“Chị Loan phải không?”

“Không.”

“Chị Thuýên chứ gì?”

“Không.”

“Chị Bích?”

Thủy quay lại, hơi khó chịu vì bị quấy rầy trong lúc xem phim:

“Có chị nào đâu. Anh Huy mà!”

“Anh Huy? Ảnh là ai vậy? ... Bà con hả?”

“Không. Bạn chị Lệ đó.”

Xê ngả người ra sau, cổ trần tỉnh, lấy thuốc ra hút. Thủy vẫn chăm chú xem phim, miệng nhai kẹo chewing gum. Bộ phim kung-fu gì đó, đánh đấm lung tung chẳng dính dấp gì đến ruột gan eo xèo của Xê cả. Xê mở mảnh giấy đã vò nát ra xem lại. Đọc đến chỗ mấy người bạn, chàng tức điên lên. “Đúng là có trục trặc rồi. Cô ta biết trước điều đó. Hừm, mà thằng Huy nào vậy cà? Chắc là mới quen. Huy, hừ, tên hay nhỉ! Huy hoàng, huy quang, tà huy, Huy Lệ. Huy là sáng, Lệ là đẹp. Cũng hợp đó chứ. Xê. Trời ơi, ba má hết chữ rồi sao đặt tên mình dở tệ vậy! Xê ra, xê vô, xê dịch, xê xích, xu xê, xàng xê... chẳng có nghĩa gì hay ho cả!” Xê nhắm đọc tên mình như mới được nghe lần đầu.

“Thủy à, sao bé không đi chơi với chị Lệ, anh Huy?”

“Anh Huy đâu có kêu em đi mà đi.”

Xê thâm rủa: “Đúng là sợ vương vịu, bắt con nhỏ ở nhà. Mình đi lúc nào cũng kéo bé Thủy đi chơi chung.” Vò nghiền mảnh giấy trong tay lần nữa mà vẫn chưa thấy hả giận, Xê ném nó vào sọt rác ở góc phòng. Thấy phim đang chiếu tới phần giới thiệu tài tử và phim mới, Thủy đang rảnh rồi được vài phút, Xê chụp hỏi ngay:

“Phải anh Huy thấp thấp người như anh đó không?”

“Đâu phải, anh Huy này to cao như Mỹ vậy.”

“Thế à!”

Xê rầu rầu than trong lòng: “Lại hơn mình một điểm nữa”, rồi hỏi tiếp:

“Cao mà cái mặt thấy ghê như anh Tân bạn anh phải không?”

Thủy ngoẻo đầu sang một bên, nhìn Xê như để so sánh với Huy:

“Đâu có, anh Huy đẹp trai như tài tử xi-nê vậy.”

Xê thất vọng. Kể về điển trai thì chàng cũng chẳng hơn Tân là bao. Chàng có cái mũi huếch độc đáo, lúc nào

cũng ghéch lên trời khiến cho mấy thằng bạn cứ chọc là chàng có ý kênh xì-po với mọi người. Chưa hết, mũi ghéch lên thì miệng cũng hô ra, nếu không giống cái nạo dừa thì cũng giống cái mũi của chiếc giấy hư cũ: há tõe loe ra một cách không ngại ngùng. Còn nữa, đôi mắt lơơ! Thiệt khổ, đôi mắt này thực ra không thể là của một người hiền lành tốt bụng như chàng, vậy mà nó thiệt là của chàng. Nó đã cho người ta cái cảm tưởng đầu tiên khi gặp chàng là kẻ bất lương. Họ nói những người mất lương không khi nào thực thà mà luôn luôn là kẻ gian xảo, man trá, lợi dụng, lường gạt, nịnh bợ, đái bôi, lấu cá, hiểm độc, nhỏ mọn, ích kỷ, thù vật v.v... ôi thôi là đủ mọi cái gian cái xấu trên đời! Nghĩ về thân phận mình, Xê thấy ủ ê, chán chường, nhưng chàng cứ tiếp tục tìm hiểu cho đến tận cùng:

“À, vậy anh biết rồi, phải anh Huy mà ăn bận lôi thôi, quê mùa, xập xệ như thằng Phô ở nhà kế bên không?”

Thủy lắc đầu nguây nguậy, mắt nhìn truyền hình, miệng trả lời:

“Anh Huy điệu hết chỗ nói. Chị Lệ nói anh modern lắm đó.”

Xê vò đầu bức tai, cảm thấy mình như bị chìm vào một vũng lầy, ngộ nguậy như con trùn đứt đôi: một nửa vùng vẫy ngoi tìm lối thoát, một nửa còn lại thì quẩn quại với nỗi đau mất mát, ê chề với thất bại không ngờ của mình.

“Sao mình chẳng hơn người ta cái gì hết vậy kìa? À, còn bằng cấp, tiền bạc? Những thứ ấy ở Mỹ này chán khối gì người có”. Xê thở dài, không tin vốn liếng cấp bằng cũng như nghề nghiệp với lương bổng khiêm tốn của mình. Nỗi lòng đôi lúc cũng xù đi như cái lốp xe bị lủng. “Không còn gì để nói nữa,” Xê nghĩ vậy, đứng lên, xoa đầu Thủy một cái, nói bằng giọng hụt hơi:

“Thôi anh về nghe.”

“Anh nhẩn gì không?” Thủy hỏi mà không ngược nhìn chàng.

“Ừ... nói chị Lệ anh gửi lời thăm anh Huy.”

“Vậy thôi hả?”

“Ừ, chỉ vậy thôi.”

Ra tới cửa, Xê đứng lại, ngập ngừng một lúc rồi trở vào:

“Không, đừng nói vậy.”

“Chứ nói sao?”

“Nói anh mời chị Lệ và anh Huy đến nhà anh chơi chiều nay, 6 giờ, nhé.”

“Dạ.”

“Nhớ là anh mời luôn cả anh Huy nữa chứ không phải mình chị Lệ, nghe.”

“Dạ.”

Xê đi nhanh ra ngoài, nhưng nghĩ sao lại trở vào lần nữa.

Thủy ngạc nhiên nhìn chàng:

“Anh quên cái gì hả?”

“Không. À, Thủy đừng nói gì hết nghe. Chỉ nói có anh đến là được rồi. Nãy giờ mình nói chuyện gì Thủy cũng đừng kể lại, hứa đi.”

“Dạ, em không nói gì đâu. Chỉ nói là anh có đến, đọc thư, rồi anh giận, vò cái thư. Vậy thôi, phải không?”

“Ừ, giỏi. Ở... không được. Đừng nói giận hay vò thư gì hết.”

“Được rồi. Có đến, có đọc thư, hết?”

“Hết. Giỏi. Cho cứng cái này nè.”

Xê dúm cho Thủy mấy đồng để cô bé ăn kem như mỗi cuối tuần chàng vẫn làm. Rồi đi.

Trên xe, Xê mở máy sưởi mà vẫn thấy lạnh cóng. Chàng moi hết vốn liếng bao dung của mình ra để tha thứ cho Lệ mà vẫn không sao xóa lấp được nỗi đau cắt trong lòng.

“Quên đi Xê ơi, đừng hèn yếu như thế. Cứu cánh đời sống này, vào thời buổi điêu linh của đất nước, đâu phải chỉ quần quanh nơi khóe miệng của một thiếu nữ. Cái chí đời non lấp biển của mày để ở đâu rồi? Mắc chi phải buồn khổ những chuyện lẻ tẻ, nhỏ nhen này! Dững cảm lên! Hừ. Hề hề.. Gượng gạo quá! Ôi trời, nằng bở ta. Dù sao...

dù sao nếu có một ngày... Không. Dù sao, ta đã không phụ người”.

Xe chạy vun vút. Đường về nhà mà Xê thấy như mình đang tìm một lối thoát nào đó. Chàng đang trốn chạy, không phải đi về.

Đến một quãng đường vắng, Xê nhác thấy xa xa một người bộ hành đưa tay xin quá giang. Thường khi gặp người lỡ đường như thế, Xê đều tắt xe vào lề cho họ lên. Bây giờ thì, Xê nghĩ: “Mệt. Hơi đâu! Không phải chính ta cũng là kẻ lỡ đường lỡ bước đó sao! Ai thương ta đây!” Nghĩ vậy nên Xê cứ giữ nguyên tốc độ. Nhưng xe vừa lướt qua khỏi người bộ hành là Xê lập tức thấy xốn xang. Trời lạnh đến cửa thịt, đứng ngoài trời năm phút là sổ mũi, thở không nổi. Người khách lạ sẽ đứng ngoài trời đến bao lâu? Hẳn ta đang run cầm cập và có thể đang nguyên rửa nhân loại này không có trái tim, y như Xê đã từng nguyên rửa những chiếc tàu vô lương tâm làm ngơ khi chiếc ghe vượt biên của chàng bị nạn trên biển đông trước đây.

Xe bật đèn báo, tắt nhanh vào lề phải rồi de lại. Người khách lạ mừng rỡ chạy đến. Xê mở cửa cho anh ta leo lên. Đó là một thanh niên Mỹ đen.

“Cám ơn. Tôi đón xe một giờ rồi mà không ai cho quá giang.”

“Anh muốn đi đâu đây?”

“Tôi đi xa lắm. Anh có thể cho tôi xuống nơi nào gần nhà tôi nhưng thuận đường anh đi.”

“Tôi về đường Braddock, vùng Centreville.”

“A, vậy cũng tiện lắm. Nhà tôi ở đường Stone. Anh cho tôi xuống chỗ ngã tư Braddock và Stone là tốt rồi.”

“Không lo. Hôm nay rảnh, tôi đưa anh về tận nhà cũng được mà.”

“Cám ơn anh nhiều.”

Vừa nói khách vừa xoa hai bàn tay tê cóng của mình. Xê thấy tội nghiệp, móc thuốc mời. Sau vài lời trao đổi,

chàng trở lại với thực tế là đôi môi tươi hồng thuở nào đã trở thành đôi bờ vực thẳm nuốt chửng chàng vào bề trong gian dối phụ bạc của nó. “Thực tế là vậy sao? Nàng phụ ta? Có lẽ nào!” Càng nghĩ Xê càng ghen đặng trong lòng. Xê không võ đoán. Xê không hiểu lắm. Xê tin như vậy và thấy không cần phải tìm hiểu cận kề hơn. Biết như vậy là đủ rồi và như vậy cũng rõ ràng lắm rồi. Cất một lần cho xong vì lâu nay không phải có lúc chàng đã muốn cất bỏ đi mà không cất nổi đó sao! Đây là lúc chàng có thể dứt khoát cuộc tình nhì nhằng mê muội của mình. Tuy vậy, đó là bởi người phụ mình chứ không phải mình phụ người. Đau khổ lắm, nhưng chàng cũng đã cười hề hề.

oOo

Khi tỉnh dậy, Xê thấy mình nằm trong một lùm cây. Trời lạnh buốt. Tuyết vẫn chưa tan hết trên vùng lá mục ẩm. Lồm cồm đứng dậy, Xê thấy đầu nhức như búa bổ. Chàng cố nhớ lại việc đã xảy ra.

“A, té ra cái thằng Mỹ đen chó chết kia nó nện mình một báng súng trên đầu khi mình ngừng xe cho nó xuống. Nó cướp xe mình rồi. Mà sao nó không giết mình để phi tang luôn nhỉ? Nó không sợ mình báo cảnh sát sao chứ? Hay nó tin rằng mình vẫn có lòng? Có lòng cho nó quá giang thì cũng có lòng cho nó mượn đỡ chiếc xe, không thừa cảnh sát! Hề hề. Nó tưởng ta ngu. Thực ra, ta chỉ đại thôi!”

Xê đứng phủi áo quần, thọc tay vào túi măng-tô thấy tiền bạc mất hết nhưng may là còn đầy đủ giấy tờ và tấm hình Xê chụp chung với Lệ. Cái may thứ hai là trong túi quần Xê còn sót lại một đồng cắc 25 xu mà gã bắt lương đã chê không lấy hoặc cố tình bỏ lại để Xê có thể phone về nhà. Chàng mò mẫm tìm ra đường nhựa, chẳng biết mình đang ở đâu.

Trời đã về chiều. Xê loạng choạng đi dọc theo con đường

vắng ngắt. Nhà cửa thưa thớt xa xa, lẫn sau những hàng thông xanh tốt còn điểm phát phơ những mảng tuyết. Thỉnh thoảng có xe chạy xuôi theo hướng Xê đi nhưng chàng không xin quá giang. “Người ta bận bịu, sẽ không ai chịu nhường cho ta quá giang đâu. Nếu ta xin quá giang, chẳng khác gì ta buộc họ phải phụ ta.”

Đi bộ khoảng nửa giờ, Xê gặp một điện thoại công cộng. “Tốt quá. Mình còn hai mươi lăm xu để điện thoại đây mà. Chờ mình gọi ai đây? Lệ chăng? Chắc chắn nghe tiếng ta nàng sẽ đến ngay. Ta thề thắm như vậy nàng sẽ... thương tình, sẽ động lòng. Không, không được! Tại sao phải van xin sự thương hại đó! Không bao giờ ta gọi nàng nữa!”

Ngoài Lệ ra, Xê chẳng biết nhờ ai. May ra có thể nhờ cảnh sát đưa về nhà. Nhưng chàng không muốn họ tìm hiểu lời thôi rồi lòi ra cái chuyện chàng bị cướp xe...

Xê tiếp tục đi mãi. Đèn đường đã thấp. Chàng run lập cập. Hai tay thọc vào túi áo măng-tô, thỉnh thoảng chàng xóc xóc đồng bạc cắc lên cho nó múa nhảy chơi một chút.□

Nguyễn Nhung

Bằng với cấp

Ngày còn ở Việt Nam, ông anh họ từ Mỹ về chơi, cả nhà ai cũng ngỡ ra khi anh ấy nửa đùa, nửa thật khoe về cái bằng Master Card của ông. Đơn giản thì Master có nghĩa là thầy giáo, hoặc Cao Học, học cao gì đó. Nhưng ai cũng ngạc nhiên thán phục đến sát đất, không hiểu lúc anh ấy ở Việt Nam, tiếng Anh không đầy một bàn tay, vậy mà nay trở về đã học hành, đỗ đạt được như thế, đúng là mồ mả ông bà "táng mả hàm rồng."

Sau này sang Mỹ, cả nhà mới té ngửa ra về cái bằng Credit Card của ông anh họ. Đấy chỉ là thứ ăn trước trả sau, mà chữ Credit lúc nào cũng kể một bên đít, chạy đâu cũng không thoát, chỉ trừ khi về với ông sáu tấm.

Sang Mỹ, đến lúc đi học ESL mới thấy bằng cấp ở xứ này loạn cào cào cả lên, học ngắn học dài gì cũng có bằng. Làm bài giỏi cũng bằng, xuất sắc về môn nào đó là bà giáo cũng âu yếm tặng cho một tấm về xem chơi cho đỡ buồn.

Thằng bé con nhà tôi mới học Tiểu học mà đã nhiều bằng quá. Không biết có phải những chữ "Certificate" đều có nghĩa là bằng cấp không? Đi học đầy đủ không nghỉ ngày nào cũng có bằng, ra thư viện đọc sách lem nhem, ghi ẩu mấy cái tên sách cũng có bằng khen và chữ kí của Thống đốc Tiểu bang, rồi còn nhiều thứ giấy khác cứ ngập cả lên. Sự thật tất cả không phải đều không có giá trị, nhưng lạm phát bằng cấp, giấy khen nhiều quá hóa cũng nhàm, nhìn như miếng giấy lộn. Thằng con lớn của tôi học Đại Học cũng mang về bao nhiêu bằng, thấy tôi nhìn với đôi mắt nghi ngờ, nó vội giải thích là toàn bằng có giá trị, không phải mua sẵn ở Office Depot rồi viết vớ vẩn vào là được. Nó nói thì nói, tôi vốn dốt lại đa nghi, nhất là từ

ngày qua Mỹ, thấy lắm thứ lạ, thỉnh thoảng trong đồng thư từ, tự nhiên thấy có một công ty nào đó gửi cho mình tấm bằng, trên ấy tên tuổi được ghi chữ mạ vàng rất đẹp, mà mình lại chưa hề thi cử bao giờ. Thế là bụng đâm mừng rơn, lại nghĩ ngợi khi không khi không mình đâm có bằng cấp tự trên trời rơi xuống.

Chương trình học hè của đứa con út, có một tháng dành cho phụ huynh học sinh. Khu vực này đông người Á Châu và người Mỹ Tây Cơ, cho nên vấn đề liên lạc giữa nhà trường và phụ huynh thật phức tạp, do đó mới có chương trình bổ túc dạy hè cho phụ huynh. Một tháng ấy gồm có những ba chương trình: ESL, Computer và Dinh dưỡng trong đời sống. Tất cả phụ huynh học giỏi, học dở gì cũng chỉ có một lớp, từ đánh vần a,b,c,d. . ., nguyên âm với phụ âm, chưa đọc thông mấy câu hỏi thăm sức khỏe nhau thì đã mãn khóa. Thế là "ò ề, con me đánh đu, thằng cha nhảy dù. . .", cả lớp có một bữa "party" ra trò để nhận bằng tốt nghiệp.

Lớp Computer mở ra một ngày hai tiếng, một tuần bốn ngày, đại khái là mỗi người một màn hình và một con chuột, ai nấy ngồi nghiêm chỉnh, căng thẳng nghe cô giáo chỉ dẫn. Khổ nỗi, vì chỉ có một tháng, ABC chưa thông thì cứ cô nói cô nghe, hoặc trò cứ nghe mà không cần biết cô nói gì. Một lũ già đầu tay táy máy con chuột, ngồi nghệt mặt ra nhìn con cóc, con nhái nhảy nhót trên màn hình, bấy nhiêu cái mồm mấp máy Ờ, Bờ, Cờ vui ra phết, cứ thế một tháng qua nhanh, mỗi người được một tấm bằng tốt nghiệp Computer "dzỏm".

Đi học chung với nhiều sắc dân khác nhau, Mỹ, Tàu, Việt xem nhau như anh em, dù rất ít khi bày tỏ được sự thông cảm với nhau, chỉ nhìn nhau bằng ánh mắt. Lớp học Dinh Dưỡng thường được bà con khoe tài nấu nướng của dân tộc mình: Mỹ thì có mấy món ăn cay, rất nhiều đậu, Tàu có mì xào, dầu ăn đầm trong các món chiên, bảo đảm về lâu về dài có nguy cơ bệnh mỡ trong máu, Việt Nam ta có

món chả giò làm chuẩn, thêm tí rau xanh làm gỏi cuốn và món nước mắm chua đậm đà hương vị quê hương. Các bà thầy được dịp thưởng thức ngon miệng mà không phải trả tiền, bèn hoan hỉ tặng cho mỗi người một tấm bằng.

Hôm cuối khóa cũng rôm rả ra phết, có sự hiện diện của bà hiệu trưởng, các giáo viên và học trò cũng hân hoan ra mặt, rồi quay phim, chụp hình, lại có một thứ không thể thiếu là bằng cấp. Hôm ấy tôi nhận được những ba mảnh bằng tốt nghiệp, thật xứng đáng cho một tháng đèn sách.

Tuy có nhiều bằng như thế nhưng vẫn nói không thông một câu tiếng Anh, tay cứ bấm loạn xạ con chuột khi sử dụng Computer mà vẫn không biết làm sao để điều khiển cho máy chạy, gặp Mỹ vẫn lắp bắp, ú ớ, nghẹn ngào không thốt được nên lời, bao nhiêu từ ngữ đi chơi mất cả. Lúc chia tay, chữ nghĩa mới thập thò bờ ra, thôi thì chỉ có nước véo tai, đấm ngực tự sỉ vả mình sao mà dốt thế.

Sự thật, ngoài những cái bằng "dzởm" như thế, thiên hạ cũng có đầy bằng thật, bác sĩ, kĩ sư, dược sĩ, thầy giáo học tót khỏi mới lấy được bằng. Dân Mỹ có một điều rất thú vị là họ có rất nhiều thứ bằng cấp, giấy khen, nhờ vậy dốt nát như cỡ tôi cũng có cái an ủi là có đầy bằng cấp, nhờ nước Mĩ có dư thừa sáng kiến và "giấy" cho nên không bao giờ hà tiện lời khen.

Sẵn đây tôi cũng xin kể một câu chuyện vui quanh quần vụ thi Quốc tịch. Bà con mình thật thông minh, tuy không đọc được chữ nào trên giấy trắng mực đen về lịch sử Hoa Kỳ, nhưng môn học thuộc lòng vốn là bửu bối của dân mình. Do đó mới có chuyện một cụ già trả lời vanh vách bài học thi quốc tịch, khi nhân viên sổ di trú quá ngạc nhiên về sự thông minh của cụ, bèn hỏi một câu rất dễ: "Hôm nay, bà đã ăn sáng chưa?" thì cụ mình tịt mịt, chịu không biết họ nói gì.

Hôm đi thi vào công dân Mỹ, tuy gạo bài cả tháng mà sao lúc đó tôi run thế, "run như run thần tử thấy long nhan" vậy, lúc vào thi người cứ lẩy bẩy như sốt rét ngã nước.

Cũng may, tôi trượt lọt qua kỳ thi nhờ bà giám khảo dễ tính, lại ngoan đạo, mới vào thi tôi đã cầu Chúa rồi rít, bà thương tình hỏi qua loa rồi cho tôi mấy chữ " perfect 100% ". Tôi trở thành công dân Hoa Kỳ mà không biết nên buồn hay vui, kể cũng hách thật khi từ nay mình đã trở thành công dân một nước giàu mạnh như Mỹ, nhưng lòng vẫn ảm ách một nỗi buồn là mình đã đánh mất quê hương. Trong bài sát hạch, người giám khảo hỏi tôi câu này:

"Nếu Hoa Kỳ và Việt Nam có chiến tranh, bạn theo ai?"

Dĩ nhiên tôi phải nói là mình hoàn toàn trung thành với nước Mỹ nhưng bụng tôi lại nghĩ, nếu quê hương tôi có nhân quyền và tự do, có bao giờ chúng tôi lại bỏ nước ra đi. Còn trở lại chuyện chiến tranh năm xưa giữa hai khối Tự do và Cộng sản, thì " mời ông, ông đánh ngay đi, chúng tôi theo ông cả tay lẫn chân", chỉ tại ông giúp không đến nơi đến chốn. Bây giờ tôi đã hiểu rằng không có tình bạn giữa các quốc gia, mà chỉ có quyền lợi trên hết, để ngày nay đất nước tôi nên nông nổi này, là cũng tại các ông đấy chứ!

Trở về câu chuyện bằng cấp của nước Mỹ, mấy bằng kia tôi coi như giả hết, nhưng bằng Quốc tịch thì tôi quý lắm. Vì nhờ nó tôi có cái Passport, muốn đi đâu thì đi miễn trong túi có tiền, để thỏa mãn sự kềm tỏa thẳng dân bao nhiêu năm sống dưới chế độ Cộng Sản. Tôi mua một cái khung rất đẹp, lọng kính mảnh bằng "thiệt" treo lên một chỗ đẹp nhất trong nhà. Một người Mỹ, bạn học của con tôi đến chơi nhà, hần tò mò đọc rồi hỏi tôi:

" Hê, cái gì đây?"

Tôi hãnh diện khoe:

" Bằng chứng nhận công dân Hoa Kỳ của tao đó"

Thằng nhỏ ngạc nhiên, nó thắc mắc:

" Sao tui Mỹ mà không có bằng?"

Tôi trêu hấn:

" Á à, như vậy phải về hỏi má mày xem, coi chừng mày

không phải người Mỹ"

Nó gân cổ lên cãi:

"Tui Mỹ mà, nhưng sao tui không có bằng."

"Ồ là là, vậy có khi mày không phải người Mỹ, chứ muốn làm người Mỹ phải có bằng."

Thằng nhỏ đỏ mặt tía tai lên, cãi:

"Tui Mỹ mà, Mỹ thiệt mà, nhưng sao không có bằng".

"Hê, tao có hai thằng cháu con lai, bố nó Mỹ mà chúng nó cũng đâu phải là công dân Mỹ đâu".

Tôi đưa cho nó xem hình hai thằng nhỏ Mỹ lai chưa được gọi là công dân Mỹ, và có lẽ không bao giờ thành công dân Mỹ, vì hai thằng quậy quá, bị sở Di trú hăm he tống về Việt Nam. Hai thằng nhỏ mắt xanh, tóc vàng, đúng là khuôn của Mỹ đúc ra, vậy mà vẫn không phải Mỹ.

Cha mẹ ơi, một ngày sáng sủa nào đó, tôi trở về quê hương, đem tất cả bằng cấp tào lao về lòe bà con thiên hạ, vui phải biết, nhất là như tôi, dân i tờ rít, nay qua Mỹ mới có mấy năm mà bằng cấp đã loạn cả lên. Cám ơn xứ Mỹ, người Mỹ, đã không hẹp lòng cho chúng tôi một chút vui về những ngày lưu lạc nơi xứ lạ, quê người.□

Trần Bang Thạch

**Độc Tuyển Truyện Nguyên Nhung
hay đọc nhật ký của một người bình thường.**

Tuyển Truyện Nguyên Nhung, dày 300 trang, gồm 24 truyện ngắn, bìa 4 màu, do Saigon Houston Publishing thuộc Mass Media, Inc. xuất bản và phát hành, 2002, giá ấn phí là 15 Mỹ kim. Liên lạc: Nguyên Nhung, 11810 Elkington Ct, Houston Texas 77071, Tel: 713 771-7429, Email: nguyennhung@hotmail.com

Có lẽ tôi là người đọc giả đầu tiên của Nguyên Nhung tại hải ngoại này độ 6 năm trước, tôi đọc truyện ngắn ấy dưới dạng bản thảo viết tay trên giấy học trò. Rồi từ đó tôi đọc thật nhiều truyện Nguyên Nhung qua email, đa số là bản thảo mới viết, còn nóng hổi, vừa thối vừa đọc. Nhờ đó mà tôi được đọc nhiều và đọc trước nhiều người. Càng đọc truyện của nhà văn Nguyên Nhung tôi càng thấy thích thú như mình đang đọc nhật ký của một con người bình thường có cái nhìn sâu sắc những chuyện thường hằng của cuộc đời. Chị viết những gì liên quan với cuộc đời chị; chị viết những người, những vật, những cảnh quanh chị. Nhìn những đĩa giấy tầm thường nằm lẫn lộn với chiếc đĩa sứ Giang Tây, chị viết thành truyện, khiến ta liên tưởng tới những bài Fables của nhà văn Jean de la Fontaine; sau cuộc đổi đời tại quê nhà, nghe những cái loa lải nhải trong khu chợ nhỏ, hay khi ra hải ngoại, thấy một ông đồng hương gặp người quen mới tới Mỹ ông xum xuê chuyện trò rồi vốn vớ ghi số phone mà ông chẳng bao giờ gọi tới, chị đã viết thành truyện, khiến ta nhớ những cái cù lét không nhột mà rất đau của Mark Twain.

Cách đây gần 2 năm, trong một bài viết về Nguyên

Nhung và tác phẩm của chị tôi có viết như thế này: “Từ vài năm nay truyện của Nguyên Nhung xuất hiện thật nhiều, trên các tạp chí nhiều nơi và trên làn sóng phát thanh. Tôi có cảm tưởng người viết có một nguồn cảm hứng vô tận. Từ con tim - sao tôi cứ nghĩ trái tim này to quá khổ -, với niềm hoài vọng những hình ảnh quá khứ, với khả năng chụp bắt cách nhạy bén các góc cạnh của những thực cảnh hiển hiện trước mắt bây giờ, và với cái nhìn lãng đãng hư vô về một kiếp đời sau khi xa lìa cõi thế, Nguyên Nhung với ngòi bút thung dung mà sắc ngọt của mình, đã làm bật lên những góc đời với đầy đủ buồn vui, cười khóc”

Như chứng minh cho tính chính xác của những lời nói trên, tập truyện ngắn đầu tay Viết Giữa Mênh Mông in tháng 10-2000, rồi truyện dài Cõi Vô Cùng in tháng 3-2002 và bây giờ Tuyển Truyện Nguyên Nhung vừa rời khỏi nhà in. Và còn bao nhiêu truyện ngắn khác chưa in thành sách. Viết như vậy thì trong giới viết lách cho là viết nhiều, viết khỏe.

Cho nên thay vì nói tiểu sử của nhà văn Nguyên Nhung, tôi xin nói về con người bình thường này qua những truyện ngắn của chị mà tôi vừa ví von là những dòng nhật ký.

Với 24 truyện của Tuyển Tập, quả thực người đàn bà bình thường tên Nguyên Nhung vẫn tiếp tục dùng ngòi bút của mình mà làm bật lên những góc đời trên bước đường mà chị đã đi qua. Chị đã thấy, đã suy tư và đã ghi lại. Xin cùng đọc mấy dòng nhật ký này:

“Trong đêm khuya, mẹ tôi bồm bồm ngồi nhai trầu hàng giờ ngoài mái hiên, không ngủ. Về. Không về. Mẹ tôi quay quắt trong ý tưởng được một lần về thăm mái nhà

xưa, nơi chốn cũ, thành phố nhỏ mà quanh đi quẩn lại chỉ những người quen biết. Con đường về làng cũ, có mồ mả ông bà, có ngôi mộ của thầy tôi nằm ở một nghĩa trang cạnh ven đê sông Hồng, có con đường ra Hà Nội hai bên râm mát bóng cây bạch đàn. Những hình ảnh năm cũ, nay như cuộn phim lần lượt trở về trong trí nhớ. Ít ra thì mẹ tôi vẫn ước ao về xây lại nấm mồ của thầy tôi cho tử tế, được trở về làng cũ, nói lại ngôn ngữ quê mùa với anh em, họ hàng trên mảnh đất quê nhà”.

Người mẹ đó, hồi 1954, phải rời bỏ Sơn Tây, gạt nước mắt đem 3 con xuống tàu vào Nam, để lại phần mộ còn mới của chồng và đứa con trai độ 15 tuổi. Năm đó người con gái út tên Nhung chỉ vừa xong mẫu giáo. Và cũng từ đó, người con gái nhỏ này đã sớm biết thế nào là nỗi buồn chia ly qua những tiếng khóc rấm rức của mẹ trong những đêm khuya. Hồi đó chiến tranh và sự ngăn đôi đất nước là những lần ranh nghiệt ngã đã làm cho gia đình ly tán. Rồi khi hết chiến tranh, người mẹ ấy vui mừng được đoàn tụ với đứa con trai đã hai mươi năm xa cách, và cũng thật buồn khi đứa con gái lớn đã đi nước ngoài; thuở đó coi như không còn gặp lại, và coi như có tội với nhà nước. Được đứa này thì lại mất đứa khác. Cho nên tuy nước nhà đã thống nhất nhưng những lần ranh nghiệt ngã vẫn còn khiến người mẹ không dám trở về nhìn lại quê hương miền bắc. Những lần ranh nghiệt ngã không dừng lại ở đó, nó theo bước chân của con gái út bà, bây giờ là thiếu phụ đi thăm chồng từ nam ra bắc, nó có mặt cả trong tình người. Đến khi cùng chồng con rời khỏi đất nước, trước mộ mẹ, người con ấy đã vừa khóc vừa nói với mẹ rằng:

“Thôi nhé mẹ ơi! Bây giờ thì thầy mẹ đã được gặp nhau rồi. Dầu đất nước chia lìa, dầu lòng người có phân ly, nay trở về cát bụi, sẽ không còn lần ranh nghiệt ngã nào bên

kia thế giới. Mẹ đã hoàn toàn bình yên, bình yên mãi mãi”.

Tôi có cảm tưởng chính những lần ranh nghiệt ngã này đã là một trong những nguồn cảm hứng cho ngòi bút Nguyên Nhung. Như đã nói, chị Nguyên Nhung đã đi trong cuộc đời và đã ghi lại. Vốn là một người vợ lính, chẳng hạn khi nhìn chiến tranh rồi suy nghĩ về cái nghiệt ngã của chiến tranh, ngòi bút Nguyên Nhung đã thật sâu sắc trong truyện ngắn Cõi Mù Sương. Đọc truyện này ta thấy cảnh tượng chiến tranh thật mờ nhạt mà nổi bật là tình người. Rồi sau chiến tranh, chị Nguyên Nhung đã thấy gì? Vốn là người có chồng bị đi tù ngoài bắc, chị thấy ngoài những người chiến thắng, tất cả còn lại là những nạn nhân. Trong truyện Những người không đất đứng, ngòi bút Nguyên Nhung đã nói tới một thời buồn chạy trên vỉa hè thành phố của chính mình, nói tới người bạn gái cùng cảnh ngộ đã trải qua bao nhiêu khổ ải của cuộc đời, để cuối cùng không có một chút đất che cái chồi, chị gom hết vốn liếng mua một cái ghe nhỏ buôn bán ven sông và trở thành người không đất đứng trong cái nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Rồi đến khi anh chồng ra tù, được trở lại quê nhà, thì nhà cửa đã bị chiếm đoạt bởi chính người trong gia đình, vợ con thì nghèo đã thất lạc, nhưng rất may mắn được gặp, nhờ chị vợ neo ghe vào bờ cho con ăn tết. Xin hãy nghe tác giả viết ở buổi hội ngộ này:

“ Dưới hàng dừa lá ngọn trên sông, lòng anh man mác buồn; rồi khi bước qua mấy bậc đá rêu trơn trượt để xuống ghe, tự nhiên anh bật khóc. Chuta bao giờ anh khóc ngon lành như thế, vì không phải lúc nào anh cũng có tự do để khóc; hơn nữa nỗi đau khổ đã làm mất anh ráo hoảnh, khô khốc không còn giọt lệ”.

Rồi từ đó anh mặc nhiên sung vào đội ngũ của những

người không đất đứng, anh sống nhiều năm nhiều tháng chèo chống với vợ trên chiếc ghe thương hồ. Tác giả viết về người cù tù nhân sống trên sông nước quê mình:

“Sống trên sông đã quen, người anh cứ bập bênh, lúc được lên bờ là những ngày ít ỏi của anh trên quê hương, mỗi lần bước đi anh cứ lảo đảo như người say sóng, chút xíu anh ngã vì lòng cứ mênh mông nghĩ đến một chân trời xa lạ”.

Gia đình người bạn này cũng như tác giả, có một ngày phải đi tìm đất đứng nơi xứ người. Ở đâu thì cũng phải tự tay chân trí óc mình mà làm nên cuộc sống, lo cho mình thì ít mà lo cho đàn con thì nhiều. Ngày đưa con tốt nghiệp đại học, tác giả thật vui vì thấy con từ trong thiếu thốn, khó khăn đủ điều đã biết tìm cách vươn lên. Đồng thời tác giả cũng lo cho những ngày sắp tới, tác giả viết:

“Nhưng lúc nào mẹ cũng mong mỗi rằng con vẫn giữ một tâm hồn VN, như giữ trong lòng một quê hương, để đừng khó chịu khi thấy mẹ vẫn băn khoăn lo lắng cho con như khi con thơ bé, để trả lời mẹ rằng: Things are different now!”

Ngoài những bài viết như những lời tự sự nêu trên, Nguyên Nhung còn có nhiều truyện khác cũng nhằm nêu bật những mặt trái của cuộc đời, những điều làm cho người đọc phải suy nghĩ, như truyện Mây quấn quanh trời, hay Mẹ Quất, hay Đôi chim sáo; trong truyện này tác giả có dịp nhìn hạnh phúc của đôi vợ chồng sáo trẻ, rồi nhìn những săn sóc của họ cho đàn sáo con, tha từng miếng mồi về mớm cho con, tập cho con biết bay nhảy, để rồi một ngày đàn sáo con đủ lông đủ cánh, chúng bay đi mất; đôi sáo già không biết chừng nào thì các con mới trở lại. Chỗ trú ngụ của đôi sáo già này cũng không còn khi

người chủ nhà sửa lại mái hiên. Ta thử đọc mấy dòng cuối của truyện này:

“ Tôi thấy đôi chim sáo bay về, ngơ ngẩn đậu trên sợi dây điện như hai nốt nhạc buồn, ngơ ngẩn nhìn về tổ ấm dưới mái hiên, rồi chúng vụt bay đi. Không biết ở mắt chúng có ứa ra giọt lệ nào không? Riêng tôi, sao buồn quá, và tôi đã khóc”.

Đọc chuyện của chim chóc mà sao cứ nghĩ tới mình!

Có truyện đang đọc ta bỗng nghe lòng bồn chồn, đọc xong thì thấy có chút nghẹn ngào, như truyện Đám ma con ky trắng, Rồi cũng thế thôi hay Vợ chồng già. Cái chết của con ky trắng cũng chỉ là cái cớ để tác giả nói lên một cảnh đời, một tình đời nhan nhản trên đất nước mình giai đoạn sau tháng tư, 75.

Một chủ đề khác được tác giả Nguyên Nhung khai thác thật nhiều đó là cái ân tình của người đối với người. Trong truyện Phố Cũ Tự Tình, chủ đề này đã được tác giả khéo léo thể hiện qua tâm sự của căn phố cũ đối với người đi kẻ đến. Cư dân cuối cùng là một gia đình phương Đông, họ đã đem theo họ một tinh thần Đông phương đầy tình tự dân tộc. Đến khi họ bỏ đi thì căn phố cũ buồn như một kẻ bị phụ tình. Căn phố nói mà như đang khóc:

“ Vậy mà cũng có một ngày người cũng bỏ tôi ra đi, mang theo tất cả hồn của căn phố cũ, tôi buồn biết bao nhiêu. Từ đây, những sáng sớm mù sương, những hoàng hôn cơn gió chiều thổi những chiếc lá sồi khô lăn xuống cuối dốc, những đêm mưa trong căn phòng ấm nhìn ra mặt đường khuya ướt át. Hơn tám năm dài tôi đã quen hơi người như quen hơi tình nhân, tôi rộn rã khi người vui, tôi ỉu rủ khi người buồn, chưa bao giờ tôi lại có cảm nhận sâu sắc như thế, khi thật sự hiểu rằng tại sao phải biết trân quý một tâm hồn, một trái tim.

*Người đi thật rồi sao? Tôi nghe lòng trống rỗng khi còn
trơ lại một mình với những bức tường trắng toát, và nỗi cô
đơn của một căn phố cũ.”*

Qua những trang viết trên, chúng ta đã theo chân một cô bé mới 6 tuổi theo mẹ bỏ Sơn Tây vào nam sống nhiều năm ở miền lục tỉnh, rồi lấy chồng, rồi một thân một mình lặn lội nuôi chồng trong tù, vất vả nuôi đàn con còn nhỏ dại ngoài một xã hội đã đổi ngôi, đổi chủ; rồi theo chồng sang đất nước này từ non chục năm nay. Như vậy ta thấy tiểu sử của nhà văn Nguyên Nhung là tiểu sử của một người đàn bà VN cận và hiện đại, giống như bao nhiêu người VN khác. Những người VN có chung 4 nỗi buồn: Nỗi buồn chia ly ngay khi còn thập thò ngoài ngưỡng cửa đời, nỗi buồn vào đời, hay nỗi buồn cống trọn vẹn trên lưng mình 20 năm chiến tranh, nỗi buồn bị hất ra khỏi dòng đời sau một cuộc đổi đời, và nỗi buồn sắp xa đời mà cái sầu ly xứ vẫn nặng ngàn cân trong lòng. Đọc truyện Nguyên Nhung ta thấy hình như có mình trong đó vì truyện Nguyên Nhung là chuyện đời thường, trong chúng ta không ít thì nhiều cũng đã có lần gặp.

Chúng ta đã đọc Nguyên Nhung qua Viết Giữa Mênh Mông và Cõi Vô Cùng, nay với Tuyển Truyện Nguyên Nhung ta thấy Nguyên Nhung có một nguồn hứng dồi dào, đề tài nhiều góc, nhiều mặt, nhiều mới lạ qua ngòi bút trơn tru, bén nhọn. Chắc hẳn Nguyên Nhung còn viết nhiều, nhiều nữa.

(Trích bài Giới thiệu Tác giả và Tác phẩm trong buổi Ra Mắt Sách tại Houston ngày 22 tháng 9 năm 2002)

Cao Vị Khanh

từ lục bát dễ em đến lục bát sa môn ... và lục bát hoàng phái

Không biết tôi thích lục bát từ hồi nào nữa?

Có điều chắc là không phải đợi đến khi vô trung học cỡ đệ lục đệ ngũ gì đó mới học lóm được đâu mấy câu để mà nắn nót đề thơ tặng ảnh, kiểu yêu nhau mới tặng ảnh này. *Xin đừng giận lấy và đừng xé đôi.* Ờ sao cái tuổi đó ngây ngô đến độ bạ đâu cũng tưởng là thơ hết vậy. Mà rồi cũng không phải đợi đến khi gặp thơ thứ thiệt cỡ những câu lục bát tuyệt vời của Huy Cận nai cao gót lẫn trong mù. *Xuống rừng nẻo thuộc nhìn thu mới về rồi mới đem lòng mê thích.* Mà không mê sao được. Ai biểu lục bát cũ rích đâu không biết. Chờ lục bát của ông họ Cù này làm từ những năm 30 mà đọc (bằng mắt), nghe (bằng tai) và cảm (bằng gì há) mới thấy lục bát mới tinh. Đọc thử một bài lục bát tuyệt vời khác của Cao Thị Vạn Giả những năm 60 coi. Tuyệt cú.

Tiểu anh ra tận phi trường.

Lối đi. Lối ở. Mười phương lối về.

Mù sương phi cảng náo nề.

Thôi anh. Ở lại buồn về em mang...

(Chỗ này thì phải chấm phết xuống hàng cẩn thận để thấy được cái diên đảo của chữ nghĩa trong lục bát Cao thị...)

Rồi Cung Trầm Tưởng mình tôi với phố giảng cao. Với cồn tuyết tịnh buốt vào thịt da.

Rồi Viên Linh. Rồi Hoài Khanh. Rồi... toàn là thi thánh với thơ thần...

Tôi mê lục bát lâu hơn vậy nữa, hình như ngay đầu từ lúc còn đèo bông với má, và cũng từ má mà mê, bắt đầu bằng những câu sáu tám “nhà quê” lắm, cỡ như là ví dầu

tình bậu muốn thôi. *Bậu gieo tiếng dữ cho rời bậu ra. Bậu ra bậu lấy ông câu. Bậu câu cá bóng chặt đầu kho tiêu. Kho tiêu bỏ ớt bỏ hành. Bỏ ba lượng thịt để dành cho em ăn... ầu ơ... ớ... ơ... Ờ từ cái thuở còn lẩn quẩn bên chân má, nghe má nằm vông, hát (ngâm? hò?) đưa cháu ngoại ngủ khi chị tôi phải ra trường dạy học. Tôi thì bị cho ra rìa, nằm trên bộ ván gỗ kê sát bên. Thử tưởng lại một buổi trưa nào đó, một buổi-trưa-nhè-nhẹ-như-ca-dao, ở một thành phố nhỏ nằm lấp lửng trên mấy giồng đất phù sa của miệt sông Tiền sông Hậu, nắng lấp lóe chấp chờn trên đầu cây đứng gió, tiếng vông đưa kéo kệt đều đều, và tiếng ầu ơ buồn buồn đưa cái ngủ đậu vật vờ lên hai con mắt... ầu ơ... ví dầu câu ván đóng đinh. Cầu tre lắt lẻo gập ghình khó đi. Khó đi mượn chén ăn cơm. Mượn ly uống rượu mượn đèn kéo chơi... ầu ơ... ví dầu câu giận mợ hờn. Cháu theo cùng cậu kéo đèn cho cậu nghe ầu... ơ... ớ... Câu này nối theo câu nọ, lê thê... không dứt, mà câu sau thì không ăn nhằm gì với câu trước, cứ ầu ơ với lại ví dầu tràng giang đại hải, hết má ơi đừng gả con xa nghe tới chảy nước mắt rồi nhảy qua cái chuyện đèn Sài Gòn ngọn xanh ngọn đỏ với đèn Mỹ Tho ngọn tỏ ngọn lu thiệt tình là chẳng ăn nhằm gì với nhau ráo trọi. Vậy mà đứa nhỏ cứ ngủ ngon lành, thẳng bé nghe ké cũng ngủ lê mê... và đôi khi người ru cũng ngủ chấp chờn theo luôn, ngủ mà miệng cứ ầu ơ và tay cứ nắm sợi giây kéo tới kéo lui cho vông đưa qua đưa lại... ầu ơ... một mai thiếp có xa chàng. (Chớ) đôi bông (thì) thiếp trả, (mà) đôi vàng (thì) thiếp xin... à... ơ... ớ... ví dầu ví dầu ví dầu... làm như người ru cũng chẳng cần để ý tới cái lô-gíc của mấy lời thốt ra. Nói như cho có nói. Không đầu không đuôi. Bạ đâu nói đó. Mấy tiếng ầu ơ thì như thể đưa hơi bắt giọng mà cũng như còn để lấy trốn bắt quàng qua một chuyện khác. Mà điều sáu tám nối liền sáu tám liên tu bất tận không thua chút nào cái trò nhả ngọc phun châu của đám thần đồng thất-bộ-liên-hoa hồi xưa hồi xưa...*

Vậy là tôi mê lục bát từ hồi đó lận. Và chính bằng những câu lục bát quê mùa đó mà tôi lọt vào mê hồn trận của lục bát lúc nào không hay. Mê tới nhập tâm... rồi lớn lên có lúc mượn đỡ xài luôn cũng tiện... Mà không mê sao được. Coi nè. Một cặp lục bát 14 chữ. Bằng bằng trắc trắc bằng bằng. Bằng bằng trắc trắc bằng bằng trắc bằng. Có vậy thôi, dễ ợt. Vậy mà thiên biến vạn hóa. Nói chuyện gì cũng được. Mà nói chuyện gì cũng hay. *Không tin dờ nấp ra coi...*

Khác với mọi thể loại khác, mỗi loại chuyên trị một thứ, lục bát thì có thể trị bá chứng. Từ tỏ tình đến thất tình, từ chung thủy đến phụ bạc, từ vui đến buồn, từ giận hờn chộc phá đến nghiêm trang răn dạy... cái gì lục bát cũng làm được hết. Mà làm tới nơi tới chốn, đâu ra đó mới là kỳ. Nghiệm lại thì hình như chính cái luật mà không lấy gì làm nghiêm nhặt của nó đã thả lỏng ý tưởng thành ngựa không cương. Chữ nghĩa và vần điệu cứ mặc tình dong ruổi nên ý tứ cứ mất tình mà phô trương. Thử coi.

Cái hồi tóc còn mượt, chân cẳng còn dệu nhiễu và trái tim còn lằng xằng như con lật đật, xách mấy “bài tử” đó ra xài thấy ăn lấn. Không biết cái anh con trai đi tát nước giả bộ bỏ-quên-cái-áo có kết quả gì không hay là mất tiêu luôn cái cố-sút-chỉ-đường-tà đó chớ còn tôi mỗi khi hát bài sáu tám anh đi lục tỉnh giáp vòng. *Tới đây trời khiến xui lòng thương em là mười tuồng đã ăn khách tới tám chín.* Còn lời tỏ tình nào thiết thực, chắc mềm như thể dang tay ra mà đo được lòng người bằng chính cái dậm đường lòng vòng sáu tỉnh vậy. Tơ tình nào mà không động đập trước sự chân thành tới độ lấy thước mà đo được đó. Phải không?

Còn cái lúc bị tình phụ, cứ giở cái giọng âu sầu kiểu tai nghe bạn cũ có đôi. *Trong lòng bối rối như vôi mới hầm thì dầu cho gan đồng dạ sắt đi nữa mà lỡ để lọt tai thì cũng chảy thành nước chớ đừng nói đến nhi nữ thường tình.* Cái lòng bối rối của người bị tình phụ mà đem so

sánh với vôi mới hăm thì còn gì tượng hình cho bằng. Nó âm âm i i, reo réo eo xèo, nổi bọt li ti, sôi không ra sôi mà nguội cũng không ra nguội, giống hết cái kiểu ngồi không được mà đứng cũng không yên, lằng xằng lích xích như đau không ra đau, bệnh không ra bệnh... Nó thật còn hơn cái có thật nữa. Tài hoa của người làm thơ cộng với tài hoa của lục bát làm thơ thành đời thiệt.

Vãi lại cái âm điệu của lục bát nghe hay lắm. Lúc thì lê thê như chèo chống mỗi mê. Lúc thì ào ào cứ như lên thác xuống ghềnh. Nó uyển chuyển thay đổi theo tâm theo ý theo chữ theo nghĩa mà lên bổng xuống trầm cùng với kiểu ngắt nhịp bất định làm lòng người vụt hăng lên hay trĩu xuống. *Làm trai cho đáng nên trai. Xuống đông, đông tỉnh, lên đoàn đoàn tan.* Chứng mạnh thì cũng đủ sức hô hào. Mà nhẹ thì cứ như tiếng thở dài khuya khoắt. *Anh buồn còn chốn thở than. Em buồn như ngọn nhang tàn thấp khuya...* Trời ơi nghe mà như thấy cả đêm cô phụ bay lả lả theo sợi khói ủ ê... Ai mà làm thơ như chọc gan chọc ruột vậy...

Cũng tại vậy đó mà tôi mê lục bát...

Mê lắm...

Rồi đến một lúc, khoảng giữa những năm 60-70, ở miền Nam bỗng nổi lên những câu lục bát êm ru như tiếng dỗ em thuở nhỏ, mà ý tứ thì nồng nả như mấy điệu huê tình trai gái dỡ nhau. Lắm nhảm vài ba câu bất chợt là đã thấy khoái cả ngày. *Vai nghiêng nghiêng suốt tơ huyền. Đôi gò đào nở trên miền tuyết thơm...* (*)

Không đã sao được. Sư môn nói chuyện văn nghệ đã lạ. Mà nói ra hoa bướm lại càng lạ hơn. Lạ tới mê mẩn tâm thần. Lờ đờ về một nhà sư làm thơ tình... Phạm Thiên Thư. *Yêu nhau từ độ bao giờ. Gặp đây giả bộ hững hờ khói bay.* Trời ơi cứ tưởng tới cái đám con trai con gái mới lớn, chấp chừng đòi yêu mà đọc tới cái câu lửng-lơ-con-

cá-vàng đó là sương tối xanh dờn cả mặt. Ông ta giam mình trong cửa thiền thăm thẳm mà rành tâm-lý-ái-tình không kém gì bà Tùng Long như vậy thì không biết đường tu hành của ông tới đâu chớ còn đường tình thì phải tôn ông ta là sư phụ... Tại sao trong tự điển có đủ thứ sư mà không có chữ tình sư vậy hả?

Thôi thì em chẳng yêu tôi. Leo lên cành bưởi nhớ người rừng rừng...

Phải là người đi sớm về trưa mê mải với tình mới có thể nói lời đường mật tới vậy.

Đã tình như vậy thì kinh kệ có làm xa tục lụy không nhỉ?

Cũng đã có nhiều lời bàn về thơ của ông sư họ Phạm. Rằng tình rằng em rằng hoa rằng bướm cũng chỉ là mấy ngón-tay-chỉ-trắng. Thấy trắng rồi thì quên tay đi chớ nắm nú làm chi mà mang tội...

Tôi thì tôi không tin vậy. Trong cái đầu rất hay mơ mộng của tôi thuở đó, nếu đã có một Tiêu Sơn tráng sĩ, đầu cạo trọc, tay bưng rượu tay múa kiếm mà tâm tưởng vẫn phiêu bồng ở cõi Quỳnh Như thì tại sao không thể có thiền sư tay gõ mõ tay làm thơ yêu em như cái Lão Ngoan Đồng tay vẽ vòng tròn tay vẽ ô vuông theo thế Song thủ hổ bác... Có cái gì là rất trắng rất đen đâu. Chỉ có trắng trắng đen đen thôi. Vả lại trắng ra trắng đen ra đen thì có cái gì mà đáng nói. Hễ yêu ra yêu ghét ra ghét thì cái cõi đời này làm gì còn mộng với mơ nữa. Và làm gì còn những động hoa vàng ở chỗ hang sâu rừng thẳm để chui vô mà nắm nú... nhớ nhau. *Vào hang núi, nhập niết bàn. Tình anh nở đóa hoa vàng cửa khe...*

Lục bát làm tới vậy thì đến Nguyễn Du chắc cũng vừa ý. Vừa nhẹ nhàng mà thâm thúy. Vừa chắc mẽm mà hồ như. Vừa vắn điệu mà bay bổng. Có điều dưa muối tương chao mà thơ thì mặn lăm. Sáu tám ỏm ở cái điệu làm bộ làm tịch, chạy chối quanh co đổ thừa này nọ mà lòng thì vốn

đã chẳng-nợ-thời-kia. Giọng thơ lơ lửng, lưng chừng theo kiểu tay nào nghiêng nón thơ che. *Tay nào lần chuỗi bồ đề xanh xao.* Chữ nghĩa cũng hư hư thực thực, mơ mơ màng màng, hiểu sao cũng được... dài cũng được mà tròn cũng được. Thơ ở đó mà tình cũng ở đó. *Vạc rằng thưa bác Thiên Thư. Mặc chi cái áo thiền sư ỏm ờ.*

Ờ mặc chi cái áo thiền sư ỏm ờ...

Ờ mà hỏi làm chi. Áo nào mà chẳng ỏm ờ, chẳng qua chỉ để che đở mấy cái hình dong tạm bợ mà lại giống hệt như nhau. Không phải đã có ai nói thân xác chỉ là cái giá để móc quần áo đầy thôi. Giá áo thì có cái nào khác cái nào đâu. Cũng là tứ đại với ngũ uẩn. Cũng là lục dục thất tình. Diệt Tuyệt sư thái mà vẫn còn ham hố đánh đấm hàm hồ. Nói chi cái đám thế nhân lục lục thường thường lợi qua suốt rồi mà còn đèo bồng cái chuyện bên kia suốt...

...

Ta về niệm Phật đại bi.

Phật xa xôi quá, em thì gần hơn

Ngày xưa dâng Phật nửa hồn

*Chiều nay em tới... ta còn góc tư! (**)*

Tối đây thì phải nói tấm lòng sân si của tôi chỉ còn có góc tám trước cái ảo hóa của thi ca. Chuyện đời chuyện đạo mà miệng lưỡi trơn lu lại trông treó như cái hình âm dương lộn lạo thì quả là tài hoa hết mức. Lục bát nghe ra nặng trĩu như một tấm lòng hệ lụy mà lại nhẹ tênh như một cánh hạc bay qua. Mấy chục năm sau ông sư ỏm ờ họ Phạm, lục bát có thêm ông sư lấp lửng Toại Khanh thì quả là trời xanh có mắt. Cái nỗi tình chùng còn có cơ bám rễ lâu dài...

Cuối năm 2001, khi trở về từ một chuyến đi xa, tôi được người quen nhét vội vào xách tay, tập sách mỏng vừa “thỉnh” được ở đâu đó, để đọc đi đường. Lòng cuối năm chừng đâu cũng lạnh và cứ chông chênh như chuyến bay

ngày trở gió. Tập thơ có tựa Nụ cười Tuyết Lãnh và tên người lạ hoặc Toại Khanh. Từ mấy dòng đầu tiên, tôi đã thấy mây ở đâu mà như ùa vào cửa kiếng và chuyển bay sau đó cứ lênh đênh như một cuộc vân du... *Ba nghìn thế giới vo tròn. Nhỏ lên giọt mực chỉ còn trang thơ. Ô hay thơ ở đâu mà bỗng về nhiều vô số kể. Mà bay bỗng. Mà trầm uất. Mà tươi rói. Mà chín mùi. Mà xả lảng. Mà dẫn đo. Mà ngộ thiền. Mà lụy tục. Mà... ba mươi năm một nỗi buồn. Nghìn lo toan, một vô thường tro bay. Muốn về đánh giấc hiên mây. Chợt nghe bên tục tiếng ai gọi dò.*

Lục bát suông như tiếng cười ầm ran trong cổ họng mà thắc thỏm như tiếng gọi dò ơi ới giữa đêm khuya. Lục bát êm ru như tiếng dỗ em mà dằn vặt như một nỗi nghi ngại. *Cỏ hoang ngỡ cộng cải trời. Hái bỏ vô nôi, ta khóc mình ngu. Mười năm rồi, mặc áo tu. Đạo đời nhằm mãi...mặt mù bước đi... Đọc mà thương hết sức. Cũng lại một giống tài-tình-thiên-cổ-lụy!*

Thiên môn chắc cũng giống như quyền môn thăm thăm giam khóa người tình của Trương Tịch vậy. Vào trong đó rồi cứ như cá mắc câu, lúng ta lúng túng, bỏ-thì-thương-mà-vương-thì-tội nên thơ nghe ra đau đến đoạn đành. *Ta về biển chẳng thấy em. Bỏ về non lại một phen mất người. Về sông cánh nhạn lưng trời. Vào phòng đóng cửa thấy người trong tranh.*

Ông Toại Khanh ơi, nghe đâu ông lánh bụi trần đằng sau cánh cửa từng đầy cộm mà thơ của ông thì cứ lấp ló mấy dấu chân quên lại ngoài cõi ta bà. *Em viễn phố. Ta giang hà. Mình cùng lỗi hẹn. Thế là mất nhau. Mà hồng chừng cũng tại cái tâm vô định mà lại cứ muốn định nên thơ đâm ra lửng tha lửng thững. Chữ nghĩa cứ như có khối có sương vờn quanh, lênh đênh lảng đãng đến vô chừng. Em về thấy lá nương dâu. Ta đi thương hải cơ cầu Vũ môn. Một đêm chần mỗi gối chùn. Mới hay từ bấy mình chung nỗi khờ. Nỗi khờ nào vậy. Hay chỉ là nỗi tiếc nuối vô vàn cho lần trề hẹn với định mạng. Sẩy có một khúc quanh*

mà trệt hẳn đời nhau, thành ra lạc mất nhau luôn như hai mảng tinh cầu vào trật một quỹ đạo... lạc mất nhau luôn trong khoảng tối tuyệt cùng...

Tự thân lục bát thiệt là giản dị, giản dị tới độ làm thơ quảng cáo thuốc sơn đông cũng được. Cứ bốn-câu-ba-vần là ra ngay. Nghĩ mà tội cho thể thơ đã phát sinh từ nét tài hoa của một dân tộc sính thơ. Được lắm kẻ ưa người thích thành ra nhiều lúc cũng lắm lem bụi đất. Bởi vậy mà lâu lâu đọc được mấy câu lục-bát-mai-cốt-cách-tuyệt-tinh-thần lòng cứ ngơ ngơ ngẩn ngẩn phiêu diêu như chợt thấy bóng hạc về một buổi thu phân.

Tên ta là lãng

Em tên nguyệt

Cuộc đời tên giang

Cho trăng nước tương phùng

Ta làm thân sóng dậm trùng

Em rơi trên đấy

Mình cùng trầm luân

Trầm luân hay thăng hoa làm sao biền biệt. Đời là nước cuốn, ta là gió, em là trăng, thơ là mộng ảo cho gió trăng sông nước tụ họp một lần thì dẫu thiên thu cũng phải sững lại làm chứng cho cuộc phối ngẫu tận tuyệt. Một lần thôi đã đủ. Thì trầm luân hay thăng hoa có đáng kể gì đâu.

Làm thơ lục bát mà nghe như xua cho nước chảy, thổi cho mây bay, chữ nghĩa thông dong không rán không cố, không o không ép, không cưỡng không cầu, suông sẻ trơn lu mà tình thì đầy ứ như con nước rong lênh láng. Làm thơ như vậy, đạo thì không biết lúc nào mới “đắc” chờ đời thì phải nói là “đất” lắm. Lục bát như vậy làm sáng danh cửa thiền không kém gì kinh kệ. Mấy ông sư nhà Lý hành tàng như rồng thấy đầu mà không thấy đuôi. Còn mấy ông sư thời này đầu đuôi gì cũng lấp ló. Thành ra đạo đời nhập cục gần ời là gần. Lục bát là cánh tay chỉ trăng. Mà nếu là tay ngài thì sao chỉ thấy trăng mà không thấy tay.

Uổng vậy.

Ông Toại Khanh ơi xin ông thứ lỗi. Ông đã cẩn thận dặn dò cả những tiếng Ta Em Thương Nhớ, rải rác đây kia cũng chẳng qua một chỗ neo thuyền bên bờ cỏ. *Qua sông rồi thuyền còn bỏ lại, nói gì chỗ buộc dây.*

Ờ thì chỗ buộc dây không nói tới. Nhưng còn những dấu hài? *Bây giờ hải giác thiên nhai. Lối mòn là một dấu hài cuối sông.* Người xưa kẻ đã ném nón qua sông, người đã cỡi trâu xanh đi vào núi biếc thì nhắc làm chi những dấu hài để lại. Mà có sá chi một dấu hài. Dấu hăng hà vô số dấu đi nữa thì cũng là không. *Mười năm sau giữa tịch liêu. Vết người... là một mái lều vắng không.* Vậy chớ cuộc đời này chẳng phải một chuyến đi không về sao? *One-way ticket. Ta cầm chiếc vé one-way. Theo em mấy buổi lợi về rả chân. Tình trôi về phố mù tăm. Trái tim lộng gió đêm nằm phát run. Làm thơ gửi côi vô cùng. Em vô trụ xứ tình không chốn về.*

Vậy thì dặn dò làm chi nữa cho mắc công. Ta Em Thương Nhớ... Ông... Tôi... hay gì gì đi nữa... lục bát cũng chớ hết... cũng đưa cho qua sông rồi đi biệt... Cái còn lại là mấy dòng lục bát... còn lại là mấy dòng lục bát ngắt ngưỡng trên con sông đời bát ngát, vô thủy vô chung.

Thiện tai. Thiện tai.

Tản mạn như vậy chắc đã vừa đủ lan man. Nhưng sao còn thấy ảm ức. Dường như gần đây đâu phải lục bát chỉ rất một điệu êm ru, ru đưa người ta vào cơn trường mộng. Không, lục bát còn có cái giọng sắc lẹm, lời lẽ bén ngọt như Lưu cầu, nhọn hoắc như mũi trủy thủ, cắt đâm từng xẻo, lôi kéo xềnh xệch người ta về cõi thực. Thơ phóng ra như xô đẩy, vây đuổi, thanh âm dày xéo, cắn đặng, giằng co, trì kéo như cửa vào tâm não, rờn rợn như tiếng mã vĩ cọ vào giầy đồng...bắt người ta đối diện với mình, với quá khứ mình, với hiện tại và cả với tương lai là cái chưa từng có. Bắt người ta ngó trừng trừng vào thân phận, vào định

mạng, vào hư vô, vào cái còn, vào cái mất, vào thế giới bên ngoài trống trơn, vào thế giới bên trong trống hoác... Lục bát không còn êm đềm, lục bát trở nên dằn vặt, khắc khoải, rêm nhức như cái thời đại của nó. Thời đại của chia lìa khốn đốn, của tan rã thất lạc, của mất tâm biệt tích, của ngộ nhận làm tỉnh, của đui mù cảm điếc, của Tôn Tẩn giả điên, của Bàng Quyên hống hách... Lục bát của Hoàng Xuân Sơn.

Mỗi lần đi

một hồi đường

tôi chậm lết giữa nộ cuồng thế gian

giữa trăm khóc liệt giăng hàng

tìm đâu

tôi?

*ở ngổn ngang sự tình (***)*

Thơ của ông họ Hoàng này dữ dội lắm. Lục bát không còn hiền khô ngún nguẩy làm bộ làm tịch ra cái-diều-em-chả nữa. Lục bát nói thẳng thừng huých toẹt ngay bon đung phóc. Ai trúng tim đau ráng chịu. Lục bát của cái thời khói sương đã ô nhiễm, mùa màng đã điên đảo, trái đất đang hấp hối và nhân loại sắp điêu tàn. Lục bát của cái thời ngôn ngữ đã không còn là nhịp cầu thân ái mà đã trở thành bầy sập, là lũ âm binh trong tay phù thủy đi gieo rắc tai ương. Lục bát cũng phải hoá thân để chui vào địa phủ.

Đêm =

tiếng thét hoảng kinh

ngày +

thêm nỗi dị hình cưu mang

Lục bát không thêm lẫn tránh cái sự thật hiện tiền nữa, không chịu quanh co tránh né nữa. Nó làm cái công việc chứng nhân thiệt thà bằng cung cách rất chừng chặc về cuộc trầm luân của thập loại chúng sinh. Chừng chặc đến lạnh người.

Mặt đất quanh ta đã co lại. Trắng lầy dấu phàm phu. Hoa

lấm lem tục tử. Suối róc rách chỉ còn lại trong nhạc Văn Cao. Và mơ và mộng sẩy non. Và tình yêu và nhân nghĩa chết yểu.

Buồn cho nên đã không còn buồn vợ buồn vẫn buồn thiêu buồn thiu. Buồn là buồn. Chấm hết. Không có buồn buồn. Chỉ có buồn bực. Âm trầm khô khốc như tiếng đóng cửa. Bít lối. Buồn là hết thuốc chữa. Buồn là buồn. Vậy đó. Ngoại cảnh không còn ăn nhằm gì với tâm cảnh. Không còn cái này nâng đỡ hoặc san sẻ cái kia cho nhẹ bớt. Không còn buồn-trông-cửa-bể-chiều-hôm-thuyền-ai-thấp-thoảng-cánh-bướm-xa-xa nữa. Không còn cái buồn-vọc-nước-giỡn-trăng-nước-xao-trăng-lặn-buồn-ơ-là-buồn nữa. Buồn vậy phong nhã lắm. Buồn vậy lãng mạn lắm. Bây giờ buồn là buồn. Vậy thôi. Cái buồn đặc cứng như một khối vật chất ù lì, độc lập, kiêu ngạo, xoi không thủng, xò không ngã, không sang không nhượng. Cái buồn tự thân đã là một lý do ắt-có-và-đủ.

Ngồi bên cửa

lọt ưu phiền

để chùng năm tháng

đã quên

lòng người

một vòng dang rộng xa khơi

một ôm hụi hảnh

phiên trời thâm căn

ngồi nghe thương thế lịm dần

với mồi meo nắng

với tàn ngần

mưa

Nghe chưa mảy, tên đấng tử cùng đường. Trước mặt sau lưng bên phải bên trái đã là tuyệt lộ. Dĩ vãng là huyết tối. Tương lai là kim tỉnh. Bó chân lại mà ngồi. Ngồi như đá thâm căn. Ngồi như rêu trầm tích. Ngồi thu lu như một khối buồn tự tại.

với mưa

với mưa

với mưa

với môi bần bật âm thừa khổ sai

Thấy những sợi mưa vô tình bay nghiêng nghiêng chưa?
Bay như loạn đao. Bay như xạ tiễn. Bay bất kể sống chết
bởi có nghe gì đâu tiếng kêu thương trẻ trằng đó. Còn lời
nào nữa những âm đã thừa thãi, người đã xa và ta và nỗi
nhớ khổ sai. *Bần bật, môi run mà không ra tiếng, ý tụ mà
không thành lời, trời ơi ông làm thơ hay ông tác tượng,
mà chữ của ông cứ như mũi dao xoáy khoáy vào tâm.*

Hoàng phủ thiếu gia ơi, ông vốn người nho nhã, ăn nói
nhỏ nhẹ mà sao thơ ông nghe ra tiếng-sắt-tiếng-vàng-
chạm-nhau. Chữ nghĩa như dao kéo cắt khứa ruột rà người
ta ra từng khúc cho đành. Chữ nghĩa của ông không còn là
đồ chơi cho người ta ngắm nghía nữa. Hay là đã tới cái
thời interactif nên chữ nghĩa cũng đổi đời. Nó không nằm
ỳ đó chịu trận. Nó động đây, lung lảng tới độ lôi kéo
người ta tới cái chỗ mà nó muốn. Bắt người ta thấy tận
mắt, nghe tận tai, đau tận tim cái thực tại chính thị. Không
hiệu đính. Chẳng tu chỉnh. Viết cho người bạn tù cải tạo
về, ông làm tôi “buồn “ quá đôi khi thấy lại cái trắng
không đến nhòe nhoẹt còn đó sau cuộc bể dâu

...

ta về

như gợn gió âm

ở lâu vết buốt

ngực trầm tích kia

giọt mưa giọt lệ đầm đìa

thất phu

nhòe buổi ta về

trắng

không.

Cái chữ nhòe của ông “tới” quá đôi. Nước mắt nhòe hay
chính cái lộn lạo của bức tranh vân cầu nhòe nhoẹt vì dơ

dáng đại hình. Thôi thì ai nghĩ sao thì nghĩ. Mà điều thơ của ông cũng độc tài lắm. Nó bắt người ta nghĩ thế này mà không thế nọ. Tại cái chữ của ông có gai có góc nghĩ ngời lan man nó đâm nó chích cũng rướm máu như chơi. Đã trắng lại không thì làm sao mà không nghĩ đến nhạt nhòe khi lòng đã lạnh. Nghĩ khác đi thì nghĩ làm sao?

Dường như có lúc ông làm lục bát nghe êm như tiếng Huế rừ rừ. Giọng có buồn thì cũng còn chốn thở than. Cái buồn như vốn bẩm sinh của Huế lắt lay dưới mấy tàn cây rong rêu lịch sử. Còn đàn này, lục bát của ông bây giờ nghe buồn đến nín thở. Buồn đặc. Buồn cứng. Buồn nặng. Buồn hết nói. Chắc tại miệng lưỡi nhà quan có gang có thép hay sao mà chữ nghĩa của ông càng lúc càng nặng trĩu.

Chẳng vậy ông còn chơi nghiệt. Ông cắt, ông ghép, ông uốn, ông ép cho lục bát đổi hình đổi dạng như người ta chơi kiếng. Ý thôi chưa đủ, còn phải có hình có dạng ông mới thỏa lòng. Làm như ông muốn đắp da đắp thịt cho một nhan-sắc-mộng-mị vậy. Chữ, câu là cái hữu hình, ý tứ là cái vô hình. Mượn cái có hình đưa tới cái vô hình không phải là một cách tiếp cận sát rạt đó sao? Cách sắp xếp trình bày vì vậy chính là một phần của tổng thể. Hình thức bài thơ là họa đồ cho đường đi của tình ý. Hình thơ vận vẹo đập vào mắt, ý thơ ngất nghèo xoáy vào não. Ông mạnh tay lắm, bẻ gãy cái cấu trúc đã ngàn năm cái một. Bằng trắc thì vẫn là bằng trắc mà sáu tám thì không còn là sáu tám nữa. Đã tới lúc tìm một tên gọi mới chưa cho cái thể thơ mà ông rất sành và rất sành.

Có một điều tôi thích lắm là ông nghịch ngợm phá phách vậy mà vẫn giữ y nguyên cái điệu trầm thống của lục bát. Vẫn thì vẫn bằng trắc như thường mà câu cú thì ông để mặc theo sự tình đưa đẩy. Lúc thì lồng lên giựt ngược như ngựa sút cương, lúc thì nhিপ nhàng như lỏng buông tay khâu. Mà cũng không phải vô ý vô tứ gì đâu. Ông ý tứ

lắm. Câu một chữ, hai chữ, ba chữ... bảy tám chữ đều có lý của nó. Lúc thì gọn như cắt ngọt xốt, lúc thì cù cựa như cựa, như nghiêng cho đau thấu mây xanh. Ông làm thơ như vẽ tranh. Đọc thơ của ông sao cứ tưởng như ông đang oằn người trước khung vải trắng. Dao cọ vung ném tới tấp kéo gò vổ đắp bồi trét từng tảng màu nóng lạnh như từng mảng đời nóng lạnh.

ngàn năm

bản mặt dầu dầu

trái tim vô ý

qua cầu

gió

bay

ra đường thấy nắng hây hây

quay về ngộ gió

thổi đầy

phòng không.

Có thấy không, cái tà áo dài bay lả lả như chọc ghẹo trai non...khi qua cầu gió thổi.

tôitôiemem mơ màng

tưởng dăm phút

sống

tào khang nghĩa tình

giậngì giậngì

làm thịnh

nói đi. Nói

chút rung rinh

miệng

lời

Thấy không cặp môi mím chặt, lưỡi liú lại lấp ba lấp bắp, giận lắm đó, cơn khủng hoảng thường nhật của cái đời sống đã tẻ lạnh đến bất thường. Còn chỗ nào để chen vào nói một lời cảm khái.

Chữ, nghĩa, ý, hình, tiết tấu thay đổi dồn dập, dồn dập đẩy lực bát xua lại gần nay, nhịp theo kịp cái nhịp hỗn

hển bứt hơi của đời thực. Thơ không nói về cuộc đời. Thơ chính là cuộc đời. Gãy gập. Trắc trẹo. Tê buốt. Y như cái hình người ôm đàn tây ban cầm của Picasso, ngồi xếp chân, đầu ngheo tới sát đất, tay khẳng khiu quơ quào như nhánh tre khô và cây đàn, cây đàn thì đâm thẳng lên như một tiếng kêu trời, đứt ruột.

Tôi phục ông sát đất ông Hoàng ơi. Ông làm mới một điều đã cũ. Ông kỳ khu gọt giũa mà có thấy công phu đâu. Vậy mới hay. Ông làm thơ bất cứ ở đâu. Trên hè phố. Bên giàn máy. Giữa đám cốt đột ông phải phục vụ hằng ngày. Vậy mà thơ của ông cứ lững lững ngang nhiên ra vô cớ nhân sinh như vào chỗ không người. Khi bay bổng. Khi trầm trọng. Mà thẳng hay giáng gùi tôi thấy cũng phẳng phất cái điệu con vua cháu chúa, kiêu hãnh ngay cả khi đã bụi lấm. Có vậy thì cô đơn cũng là điều không thể tránh.

Tôi phục ông như phục mấy ông “thầy” lúc này, như phục mấy ông dân giả lúc trước. Mỗi người một cách mà mười phân vẹn mười.

Thơ có điều muốn nói. Nói sao cũng được. Miễn là nói thơ.

(*) Động hoa vàng của Phạm Thiên Thư

(**) Nụ cười Tuyết Lãnh của Toại Khanh

(***) thơ chưa in của Hoàng Xuân Sơn

Lữ Kiều

Nơi đảo xa kia

(kịch)

NHÂN VẬT

BÉ TRAI, khoảng 8,9 tuổi

BÉ GÁI, nhỏ hơn bé trai

NGƯỜI TÙ, một trung niên

LÍNH CANH, thanh niên.

CẢNH

Một bãi biển hoang vu; cây rừng và ghềnh đá xen kẽ. Bãi cát vàng. Những con cá chết nằm lẫn lóc dọc theo bờ. Hình ảnh trại giam tượng trưng bằng cái chòi canh ở thật xa trên đỉnh núi.

MÀN ĐỘC NHẤT

Hai đứa nhỏ mình trần, màu da rám nắng, răn rỏi, tóc tai bù xù đang chơi trò đám tang cá chết. Đứa bé trai đặt những con cá chết trên bẹ dừa kéo lê đi. Đứa bé gái theo sau.

BÉ TRAI: Khóc đi mày! Khóc đi mày!

BÉ GÁI: Ù...oa... ù... oa...

BÉ TRAI: Không. Đừng bắt chước con nít khóc. Bộ mày không nghe ông Năm khóc sao?

BÉ GÁI: Ông Năm nào?

BÉ TRAI: Ổng trong xóm đó.

BÉ GÁI: Ổng khóc con ổng chớ bộ khóc mấy con cá chết sao?

BÉ TRAI: Thì mình giả bộ mà. Mày lằng xẹt. Thôi không chơi nữa.

BÉ GÁI: Í...í... Thôi, để tao khóc. (Đưa tay lên dụi mắt

giả giọng người lớn kể lể) Ôi con ơi là con ơi... Con chết oan chết ức con ơi... Sao con không nghe lời cha, hãy nhẫn nhục mà chịu đựng. Con đã làm thân tù tội mà con trốn làm chi, con ơi là con ơi, để người ta bắn lủng bụng chết không kịp ngáp con ơi... ối con ơi là con ơi...

BÉ TRAI (Vụt cười) : Ha ha! Ngộ quá! Ngộ quá! Mà y làm giống in hệt.

BÉ GÁI: Đồ dô diên!

BÉ TRAI: Cái gì dô diên?

BÉ GÁI: Người ta đang khóc mà mình cười, (ngừng một lát rồi cười theo) Ờ... mà ông Năm cũng kỳ! Ông khóc mà chẳng có nước mắt gì ráo. Tao đứng gần tao thấy rõ nè!

BÉ TRAI: Thôi mà y bắt chước thím Xôi đi. Thím khóc anh Tư ấy mà.

BÉ GÁI (tự lự): Thôi.

BÉ TRAI: Sao vậy?

BÉ GÁI: Buồn quá. Thím khóc nước mắt đùm đê à, tao làm hổng giống đâu.

BÉ TRAI: Nản mà y quá. Thôi tao về.

BÉ GÁI: Í... í... Để tao khóc, mà mà y đừng xía vô cười nghe không! (làm bộ vật vã khóc) Con ơi, má có mình con mà sao con vội bỏ đi. Con ơi à... con ơi... Ôi chao trời ơi... Ai ngờ tre già khóc măng mọc! Thảm quá con ơi... Con chết đường chết sá, thân mỗi nơi một mảnh. Ôi, chính phủ ơi là chính phủ; mấy ông nói nó là con chính phủ, bộ chính phủ lấy tui sao mà để ra thằng Tư? Chính phủ đền nó cho tui! (Đập mình) Đền cho tui, không thì tui tự tử chết đây...

BÉ TRAI (cười ngặt nghẽo): Xôi ơi, mà y làm tức cười quá (ngừng lại) Ủa, mà y làm sao mà cũng nước mắt lòng thông vậy? Nhứt mà y rồi!

BÉ GÁI: Tao nhớ thím Xôi hôm đám anh Tư mà tự nhiên rớt nước mắt mà y ạ. Thôi, bỏ trò này đi. Chẳng vui gì cả.

BÉ TRAI (dừng lại): Ủ. Đéo vui. (Lật úp bệ dĩa cho

những con cá chết rơi trên cát) Tại mày đó.

BÉ GÁI: Sao vậy?

BÉ TRAI (ngồi xuống): Tại mày làm giống quá. Minh giả đồ chó bộ làm thiệt mày?

BÉ GÁI: Ờ hay. Xí! Lãng xẹt. Mày biểu tao làm mà...

Hai đứa nhỏ cùng ngồi bệt xuống cát. Mỗi đứa ngó mông một phía.

BÉ TRAI: Nè mày...

BÉ GÁI: Gì?

BÉ TRAI: Chính phủ là ai vậy?

BÉ GÁI: Là... mà tao đâu có biết.

BÉ TRAI: Sao thím Xôi bắt đền?

BÉ GÁI: Chắc là một người giống chú Xôi. Không chừng là chú Xôi cũng nên.

BÉ TRAI: Xí! Không phải chú Xôi đâu. Mắc gì đi bắt đền chú Xôi.

BÉ GÁI: Nè. Anh Tư con chú Xôi. Vậy mà ông hội đồng xã nói anh Tư con chính phủ rõ ràng tao nghe. Vậy chú Xôi là chính phủ chó ai nữa.

BÉ TRAI: Người ta xạo đó.

BÉ GÁI: Sao mày biết.

BÉ TRAI: Người lớn ưa xạo lắm.

BÉ GÁI (cười ngật nghẽo): Sau này mày lớn mày cũng bày đặt xạo hé!

BÉ TRAI: Tao không.

BÉ GÁI: Ai biết (im lặng một lát) Thôi nói vòng vo hoài. Bày trò khác chơi đi mày.

BÉ TRAI: Hết biết trò gì rồi (thở dài). Mấy hôm trời động, chỉ mong trời nắng. Bữa nay trời nắng mà cũng đeo có gì vui. Chỉ có mấy con cá chết.

BÉ GÁI: Ừ, chỉ có mấy con cá thúì ình. (Khịt mũi) Thôi về mày.

BÉ TRAI: Tao chưa muốn về.

BÉ GÁI: Mày ở lại làm gì?

BÉ TRAI: Tao đợi tàu đi tuần. Để vẫy tay với mấy ống

trên tàu chơi.

BÉ GÁI: Tao đợi với.

Người tù men theo ghềnh đá, bước nhẹ sau lưng hai đứa trẻ. Y ngó dáo dác, láo liên chung quanh. Y leo lên ghềnh đá, ngó tứ phía rồi bước xuống. Y núp sau một gốc cây, tần ngần muốn bước ra rồi lại thụt vô. Bọn trẻ vẫn không hay biết.

BÉ TRAI: Nè, hồi nãy mày bắt chước bác Năm hay quá. Người ta nói con bác ấy là tù.

BÉ GÁI: Là tù?

BÉ TRAI: Ủa, là tù.

BÉ GÁI: Tù là gì mày?

BÉ TRAI (bối rối): Tù cũng giống như mày như tao vậy đó.

BÉ GÁI: Thế sao người ta không gọi mình là tù?

BÉ TRAI: Vì mình còn nhỏ.

BÉ GÁI (đanh đá): Bộ người lớn thì là tù hết sao? Tía mày, má mày là tù cả hả?

BÉ TRAI: Nản mày quá. Tù khác chớ!

BÉ GÁI: Khác làm sao?

BÉ TRAI (chỉ tay): Mày thấy cái chòi kia không? Hồi tao theo tía vô rừng, tao nhìn thấy những dãy nhà ở đó. Chung quanh là rào kẽm gai và chòi canh. Tía tao nói tù họ ở trong đó. Họ không được ra khỏi. Trại giam mà!

BÉ GÁI: Có chùn thì đi ra chớ mày. Bộ họ què sao?

BÉ TRAI (chỉ tay): Không có. Tía tao nói họ bị nhốt trong, ai chạy ra là bị bắn. Con bác Năm chạy nên bị bắn lủng bụng đó mày.

BÉ GÁI: Kỳ cục hén!

BÉ TRAI: Còn lắm cái kỳ nữa. Họ mặc đồ nâu có sọc chữ trắng. Người nào cũng đen thui.

BÉ GÁI: Mày thấy rõ hén!

BÉ TRAI: Tía tao còn dẫn tao lại gần chòi canh mấy ông lính kia. Tao trông rõ lắm. Với lại... (ngập ngừng)

BÉ GÁI (giục): Gì mày?

BÉ TRAI: Họ cầm mày ạ. Bữa đó tao thấy cả trăm người ngồi chồm hổm ngoài nắng mà không nghe ai nói gì cả. Nản quá.

BÉ GÁI: Con bác năm đâu có cầm mày?

BÉ TRAI: Mày hỏi vặn hoài. Thì tù là vậy đó. Để tao dẫn mày đi xem. Dám đi không?

BÉ GÁI: Dám... Đừng khi để tao con gái... nhưng để bữa khác.

Hai đứa trẻ lại ngồi bó gối, ngó mông ra biển. Người tù từ từ xuất hiện.

NGƯỜI TÙ (giọng cười thân thiện): Đây hai em.

Hai đứa nhỏ cùng giật mình.

BÉ GÁI: Ủa! Cái ông này! Ăn mặc gì kỳ cục!

BÉ TRAI (nhỏ tiếng): Tù đó mày.

BÉ GÁI: Không phải đâu. Người này đâu có ở trong cái trại có rào kẽm như mày nói? Người này đâu có cầm như mày nói?

BÉ TRAI: Tao nói tù là tù. Cãi hoài.

NGƯỜI TÙ: Thôi hai em đừng cãi nhau nữa. Tui là ai cũng được. Nhờ hai em chỉ cho tui đường vô xóm mà không đi ngang nhà ông trưởng ấp.

BÉ TRAI: Hỏi chi vậy?

NGƯỜI TÙ: Tui sợ ông ấy lắm.

BÉ GÁI: Mặc gì sợ?

NGƯỜI TÙ: Ổng không cho tui vô xóm.

BÉ GÁI: Có chùn thì đi chớ.

NGƯỜI TÙ (cười giả lả): Thôi mà em. Giúp tui chút mà.

BÉ GÁI: Vậy ông có phải là tù không?

NGƯỜI TÙ: Phải cũng được. Không cũng được.

BÉ GÁI (Đanh đá): Vậy ông có gặp ông trưởng ấp cũng được. Không gặp ổng cũng thôi hé.

NGƯỜI TÙ: Tội nghiệp quá em. Thì tui là tù đây...

BÉ TRAI: Tù hả?

BÉ GÁI: Giỡn thiệt cha nội?

NGƯỜI TÙ: Tui đi trốn đây em ạ. Tui trốn từ trại giam ra

đây.

BÉ GÁI (quay lại bạn): Mày xạo tao hén. Ông đâu có cầm (tra vấn) Nè, vậy tui hỏi ông chớ ông trốn làm chi vậy?

NGƯỜI TÙ: Em còn nhỏ. Chưa hiểu đâu. Thôi, tui gấp lắm. Chỉ đường cho tui đi em!

BÉ GÁI: Không biết!

BÉ TRAI: Tui cũng không biết!

NGƯỜI TÙ: Tội nghiệp tui mà em. Tui gấp lắm.

BÉ GÁI (mỉa mai): Tui còn nhỏ mà. Tìm người lớn mà hỏi.

NGƯỜI TÙ: Thì thôi. Tui đi vậy. Nhớ đừng nói với ai là có gặp tui.

Bỏ đi, leo qua ghềng đá.

BÉ TRAI: Ấy đừng đi ngã đó.

NGƯỜI TÙ (cười gượng): Tui biết em tốt lắm mà, ngã nào em?

BÉ GÁI: Xí. Đừng chỉ mày.

BÉ TRAI (hậm hực): Kệ má tao. Nè ông tù, ông đi theo hàng dừa kia là vô xóm, tránh căn nhà đầu có treo cờ đó.

NGƯỜI TÙ (sung sướng, hấp tấp): Chào hai em. Cám ơn. Cám ơn

Người tù hối hả bước đi.

BÉ GÁI: Xí, ai thèm cám ơn...

BÉ TRAI: Sao mày khó quá vậy?

BÉ GÁI: Ai khó? Lãng xẹt!

BÉ TRAI: Mày khó. Gây hoài. Hỏi thăm một chút cũng bắt bẻ. Khó quá thì ra ngoài đồng mà chơi với trâu!

BÉ GÁI (giận dữ): Hừ.

BÉ TRAI: Hừ hè gì. Nản mày quá. Thôi, để yên cho tao chờ tàu tuần. Hình như có tiếng tàu hụ ngoài xa.

Tiếng tàu hụ xa xa.

BÉ GÁI: Tàu sắp tới.

BÉ TRAI (đứng dậy trông ngóng): Đéo thấy (leo lên

ghềnh đá che tay nhìn ra biển). Đéo thấy đâu.

BÉ GÁI: Có khi tao nghe tiếng còi hụ mà chẳng thấy tàu đâu cả.

BÉ TRAI: Lúc trời động kìa. Chớ hôm nay biển êm trời trong vậy thì thế nào cũng thấy mấy ổng.

Tàu lại hụ.

BÉ GÁI: Kỳ cục!

Bước lên ghềnh đá đứng cạnh bạn. Người lính canh hiện ra sau lưng hai đứa bé. Y mang súng dài, nai nịt gọn gàng, đang thở mệt nhọc.

LÍNH CANH: Nè, nhỏ.

Hai đứa bé quay lại ngơ ngẩn.

BÉ GÁI: Gì vậy?

LÍNH CANH: Bọn bây có thấy thằng tù trốn chạy qua đây không?

BÉ GÁI: Tù nào?

LÍNH CANH: Hẩn mặc áo quần màu nâu, có sơn chữ trắng sau lưng. Thấy không?

BÉ GÁI: Không thấy! Hỏi chi vậy?

LÍNH CANH: Sao mày lẹ miệng quá cỡ vậy con gái? Tao nói thằng nhỏ kia kìa. Nhỏ, nãy giờ mày thấy ai qua đây không?

BÉ TRAI: Không, mấy ổng chưa tới.

LÍNH CANH: Ổng nào?

BÉ TRAI: Mấy ổng trên tàu. Tàu vừa hụ đó.

LÍNH CANH: Mày trả lời chẳng ăn nhằm gì cả. Tao hỏi mày có thấy thằng tù đang trốn chạy qua đây không?

BÉ TRAI: Không biết.

LÍNH CANH (bực tức): Nực mày quá! Thấy hay không chớ sao lại không biết?

BÉ GÁI: Hỏi dữ hé!

BÉ TRAI: Bị tui không biết tù là gì.

LÍNH CANH: Tao nói rồi. Hẩn mặc quần áo nâu, có chữ trắng.

BÉ TRAI: Một người hả?

LÍNH CANH: Ừ.

BÉ TRAI: Có.

LÍNH CANH: Đúng thằng tù hả? Hấn ra sao?

BÉ TRAI: Giống ông vậy.

LÍNH CANH: Giờ hấn đâu rồi?

BÉ TRAI: Đi rồi.

LÍNH CANH: Đi đâu chớ?

BÉ GÁI: Ai biết. Muốn đi đâu thì đi, bộ con nít sao mà phải má dẫn.

LÍNH CANH (phì cười): Ngon há. Thôi tao đi gấp. Không có thì giờ nói chuyện với tụi mày.

Bỏ đi về phía những hàng dừa.

BÉ GÁI (nói với theo) : Xí, ai thèm nói chuyện.

BÉ TRAI (cười): Thì phách lối vậy nên mình không nói thiệt.

BÉ GÁI: Tao biết rồi mày ạ. Người này xách súng đi tìm người tù hồi nãy để bắn lủng bụng đó. Như vụ con bác Năm mày nhớ không?

BÉ TRAI: Người lớn kỳ quá. Rượt bắt chi vậy không biết. Cho bọn họ chạy tìm nhau chết bỏ...

Tàu hụ.

BÉ TRAI: Lạ quá! Lạ quá! Tàu hụ hoài mà chẳng thấy đâu. Tàu ma mày ơi!

BÉ GÁI: Nhảm. Làm gì có ma. Mày nhát tao hả? Tao không sợ đâu.

BÉ TRAI (đứng đắn): Thiệt mày (che tay ngang mắt cố nhìn). Tàu hụ nghe gần quá mà tao ráng nhìn chẳng thấy gì.

BÉ GÁI: Coi. Để tao ráng thử xem.

Người tù sau ghềnh đá lại xuất hiện. Y vòng sau lưng hai đứa nhỏ rồi đi về hướng người lính canh. Y không tin lời chỉ đường của tụi nhỏ. Hai đứa nhỏ vẫn không hay biết, đang chăm chú ngó ra biển.

BÉ TRAI: Thôi xuống mày.

Bước xuống.

BÉ GÁI: Về chưa mà y?

BÉ TRAI: Chưa. Tao đợi mặt trời lặn.

BÉ GÁI: Nhứt mà y rồi. Giỏi hé. Tía mà y trông, ổng chưởi tất bếp.

BÉ TRAI: Thì mà y về trước đi. Làm tàng hoài.

Bé gái giận lấy, nhưng vẫn ngồi xuống cạnh bạn. Cả hai im lặng. Một lát. Rồi có tiếng chim quạ, lúc đầu nhỏ, sau Tiếng quạ lớn dần.

BÉ GÁI: À! Quạ ! Quạ !

BÉ TRAI: Quạ tìm mồi đó mà y.

BÉ GÁI: Quạ ăn cá chết. (vung tay lên) Á! Quạ ! quạ ! quạ ! Xuống đây! Xuống đây!

BÉ TRAI: Nó chẳng dám xuống đâu. Nó sợ tội mình mà y ạ. Mà y kêu nữa đi.

BÉ GÁI (đứng dậy, vung hai tay) : Á! Quạ ! Quạ ! Quạ !

Á! Quạ ! quạ ! quạ ! Mạ ăn thịt con (cười ngất nghẻo) Á! Quạ ! Quạ ! Mạ ăn thịt con!

Tiếng quạ kêu đáp lại.

BÉ TRAI (khích động) : Nhiều quá. Chúng nó bay vòng tròn trên đầu mình ngộ quá. Ngộ quá.

BÉ GÁI (Đập hai tay bắt chước điệu bộ quạ bay): Á! Quạ ! Quạ ! Mạ ăn thịt con.

Cười ngất nghẻo.

BÉ TRAI (Đứng dậy, cũng vung hai tay làm quạ bay): Quạ! Quạ ! A! Quạ ! Quạ !

Tiếng quạ đáp lại.

BÉ TRAI: Tao là quạ nghe mà y. Mà y làm xác chết đi. Đi mà y! Nằm xuống.

Đưa bé gái vâng lời, nằm xuống cạnh những con cá chết.

BÉ TRAI (kêu lên): Quạ ! Quạ ! A...

Bé trai chạy quanh bé gái. Vòng chạy càng lúc càng rộng và nó phải leo lên những ghềnh đá. Nó vung tay, mặt ngược lên trời, hai chân thoăn thoắt trên những ghềnh đá càng lúc càng cao. Tiếng kêu của bé trai bắt đầu trở nên

man rợ.

Quạ ! Quạ ! A...

Tiếng còi tàu hú. Tiếng quạ kêu. Đứa bé trai càng chạy mau. Y nhảy lên ghềnh đá cao nhất và trượt chân té xuống. Sân khấu im lặng.

BÉ GÁI (bật ngồi dậy): Mày đâu rồi.

(Bé gái chạy lại đỡ bạn. Đứa bé trai mặt mày đầm máu).

BÉ TRAI (thều thào): Quạ. Quạ. Quạ.

BÉ GÁI (hét lên): Hoàng Trung! Hoàng Trung! Tỉnh dậy mày ơi!

Bé gái ôm lấy bạn. Người lính canh từ từ dẫn người tù đi ra.

Người tù hai tay bị trói gập ra đằng sau. Người lính chìa súng sau lưng người tù.

LÍNH CANH (Nhìn hai đứa nhỏ, lắc đầu.):

Em nhỏ, em nhỏ, bạn em chết rồi.

Tiếng còi hú. Người lính dẫn người tù đi.

Màn hạ

Ng~ th Tường Vy

Chừng đó, kỷ niệm

Trong tôi là giọt lệ mừng
Là hương sắc ủ nghe chừng dậy men
Là đam mê tưởng hoa niên
Là tình yêu, dấu muộn phiền không thôi
Là đêm phố cổ lạc loài
Là nụ hôn giấu mùi môi bạc hà
Là dòng nhạc nổi trắng hoa
Là ngón tay nắn tình xa lại gần
Là hàng nút mở ân cần
Là nơ bướm đậu tần ngần vai ngoan

.....

Ờ còn hơi thở, vội vàng
Còn giọt nước mắt...muộn màng, khóc nhau.

bài thơ: “ Chừng đó, kỷ niệm ” của Ng~ th Tường Vy đi trong TQBT 7, trang 176. Vì lý do kỹ thuật, TQBT có lộn một chữ trong câu 6 “ mùi hôi bạc hà ” . Nay chúng tôi xin đi lại nguyên bài thơ trên trong TQBT 8. Thành thật xin lỗi tác giả và độc giả.

Biên tập chủ lực:
Trần Bang Thạch, Cao Vị Khanh, Phạm văn Nhân,
Nguyễn Nhung, Trần Hoài Thư
Đặc trách bài vở, đánh máy, layout: Phạm văn Nhân
Đặc trách kỹ thuật, in ấn, bookbinding: Trần Hoài Thư
Tranh ảnh bìa: Trần Q Thoại
Liên lạc
Email: tranhoaitu@yahoo.com
nhanvanpham@yahoo.com
hay
Trần Hoài Thư
P.O. Box 58
S. Bound Brook NJ 08880 USA

Tạp chí phổ biến hạn chế trong vòng thân hữu, không bán

